

NGUYỄN TÂM THƯỜNG



CON BIẾT
CON CẦN CHÚA
27 ĐỀ TÀI SUY NIỆM VÀ CẦU NGUYỆN

CHÍNH THỨC PHÁT HÀNH TẠI VIỆT NAM
- NHÀ SÁCH ĐỨC BÀ HÒA BÌNH -

LM. NGUYỄN TÂM THƯỜNG

Con Biết Con Cần Chúa

First published by Tủ Sách Công Giáo (eBooks) in 2018

Copyright © Lm. Nguyễn Tâm Thường, 2018

Bạn có thể chia sẻ hoặc gửi tặng, nhưng xin đừng sử dụng làm thương mại dưới mọi hình thức.

Tủ Sách Công Giáo kính tặng.

First edition

This book was professionally typeset on Reedsy

Find out more at reedsy.com

MỤC LỤC

BÁN RUỘNG

TRỞ V

TRONG ĐẠO

NGOẠI ĐẠO

GIAN NAN CHO NI M TIN

HÁI LỘC

TÌNH YÊU VÀ HÔN NHÂN

M Ý CÁI BÁNH NHỎ

NGƯỜI ĐỒ RÁC

KHI NGƯỜI KHÔNG ĐÁP TRẢ

MƯỢN XÁC

NỖI LÒNG CHA

ĐÔI ĐI U SUY NGHĨ

THA NỢ

TẶNG VẬT

RÁC

TRÊN ĐƯỜNG V

THỜI GIAN

VÒNG GAI VÀ NỤ HÔN

BAO DUNG

BÓNG MÁT

SA MẠC

TÌM NHAU

MẸ THIÊN CHÚA

KHÔNG PHẢI BÁNH VỤNG

CẢN CƯỚC

LINH MỤC

BÁN RUỘNG

“Chúa Yêsu lại dạy một thí dụ khác mà rằng: Nước Trời ví như người kia gieo giống tốt trong ruộng mình. Nhưng lúc mọi người ngủ thì có kẻ thù đến gieo cỏ lùng lẫn với lúa rồi đi. Khi lúa lớn lên và có bông thì cỏ lùng cũng xuất hiện”
(Mt. 13: 24-26).

Lời Kinh Thánh trên đây nói về thửa đất đã có từ lâu. Mảnh ruộng đã mấy đời cấy cày. Một hôm, có khách qua đường dừng chân đứng ngó. Người tìm đất gian manh suy tính.

Có thửa ruộng đã 20 năm, có mảnh đất đã 40 mươi tuổi đời. Cuộc sống mỗi người là một thửa ruộng. Từ lúc chuông nhà thờ báo vui ngày tôi rửa tội, trong vườn ấy, Người trồng cây nhân ái. Từ lúc thửa đất linh hồn tôi khai sinh. Trong vườn ấy, Ngài gieo hạt giống độ lượng.

Đã bao ngày Ngài cuốc vỡ đất bờ. Vất vả, nhưng Ngài mơ một ngày thửa vườn sai trái. Nắng có hanh nhưng lòng Ngài vẫn mát cho một chân trời hy vọng. Tôi còn nhớ ngày Ngài trao thửa vườn cho tôi. Có mát dịu bình yên đi về, có sương ẩm là những lời kinh sớm hôm phủ trên bờ đất mềm. Những hạt giống khiêm nhường, nhẫn nại, hy sinh, nhiệt thành Ngài gieo xuống hồn tôi, khoảng thời gian ấy, nhú mầm xanh đẹp làm sao. Hây hây màu bình minh rục rờ là lời chuông ban sáng. Êm đềm quá đỗi. Trời càng hồng, thửa vườn càng căng màu sống. Ngài trao cho tôi, dặn dò cẩn thận, trong đôi mắt Ngài, ẩn giấu màu hy vọng của một mùa gặt sắp tới.

* * *

Hôm nay nhớ lại thửa xa xưa đó, một hôm, có người khách lạ qua đường dừng chân đứng ngó. Hắn ta đứng nhìn thửa vườn linh hồn tôi, suy tính. Một lần, rồi một lần qua đi. Đến một chiều hoang dại hắn ghé chơi. Tôi nghi ngại tần ngần. Hắn nhìn cây nhân ái, ướm thử cành can đảm, đo nhánh trung thành. Rồi hắn lại ghé chơi. Dần dà, đến một ngày khi bình minh và hoàng hôn đều rải nắng như nhau. Thì hắn, dường như không còn là khách lạ như xưa. Hắn ta quen thuộc ra vào thửa vườn linh hồn của tôi. Tôi chẳng còn phân biệt màu nắng vàng đỏ của buổi chiều sắp tắt hoàng hôn và màu cam ối khi mặt trời mọc. Khởi đầu và tận cùng dường như mù mờ lẫn lộn. Thánh thiện và tội lỗi giao thoa. Cái hiu hiu của chân trời lịm đi và cái hây hây của một bình minh đang lên như nhòa lẫn vào nhau.

Ngang đời, hôm nay Chúa trở về thửa vườn xưa. Ngài hỏi lại chuyện cũ, muốn thăm lại vùng đất linh hồn tôi mà Ngài đã mơ một mùa sai trái.

* * *

Cỏ cây lên như nhau mất rồi. Người khách lạ đã âm thầm làm việc, gãi trồng những loại cây rừng hắn muốn. Thửa đất linh hồn tôi, không hẳn là đã bị mua vì người mua không muốn xuất đầu lộ diện. Không hẳn là bán vì tôi tiếc đất không chịu ký tên. Mơ hồ, lãng đãng. Kinh Thánh chỉ bảo “khi ngủ” thì có kẻ thù đến gieo cỏ. Hôm nay, nhìn lại, vườn không bán mà mất quyền làm chủ. Khách lạ không mua mà lại gieo được thứ nó muốn trồng. Linh hồn tôi đã một thửa bình yên. Nay dậy sóng gian nan. Cõi lòng tôi đã một thửa vườn lên màu xanh thông thả, gió về không lo âu. Tim tôi đã một thửa ươm màu hồng của nắng, màu vàng rực của trời. Giờ đây, tiếc nhìn dĩ vãng.

Ngang đời, hôm nay Chúa đến thăm linh hồn tôi, ruộng đất phai màu chung thủy. Đất nhạt muối của lòng mến. Bến bờ đợi trông một mùa lúa tốt đã bẽ bàng mất mát. Chấp nhận những ngày nắng đổ, gánh đi những sỏi đá chai cứng của một linh hồn khô cằn. Chúa đã nao nức vỡ đất nhìn về tương lai. Ngang đời,

hôm nay Ngài đứng nhìn thửa ruộng mà bàng khuâng hỏi lòng. Đất không bán, ruộng không cho thuê, sao lại loang lổ những vùng cỏ hoang dại.

Lạy Chúa, hồn con là một thửa ruộng. Chúa là người trông. Chúa đã nhọc nhằn vỡ đất hồn con. Tại sao con lại coi thường kẻ thù phá hoại? Có sa ngã nào con vấp phạm mà đã không qua những ngày tháng mở cửa linh hồn làm quen với những dịp tội. Con có thể an ủi mình rằng làm sao mà tôi thức tỉnh được, tôi cũng thân phận yếu đuối. Tuy nhiên, con thấy khó mà chấp nhận được lời giải thích đó. Kẻ thù gieo cỏ khi con ngủ, vậy khi thức dậy con không thấy gì khác lạ sao? Từ khi cỏ mọc cho tới khi lúa trở bông cũng cần thời gian chứ, có đam mê nào trở thành lối sống nếu con đã không cứu mang nó bằng những ngày tháng thật dài. Con không bao giờ vác cuốc thăm ruộng hồn mình để biết nắng mưa sao? Đó là sự lười biếng của con.

Cái tinh vi của Satan là gieo cỏ lùn lẫn với lúa “rời đi.” Gieo xong, Satan không đứng đó nhưng bỏ đi. Qua đêm, thức dậy không thấy bóng dáng kẻ thù nên con tưởng rằng thửa ruộng chỉ có hạt giống tốt thôi. Trong cái thờ ơ của cuộc sống, con đã không xét mình kỹ lưỡng những công việc con làm và hồn con đã phiêu du vào những chân trời nguy hiểm. Có những việc tông đồ đã bị hương khói Satan mờ mịt mà con cứ tiếp tục đi. Nguy hiểm biết bao, xin Chúa hãy thức tỉnh con.

TRỞ VỀ



Nói trở về là nói tới mình đang ở xa. Xa nhà, nay tôi trở về. Cái khoảng cách không gian cho ta cảm tưởng rõ ràng một sự cách biệt.

Khi định nghĩa trở về trong ý nghĩa thiêng liêng, ta thấy khó hơn. Thí dụ, nói tôi trở về với Chúa. Cái khoảng cách giữa tôi và Chúa không biết ngắn hay dài. Lấy gì để mà đo. Nếu xét rằng tôi không phạm tội nặng, tôi vẫn đi lễ thì dường như tôi không xa Chúa. Tôi không cần đặt vấn đề trở về.

Đọc dụ ngôn con chiên lạc, ta thấy ngay là con chiên đó xa đàn. Hình ảnh Chúa đi tìm làm ta thấy con chiên này cần trở về. So sánh mình với người khác, ta thấy có người bỏ nhà thờ, có người có đời sống tội lỗi công khai. Như thế, họ cần trở về hơn mình. Tuy nhiên, đọc kỹ đoạn Tin Mừng, ta thấy sự trở về có thể là cần thiết cho chính những con chiên không bỏ đàn đi, không bỏ nhà thờ, vẫn ở trong nhà thờ.

Bản văn không nói rõ lý do nào làm con chiên đã lạc đàn. Dụ ngôn chỉ nói *“Ai trong các ông, giả sử có trăm con chiên và lạc mất một con”* (Lc. 15: 4). Nguyên do nào làm nó lạc? Ta thấy có hai nguyên nhân. Một là nó bỏ đàn đi vì lầm lỡ đời cỏ dại là hạnh phúc. Có thể nó bỏ đàn đi vì theo chủ thì dài và vắng vẻ, nó thích tiếng ca của bầy chồn hơn. Có thể trên những quãng đời nắng khát hạnh phúc nó đã bị giọng nói tinh vi của Satan lừa gạt. Lý do thứ nhất này nó sa ngã vì những cám dỗ.

Giữa những nguyên nhân lạc xa đàn, có khi nào nó bỏ đàn vì những con chiên khác trong đàn? Nghĩa là vì sự kết án, chia rẽ, phe nhóm ngay trong xứ đạo. Từ những nguyên nhân này làm con chiên tách xa đàn, rồi mới đi tới lạc đàn. Lý do thứ hai này là điều ta thử tìm hiểu.

Nhìn vào lịch sử, vết thương buồn vẫn còn là dấu chứng: Đã bao lần chúng ta kết án nhau! Trong tiến trình ý thức về tội, Adam bảo tại Evà mà ông ta phạm tội. Evà bảo tại con rắn mà bà sa ngã (Stk. 3: 12-13). Không ai có nước mắt ăn năn. Không ai nhận rằng tôi phải trở về. Chỉ có kẻ khác phải trở về.

Hôm nay, trong đời sống thiêng liêng, có những linh hồn cũng đã phải xa xứ đạo của mình vì sự mất bình an giữa cộng đoàn tín hữu của họ. Nơi đây không phải là nhà. Nơi đây chẳng có lý tưởng. Có người phải sống mặc cảm dưới cái nhìn rẻ rúng của những kẻ chung quanh. Những tiếng xầm xì về một lỗi lầm của quá khứ. Những nghi kỵ về một xét đoán mù mờ, những thêu dệt về một sự thật không đúng sự thật. Có những góp ý xây dựng những đổ vỡ, nhưng lại đề cập đến khuyết điểm của kẻ khác để vì cái khuyết điểm ấy mà mình được nổi hơn. Có những cạnh tranh vì tháp nhà thờ mình phải cao hơn tháp nhà thờ bên cạnh. Có nhiều cuộc phải lên đường trở về vì có nhiều thứ xa Chúa. Mà xa Chúa nhất là xa Chúa ở trong đền thờ.

Nói trở về là nói tới mình đang ở xa. Xa nhà, nay tôi trở về. Cái khoảng cách không gian cho ta cảm tưởng rõ ràng một sự cách biệt.

Khi định nghĩa trở về trong ý nghĩa thiêng liêng, ta thấy khó hơn. Thí dụ, nói tôi trở về với Chúa. Cái khoảng cách giữa tôi và Chúa không biết ngắn hay dài. Lấy gì để mà đo. Nếu xét rằng tôi không phạm tội nặng, tôi vẫn đi lễ thì dường như tôi không xa Chúa. Tôi không cần đặt vấn đề trở về.

Đọc dụ ngôn con chiên lạc, ta thấy ngay là con chiên đó xa đàn. Hình ảnh Chúa đi tìm làm ta thấy con chiên này cần trở về. So sánh mình với người khác, ta thấy có người bỏ nhà thờ, có người có đời sống tội lỗi công khai. Như thế, họ

cần trở về hơn mình. Tuy nhiên, đọc kỹ đoạn Tin Mừng, ta thấy sự trở về có thể là cần thiết cho chính những con chiên không bỏ đàn đi, không bỏ nhà thờ, vẫn ở trong nhà thờ.

Bản văn không nói rõ lý do nào làm con chiên đã lạc đàn. Dụ ngôn chỉ nói *“Ai trong các ông, giả sử có trăm con chiên và lạc mất một con”* (Lc. 15: 4). Nguyên do nào làm nó lạc? Ta thấy có hai nguyên nhân. Một là nó bỏ đàn đi vì lầm lỡ đời cỏ dại là hạnh phúc. Có thể nó bỏ đàn đi vì theo chủ thì dài và vắng vẻ, nó thích tiếng ca của bầy chồn hơn. Có thể trên những quãng đời nắng khát hạnh phúc nó đã bị giọng nói tinh vi của Satan lừa gạt. Lý do thứ nhất này nó sa ngã vì những cám dỗ.

Giữa những nguyên nhân lạc xa đàn, có khi nào nó bỏ đàn vì những con chiên khác trong đàn? Nghĩa là vì sự kết án, chia rẽ, phe nhóm ngay trong xứ đạo. Từ những nguyên nhân này làm con chiên tách xa đàn, rồi mới đi tới lạc đàn. Lý do thứ hai này là điều ta thử tìm hiểu.

Nhìn vào lịch sử, vết thương buồn vẫn còn là dấu chứng: Đã bao lần chúng ta kết án nhau! Trong tiến trình ý thức về tội, Adam bảo tại Evà mà ông ta phạm tội. Evà bảo tại con rắn mà bà sa ngã (Stk. 3: 12-13). Không ai có nước mắt ăn năn. Không ai nhận rằng tôi phải trở về. Chỉ có kẻ khác phải trở về.

Hôm nay, trong đời sống thiêng liêng, có những linh hồn cũng đã phải xa xứ đạo của mình vì sự mất bình an giữa cộng đoàn tín hữu của họ. Nơi đây không phải là nhà. Nơi đây chẳng có lý tưởng. Có người phải sống mặc cảm dưới cái nhìn rẻ rúng của những kẻ chung quanh. Những tiếng xầm xì về một lỗi lầm của quá khứ. Những nghi kỵ về một xét đoán mù mờ, những thêu dệt về một sự thật không đúng sự thật. Có những góp ý xây dựng những đổ vỡ, nhưng lại đề cập đến khuyết điểm của kẻ khác để vì cái khuyết điểm ấy mà mình được nổi hơn. Có những cạnh tranh vì tháp nhà thờ mình phải cao hơn tháp nhà thờ bên cạnh.

Có nhiều cuộc phải lên đường trở về vì có nhiều thứ xa Chúa. Mà xa Chúa nhất là xa Chúa ở trong đền thờ.

* * *

Câu chuyện người đàn bà ngoại tình trong Phúc Âm (Yn. 8:1-11) cũng là câu chuyện của bao nhiêu cánh cửa tâm hồn khắc nghiệt với nhau hôm nay. Lạc lối buồn bã nhất là ảo tưởng tiên tri thấy mình phải chỉ lối cho người lạc lối. Vì phải đi tìm chiền lạc nên không thấy mình lạc. Đó là thái độ của các Biệt Phái. Chúa rộng lượng thứ tha. Ngài nâng lên cây sậy bị dập. Ngài che đậy ngọn đèn sắp tắt. Nhưng con người đối với nhau lại khắc nghiệt. Người thiếu nữ ngoại tình ấy đi tìm một miền đất để sống. Chẳng còn vùng trời nào khác ngoài sự đau khổ. Vì gian truân nên muốn đến với Chúa, cửa nhà thờ mở ngõ nhưng cửa tâm hồn người coi nhà thờ khắc nghiệt.

Có những tâm hồn vì yếu đuối đã sa ngã, Chúa thương bằng bó vết thương, nhưng người chung quanh không để cho lành. Người phụ nữ ấy bơ vơ, muốn đến giáo đường tìm Chúa mà phải đến lén sợ người trong Giáo Hội trông thấy. Câu chuyện của Tin Mừng năm xưa cũng chưa phải là phai nhòa trong đời sống chúng ta hôm nay.

Có cha mẹ hắt hủi con mình, người trong gia tộc miệt thị nhau, giai cấp trong đạo lên án chỉ vì cây sậy đã bị dập, ngọn đèn đã leo lét. Ra đi tìm một miền đất sống, nhưng im lặng của các tâm hồn đó đã dọn đường trở về với Chúa rồi. Những đau khổ họ phải chịu vì người anh em mình đã nặng hơn lỗi lầm họ phạm. Vì thế, khi họ phải bỏ xứ đạo ra đi, trốn khỏi gia đình, quãng đường xa ấy biết đâu lại rất gần Chúa.

Vào một già từ không tiếng nói. Thất vọng vì bị kết án. Chán nản trong một họ đạo đổ ky. Lặng lẽ, một tín hữu nào đó bỏ nhà thờ. Trong đêm mờ tối ấy, đời họ chìm sâu hơn trong tội lỗi có khi chỉ vì muốn tránh những nhánh gai trong vườn gia đình, xứ đạo mình quá sắc.

Có những lỗi chung thủy đến từ người mà mình đã rất thủy chung. Có những đau khổ mình phải chịu đến từ người mà mình đã chịu khổ đau cho. Có những hố thẳm mà người cùng một lý tưởng tông đồ đào cho nhau. Có những vực sâu trước nhà thờ.

Khi Đức Kitô hỏi các Ký Lục và Biệt Phái ai là người trong họ vô tội mà đòi ném đá người phụ nữ. Tất cả họ từ từ rút lui (Yn. 8:7-9). Kẻ cần phải trở về là chính người không đi xa, đang ở ngay trong đền thờ.

* * *

Lạy Chúa, nếu con không phải là con chiên lạc, là kẻ trong đàn nhưng đã là nguyên cớ làm cho tâm hồn khác xa đàn, thì, lạy Chúa, sự có mặt của con trong đàn có khi còn nguy hiểm hơn là vắng mặt. Vì sự có mặt ấy mà bao nhiêu người phải vắng mặt. Nếu vậy, lạc lối trong hồn con còn xa xôi hơn nữa. Con cần phải trở về biết bao. Con đã xa cách Giáo Hội khi con ở trong đền thờ.

Khi con bỏ đền thờ thì con biết mình xa nơi thánh. Khi con ở trong đền thờ mà làm cho người khác phải ra đi thì khó mà nhận ra là sự thánh thiện đã xa mình.

Khi phạm tội thì có thể con biết mình xa Chúa, nhưng khi làm cho người khác xa Chúa thì khó mà biết mình phạm tội.

TRONG ĐẠO



Câu chuyện người con hoang đàng trong Phúc Âm Luca cho ta thấy cần suy nghĩ nhiều về những người con “không” hoang đàng.

Chuyện kể về người cha có hai đứa con, đứa con thứ ra đi sống trác táng phá tan cả sản nghiệp. Ta kết tội nó là đứa con hoang đàng. Còn người con trưởng ở lại thì sao? Nó không bỏ nhà đi hoang, như thế là một mẫu mực rồi chăng?

Người cha lạc lõng

Người cha chỉ có hai đứa con. Khi con thứ bỏ nhà ra đi, ông còn lại người con trưởng. Trong câu chuyện ta không thấy nhân vật con trưởng này xuất hiện trong cuộc đời liên hệ với cha nó, không thấy liên hệ với em nó. Mãi đến cuối câu chuyện mới thấy xuất hiện, sự xuất hiện này là một bùng nổ đã âm ỉ từ lâu, nó chống lại cha nó và em nó.

Thật ra, người cha mất cả hai đứa con chứ không phải một. Đứa con thứ bỏ nhà đi. Đứa con trưởng ở lại nhưng không sống với thái độ là con. Nó đã rõ ràng xác nhận như thế: *“Tôi làm tôi cho ông”* (Lc. 15: 29).

Lạc lõng không phải là một mình mà là không gặp cái mình tìm. Cái mình không cần mà vẫn có thì là dư, bởi thế, lạc lõng là đi giữa đoàn người mà vẫn thấy vắng, đi giữa cuộc đời mà cứ lẻ loi. Người cha có hai nỗi khổ tâm. Khổ tâm

thứ nhất là vắng mặt của người con thứ. Khổ tâm thứ hai là có mặt mà như là thừa của người con trưởng.

Vắng mặt một người là mất mát, nhưng có nhớ. Nhớ và thương làm giây liên hệ tình cảm gần lại. Vắng mặt nên ta có nhiều chân trời tưởng tượng để sống với những cảm tình ấp ủ, với hy vọng. Do đó, có thể niềm an ủi của đau khổ vì mất mát là không đau khổ bằng có mặt mà thừa. Nếu có mặt mà thừa thì không còn chân trời nào để thoát nữa. Thực tế là phũ phàng phải đối diện mặt gặp mặt. Bởi đó, có mặt mà thừa thì dần vặt hơn là vắng mặt mà nhớ.

Vào vị thế của người cha trong câu chuyện, Đức Kitô mang cả hai tâm trạng đau khổ. Đau khổ vì một đứa ra đi và khổ đau vì đứa ở lại trong nhà nhưng cõi lòng vẫn là cách xa.

Một cõi lòng xa cách

Xét về bản văn thì phần nói về người con trưởng cũng dài gần một nửa. Chiếm khá nhiều lời, bởi đó, ta có thể lưu tâm, tìm hiểu thái độ người con trưởng dựa vào trình thuật này.

Thái độ đối với cha: Ở trong nhà cha, nhưng anh ta sợ cha và vắng phục trong thái độ của kẻ làm tội tở. “*Đã bao năm trời tôi làm tôi ông.*” Như thế gần cha mà vẫn xa. Mỗi lần bỏ lễ Chúa Nhật, tôi bối rối vì tội. Nếu bối rối này đến vì sợ Chúa phạt chứ không phải tiếc nuối đến từ lòng mến thì Chúa chưa phải là cha. Đôi khi nhìn vào lề luật, đã chẳng có những lúc thầm nghĩ: “Giả sử mình không có đạo thì đỡ hơn, bây giờ lỡ biết Chúa rồi không dám bỏ.” Nếu đời sống đạo của tôi là thế thì tôi phải xin Chúa cho tôi gặp gỡ Ngài vì tôi ở trong nhà Ngài nhưng rất xa Ngài.

Thái độ với tha nhân. Anh ta gọi đứa em của mình là “*thằng con của ông*” (Lc. 15: 30). Anh ta gạt nó ra khỏi tình nghĩa liên hệ với mình. Làm sao trong Giáo Hội mà tôi có thể tách rời khỏi tha nhân. Khi hai xứ đạo bên cạnh nhau mà một

xứ xây nhà thờ nguy nga, một xứ nghèo nàn. Lý luận thông thường là tùy ngoại giao của cha xứ, nếu ngài quen biết nhiều thì có nhiều tiền. Dĩ nhiên không thể có sự phân chia đồng đều tuyệt đối, nhưng cứ nhìn vào thực trạng, ta có nhiều dấu chỉ phải suy nghĩ về những mối liên hệ trong cộng đồng nhân loại và Giáo Hội.

* * *

Chúa Kitô đợi chờ những tấm lòng thao thức của con cái trong nhà đối với công việc của Người. Người làm công thì không thao thức, và họ chẳng có bổn phận phải thao thức. Tôi nghĩ, một phần vì nền giáo lý lúc còn trẻ, ta không được dạy cho ý thức sâu sa sự thao thức về Giáo Hội. Bởi đó, công việc truyền giáo, người giáo dân Việt Nam không đặt vấn đề suy niệm là bao. Ít khi ta băn khoăn nhìn một ngày mới và hỏi lòng, tôi sẽ làm gì cho Giáo Hội. Ít khi chiều về ta đặt thao thức Giáo Hội của tôi hôm nay thế nào. Có khi nào tôi cảm thấy niềm đau chung với Giáo Hội và hân hoan niềm vui với Giáo Hội không. Sự ít ý thức đó cũng là nguyên nhân phần nào đưa đến cạnh tranh nhau trong công việc tông đồ. Việc tông đồ của mình phải thành công hơn người khác, thậm chí có khi còn hạ người khác xuống. Ngày nào tôi không nghĩ tới Giáo Hội, ngày đó tôi chỉ là khách trọ trong Giáo Hội, hoặc là người làm công mà thôi. Giáo Hội đã bị giáo dục như là một cơ chế quyền bính hơn là nhà của tôi.

* * *

Tôi nghĩ thái độ làm công trong nhà của người con trưởng là đề tài rất quan trọng. Tại sao?

Ta hãy nhìn lại đoạn văn tả về thái độ “làm tôi tớ trong nhà” của người con trưởng với đoạn văn mà người con thứ nói với cha nó khi nó trở về. Trong các lớp Kinh Thánh, khi tôi đặt câu hỏi: Sau những ngày hoang đàng trở về, người con thứ thưa với cha mình như thế nào? Hầu hết các bạn đã trả lời thế này:

“Thưa cha, con đã trót phạm tội nghịch với trời và trước mặt cha con không còn

đáng gọi là con cha nữa. Xin xử với con như một người làm công của cha thôi” (Lc. 15: 18-19).

Câu trả lời này sai. Điều đáng buồn là có người đọc, nghe đoạn Tin Mừng này nhiều lần rồi mà không không biết sai ở chỗ nào. Câu trên đây là **đự tính sẽ nói** của nó khi nó còn đang phải chăn heo. Nó suy tính phải nói gì đây khi về gặp cha. Và nó đã sáng tác ra câu này. Động lực thúc đẩy nó về là vì đói. Thánh Luca kể rằng *“nó hồi tâm lại thấy biết bao người làm công có dư thừa bánh ăn mà nó phải chết đói ở đây. Thôi dậy, tôi về cùng cha tôi” (Lc. 15: 17-18).* Vì thế, nó xin cha xử với nó như một người làm công. Đối với nó câu này mang nhiều ý nghĩa.

Nhưng thật tuyệt vời là câu này lại bị người cha gạt bỏ. Đối với nó, câu này là sống còn, phải xin cho bằng được làm công. Nếu không, lấy gì mà ăn. Khi gặp cha, nó lặp lại y chang những gì nó đã suy tính lúc còn chăn heo. Nhưng nó vừa nói tới câu *“con không còn đáng gọi là con cha nữa”*, thì cha nó cắt ngang. Ông vội nói với gia nhân: *“Mau mau đem áo thượng hạng mà mặc cho nó” (Lc. 15: 21-22).* Như vậy là lúc nó **thực sự nói** với cha thì không có câu *“xin xử với con như một người làm công.”*

Cái ý nhị và sâu thẳm trong đoạn văn, cái tinh tế trong lối viết của Luca là đó. Chúa không muốn nghe ta xin làm tôi tớ trong nhà. Dù có lỗi phạm, ta vẫn là con. Dù có phiêu bạt chân trời nào thì Chúa vẫn là cha. Chúa không đổi bản tính làm con xuống hạng tôi tớ. Im lặng mà lung linh tuyệt vời khi dừng chân nhìn vào ý nghĩa của đoạn văn ấy.

* * *

Nhìn thế, ta thấy đoạn văn đó liên hệ chặt chẽ với lời tự thú của người con trưởng: *“Đã bao năm tôi làm tôi ông.”* Lời này đã bị cha dim đi, ông không muốn nghe, ông gạt đi khỏi miệng người con thứ, thì nó lại được người con trưởng công bố. Người cha không muốn nghe người con thứ trở về nhà mà xin làm tôi tớ, hẳn ông khổ tâm thế nào khi người con trưởng xử sự với ông như chủ ông và

gia nhân. Đặt hình ảnh người con trưởng liên hệ trong toàn mạch câu chuyện ta thấy rõ hơn chiều sâu trong lối hành văn và nền thần học của Luca, và cái ý nhị của nền tu đức nữa là ta phải đặt một chiều sâu suy niệm với hình ảnh người con trưởng “không đi hoang” cần trở về như thế nào.

* * *

Lạy Chúa, so sánh mình với người khác có khi con thấy người khác cần trở về hơn con. Dấu chỉ con không cần trở về là con còn trong Giáo Hội, còn đi lễ, còn giữ các giới răn, có khi còn giữ chức vụ này nọ trong Giáo Hội. Không biết những lễ thói con giữ đó có bảo đảm cho con rằng con gần Chúa không hay chỉ là tâm tình nô lệ. Biết đâu sự trở về của kẻ ở nhà lại cấp bách hơn kẻ đi xa. Nỗi đau khổ của cha vì đứa con thứ bỏ nhà đi chưa chắc đã nặng hơn nỗi khổ tâm do sự có mặt của người con trưởng. Biết đâu kẻ ra đi có nhớ, có thương.

Đau khổ của nhớ thương là đau khổ buông theo chiều gió. Đau khổ của có mặt mà thừa là đau khổ không có gió mà buông.

NGOẠI ĐẠO



Lạy Chúa, con là người ngoại đạo

Nhưng tin có Chúa ngự trên cao.

Là người **ngoại đạo** sao lại tin có Chúa ngự trên cao? Đã tin Chúa ngự trên cao là **có đạo** rồi. Nếu tin Chúa ngự trên cao mà vẫn **ngoại đạo** chỉ có nghĩa là **có đạo** mà không **vào đạo** thôi.

Nhiều người **có đạo** nhưng không **vào đạo**. Cũng như nhiều người **vào đạo** nhưng không **có đạo**. Thơ Nguyên Sa bảo rằng nắng Saigon tôi đi mà chột mát vì em mặc áo lụa Hà Đông. Cũng nắng Saigon tôi đi, nhưng sẽ chẳng chột mát khi lòng tôi không có áo-lụa-em bay. Áo lụa cũng phơi bên sân hiên nhà ai. Dưới ngõ trúc cũng là áo lụa ai đi về. Cũng là áo lụa đó, nhưng vẫn là khác. Phải là áo-lụa-em bay lòng anh mới chột mát.

Như thế, xem ra, cái gần gũi không gian có là gần mà vẫn là xa. Cái lòng mình chột mát phải là cái gì thiêng liêng hơn, nó ở trong hồn ta chứ không ở ngoài ta. Nếu nó ở ngoài ta thì bất cứ áo lụa nào lòng tôi cũng chột mát, bất cứ nắng nào cũng được chứ không phải nắng Saigon. Cái nắng Saigon, con đường Duy Tân lá đổ, hàng me già công viên, tự nó chỉ là me, là nắng, là lá đổ mà thôi cho những ai đi giữa Saigon mà không có Saigon với áo-lụa-em trong hồn mình.

Còn ai có áo-lụa-em thì nắng là chột mát, lá đổ là muôn chiều dư âm. Đạo cũng thế, chỉ khi nào đạo ở trong tôi mới là **có đạo**, mới là “chột mát”, là ơn cứu độ.

Thủa xưa cũng đã có một chuyện tình. Ngày đó, sau khi phạm tội, Adam cùng Evà đi “trong địa đàng” nhưng vẫn là rũa giữa địa đàng. Như thế, “tôi ở trong địa đàng” vẫn là thống khổ, chỉ khi “địa đàng ở trong tôi”, lúc đó tôi mới “có địa đàng”, bấy giờ mới là gió lụa, mới là nắng hoa, mới là lòng mình chột mát.

Nói về **có đạo** và **vào đạo** thì Phúc Âm có nhiều biến cố tường thuật về những người ngoại đạo nhưng lòng họ thì lại có đạo.

Một người ngoại đạo

Kết thúc cuộc đời rao giảng của Chúa là khúc đường vác thập giá lên Núi Sọ. Nếu Chúa vác không nổi mà chết trên đường đi thì hành trình cứu chuộc có dang dở không? Đó là câu hỏi giả sử mà thôi. Thực tế, hành trình cứu chuộc đã không dang dở. Chúa đã không kiệt sức mà chết trên đường đi vì đã có người vác đỡ. Kẻ vác đỡ thánh giá là ông Simon, người xứ Kyrênê, ông là một người ngoại giáo (Lc. 23:26).

Một người ngoại giáo nữa

Trong quãng đời mục vụ của Chúa, Tin Mừng thánh Matthêu có kể câu chuyện đức tin của một người như thế này:

Khi Ngài vào Carphanaum, thì một viên bách quản đến gặp Ngài, van xin: *“Thưa Ngài, tên hầu của tôi nằm liệt bất toại ở nhà, phải đau đớn dữ dần.”* Ngài nói: *“Ta phải đến chữa nó?”* Viên bách quản thưa lại: *“Thưa Ngài, tôi không đáng được Ngài vào mái nhà tôi. Song Ngài hãy phán một lời mà thôi, thì tên hầu tôi sẽ khỏi, vì tôi đây tuy là thuộc hạ, thế mà có linh tráng dưới quyền tôi, tôi bảo người này: “Đi đi!” là nó đi; và bảo người khác: “Đến!” là nó đến; tôi bảo tôi tớ của tôi: “Làm cái này” là nó làm”. Nghe vậy Đức Kitô ngạc nhiên và nói với các kẻ theo Ngài: “Quả thật, Ta bảo*

các người, ta chưa hề gặp được lòng tin lớn như thế nơi một người nào trong Israel” (Mt. 8:5-10).

Lại một người ngoại giáo nữa

Câu chuyện trên là chứng nhân của niềm tin. Câu chuyện dưới đây nói về tâm tình biết ơn, cũng lại là một người ngoài.

Nhằm lúc Ngài vào một làng kia, thì mười người phung hủi đón gặp Ngài. Đứng đằng xa, họ gióng tiếng lên mà rằng: “Lạy Thầy Yêsu, xin thương xót chúng tôi!” Thấy vậy, Ngài bảo họ: “Hãy đi trình diện với hàng tư tế.” Và xảy ra là trong lúc họ đi, thì họ đã được sạch. Một người trong bọn thấy mình được lành thì quay lại lớn tiếng tôn vinh Thiên Chúa, và sấp mặt dưới chân Ngài mà tạ ơn. Người ấy là một người Samari. Đức Yêsu cất tiếng nói: “Không phải là cả mười người được sạch cả sao? Chín người kia đâu? Không thấy họ quay lại mà chúc vinh Thiên Chúa, trừ có người ngoại bang này?” (Lc. 17:11-18).

Rồi lại một người nữa ngoại giáo

Thánh Luca thuật lại câu chuyện như sau: *“Một người ở thành Yêrusalem xuống Jêrico, giữa đường bị kẻ cướp bóc lột hết và đánh như tử, đoạn chúng bỏ người ấy nửa sống nửa chết mà đi. Tình cờ một trưởng tế đi qua đấy, ông thấy người ấy song tránh một bên mà đi. Lại có một thầy Lêvi cũng qua lối ấy, thầy thấy người ấy song cũng tránh một bên mà đi. Một người Samari nọ, nhân đi đường, cũng đến nơi ấy, thấy thế thì chạnh lòng thương, tiến lại đổ dầu và rượu, ràng buộc thương tích người ấy, đoạn vác người ấy lên lừa của mình mà đưa đến quán trọ, và săn sóc người ấy (Lc. 10:29-37).*

Thầy tư tế và Lêvi chẳng những là người trong đạo mà còn hơn nữa, họ là kẻ giảng về đạo. Họ ở **trong đạo** nhưng lại không **có đạo**. Kẻ sống đạo lại là người **ngoại đạo**.

Rồi những người ngoại giáo nữa

Vào đêm Chúa sinh ra, trên bầu trời Belem năm ấy có một vì sao lạ. Cả triều đình và bao nhiêu pho Kinh Thánh, với những kinh sư chuyên môn cắt nghĩa ngôn sứ, mà họ chẳng biết gì, họ phải đợi cho tới khi những kẻ ngoại giáo từ phương xa tới hỏi: Đấng Cứu Thế đã sinh ra ở đâu? (Mt. 2:1-12). Trên bầu trời Belem năm ấy, vâng: Con là người ngoại đạo, nhưng tin có Chúa ngự trên cao.

* * *

Lạy Chúa,

- *Nói về niềm tin thì các môn đệ khẳng định Thầy đâu có sống lại (Mc. 16:11, Yn. 20:25). Trong khi người có niềm tin mà tìm hết dòng dõi nhà Israel cũng không thấy lại là một người bên ngoài.*

- *Kẻ vác đờ thánh giá cho Chúa trên những bước chân xiêu té cuối đời cũng lại là người ngoại.*

- *Nói về lòng biết ơn thì ít quá. Trong cái ít ỏi ấy lại cũng là một người bên ngoài.*

- *Nói về lòng bác ái thương người thì cũng không phải là tư tế hay các vị chức sắc trong đạo mà lại là người Samari, một kẻ ngoại giáo.*

Bản khoán một chút thế nào là “người bên ngoài”, thế nào là “người bên trong”, thế nào là “ngoại đạo” và “có đạo”, con thấy một lần Chúa nói: “Ta bảo các người, nhiều kẻ từ phương Đông, phương Tây mà đến và được dự tiệc với Abraham, Isaac và Yacob trong Nước Trời, còn chính con dân trong Nước lại sẽ bị đuổi ra bên ngoài tối tăm” (Mt. 8:11-12).

Con không muốn là con dân trong Nước nhưng bị loại ra ngoài. Làm kẻ từ mười phương mà được Nước Trời thì vẫn tốt hơn. Nếu thế thì con phải hiểu ĐẠO là gì. Con phải bản khoán thế nào là “vào đạo” và thế nào là “có đạo”. Trời chiều nay rộng quá, mệnh mông như ĐẠO không bến bờ. ĐẠO mệnh mông lắm, làm sao con có thể đem ĐẠO vào một định nghĩa chật hẹp được. Làm sao con có thể nhốt ĐẠO vào nhà thờ, vẽ

chân dung ĐẠO bằng tờ giấy rửa tội. Đã nhiều lần con loại bỏ những ai không cùng tôn giáo với con là người “ngoại đạo”.

Bỏ cái chật hẹp của lòng mình, con thấy ý nghĩa lời kinh kia quá đỗi thênh thang. Nếu những giải mây ngang đời trôi về vùng trời bao la không biết đâu là bờ bến thì ý nghĩa của lời kinh ấy cũng mênh mông không biết đâu là bến bờ. Lời kinh đó là:

Lạy Chúa, con là người ngoại đạo

Nhưng tin có Chúa ngự trên cao.

GIAN NAN CHO NIỀM TIN



Cuộc gặp gỡ giữa Chúa Kitô và Mai Đệ Liên là một gặp gỡ gian nan. Một bên là tiên tri, một bên là gái điếm, cả hai đều bị xã hội kết án. Nếu Mai Đệ Liên vì niềm tin mà gian nan thì Đức Kitô cũng sẵn sàng gian nan cho niềm tin của kẻ tin Ngài.

Vì niềm tin mà gian nan

Trên đường đời, hôm nay Mai Đệ Liên đã đi tìm một địa chỉ rất mới: Đó là địa chỉ cứu rỗi. Tôi gọi vì niềm tin mà gian nan vì muốn gặp Đức Kitô mà người phụ nữ này đã phải chấp nhận những cái nhìn xỉ nhục của người đời. Hôm nay, bà phải đương đầu với cả xã hội đang kết án bà. Đi về một địa chỉ mà đám đông là dòng sông ngăn cách, một địa chỉ phải leo qua những cây cầu mà đám đông là kết án. Cho niềm tin dẫn về địa chỉ ấy, bà chấp nhận gian nan ngược theo chiều gió mà đi.

Gian nan cho niềm tin

Dẫu người phụ nữ can đảm, nhưng sự can đảm này vẫn mang một giới hạn. Bà đã mang tiếng là người tội lỗi, còn gì danh dự để mà sợ mất, bà chỉ chấp nhận gian nan mà thôi. Do đó, vì niềm tin mà người đàn bà gian nan thì gian nan đó

cũng không thể so sánh với gian nan mà Đức Kitô sẵn sàng chấp nhận cho niềm tin của bà.

Sự kiện Chúa để cho bà công khai ngồi cạnh mình là thái độ can đảm khác thường. Nó khác thường đến độ người Biệt phái mời Ngài đã phải tự nói với mình: *“Ông này, nếu quả thực là tiên tri, ắt đã biết người đàn bà sờ đến mình kia là ai, và thuộc hạng nào chứ: Một đứa tội lỗi”* (Lc. 7:39).

Nhìn vào sự kiện người đàn bà tội lỗi ngồi cạnh Chúa người ta có thể đặt những nghi ngờ về Đức Kitô như: Nếu không quen biết sao người phụ nữ này lại theo ông ấy đến đây? Đã liên hệ từ bao lâu? Ông ấy có là tiên tri thật không? Đức Kitô có thể bị hiểu lầm, bị mất danh dự. Đối với kẻ tin Ngài là tiên tri thì giờ này có thể đặt nghi vấn về niềm tin của mình. Đối với kẻ đứng đưng thì giờ này là lúc sáng tỏ cho lời xác quyết của Phariseu: *“Chúng ta biết rằng tên đó là một đứa tội lỗi”* (Yn. 9:23). Đối với kẻ chống đối thì giờ này là lúc vinh quang cho lời bảo chứng: *“Nó mê ăn uống, giao du với phường thu thuế và quân tội lỗi”* (Mt. 11: 19).

Trong phòng tiệc, tất cả thượng khách được mời đang ngả mình trịnh trọng trên thảm quý chăm chăm nhìn Ngài. Tại sao Đức Kitô lại để cho một phụ nữ ngồi bên cạnh xoa tóc xúc dầu thơm? Ngài không mắc cỡ trước biết bao cặp mắt nhìn về mình? Ngài không sợ mất danh dự vì gặp gỡ người đàn bà như thế? Phải chăng Ngài cũng ngượng ngùng lắm, phải chăng Ngài cũng sợ bị hiểu lầm lắm. Nhưng vì một người đã bước trong gió ngược gian nan mà gởi niềm tin thì Ngài cũng sẵn sàng gian nan đi ngược chiều gió đón nhận niềm tin ấy.

* * *

Lời con cầu nguyện:

Đã có một lần, dân chúng ùa đi theo, giữa đám người đó, có những thái độ theo dõi, có những cặp mắt tò mò, rồi họ ngừng ngàng khi thấy Chúa dừng lại dưới gốc cây, nói vọng

lên: “Giakêu, xuống mau, hôm nay Ta phải lưu lại nhà người” (Lc. 19:5). Hôm ấy, người ta cũng nói về Chúa: “Ông ấy vào ngụ nhà một người tội lỗi” (Lc. 19:7).

Bữa tiệc hôm nay nặng nề làm sao. Bao nhiêu cặp mắt đổ dồn nhìn về phía Chúa. Cái ngày Chúa tắt ngang qua Yêricô, rồi gặp Giakêu cũng vậy, cả đám đông đang theo, rồi bất chợt Chúa bỏ họ, chỉ nói chuyện với một tâm hồn. Hôm nay cũng thế, các khách tiệc trang trọng, thế mà Chúa bỏ hết, chỉ nói chuyện với một tâm hồn.

Ở cả hai hoàn cảnh, cho dù giữa đám đông, giữa một rừng người nhưng Chúa cứ đi tìm một người. Giữa một khung trời nhưng Chúa cứ chờ đợi một khung trời. Ở Chúa như có một cung đàn mà đám đông là lạc giọng. Khi đám đông đi tìm nguyên tắc thì cung đàn kia lại là lòng xót thương. Khi đám đông chờ đợi phán quyết thì tiếng lòng nọ lại là nhân từ. Khi đám đông là nghiêm phạt thì trái tim ấy lại là bao dung. Cứ như thế, họ lạc nhau.

Lúc Chúa nói với người phụ nữ: “Tội lỗi con đã được tha” (Lc. 7:48). Đám đông đã nghĩ trong lòng: “Ông này là ai mà dám tha tội” (Lc. 7:49). Nhưng Chúa chẳng quan tâm gì đến họ. Chúa không trả lời họ. Chúa chỉ nói với người phụ nữ thôi (Lc. 7:50). Thái độ của Chúa cũng giống như ngày Giakêu đến gặp Chúa.

Người phụ nữ cứ đi gặp Chúa, chẳng bận tâm với đám đông. Đám đông cũng chẳng thể làm Giakêu ngại ngùng. Còn Chúa, Chúa cũng là người không biết mắc cỡ trước những con mắt cợt đùa với lòng thương xót. Con thấy khi động đến lòng xót thương là Chúa bỏ tất cả những tập tục nghi thức.

Lạy Chúa, niềm tin của con là tiếng gọi tìm lòng thương xót. Lòng thương xót của Chúa là địa chỉ cho niềm tin con đi về. Niềm tin và lòng thương xót giao thoa với nhau. Nếu thế, trong đời sống của con, chỉ có niềm tin mà không có lòng thương xót thì niềm tin ấy lạc lõng biết lối nào đi.

HÁI LỘC



Khi làm một điều sai vào ngày Tết, người ta thường nói: “Thế này thì xúi quẩy cả năm!”. Tại sao lại kiêng kỵ vào ngày đầu năm? Cái gì khởi đầu bao giờ cũng linh thiêng. Vì đầu năm quan trọng nên ai cũng chúc cho nhau những điều tốt, hy vọng cả năm được may. Tránh điều xấu để cả năm khỏi xui. Người ta cầu chúc cho nhau đầu năm hái được nhiều lộc.

Không phải bây giờ người ta mới hái lộc. Từ nghìn xưa đã có chuyện “đầu xuân người con gái đi hái lộc” rồi. Không phải bây giờ mới có chuyện đầu năm xúi quẩy sẽ xui cả năm. Từ nghìn xưa chuyện người con gái hái lộc đã chứng minh cái xúi quẩy đó rồi.

Tết đầu tiên

Tết là những ngày đầu tiên của năm. Lần trở về cái Tết đầu tiên của lịch sử con người. Những tháng ngày khai sinh của vũ trụ. Ta thấy chuyện người con gái đi hái lộc đầu năm buồn như một pho sách cổ bụi mờ.

Cái Tết lịch sử ấy đã đi vào sách Sáng Thế Ký từ nghìn xưa Cựu Ước. Nhưng cái xúi quẩy của nó đã chảy dài đến hôm nay, và, sẽ xuôi dòng mãi mãi cho đến hút thẳm của thời gian.

Ngày đầu năm ấy đã huy hoàng. Chúa xuân đã rực rỡ. Tờ khai sinh của vũ trụ đã được Kinh Thánh kể:

Trời đất trống không mông quạnh và tối tăm bao phủ.

Thiên Chúa phán: Hãy có ánh sáng.

Và ánh sáng đã có.

Thiên Chúa thấy ánh sáng thật tốt lành.

Thiên Chúa phán: Đất hãy xanh um thảo vật tốt tươi.

Và đã xảy ra như vậy.

Đất lên màu xanh.

Cây có quả đã sinh quả.

Cây có hoa đã nở hoa.

Thiên Chúa thấy màu xanh thật tốt lành.

Thiên Chúa đã làm hai cái đèn.

Cái lớn cai quản ban ngày.

Cái nhỏ cai quản ban đêm.

Thêm vào, Ngài trang điểm bầu trời bằng các vì sao.

Thiên Chúa thấy thế thật tốt lành.

Như vậy, lại thêm một buổi chiều và một buổi mai.

(Xem Sáng Thế Ký 1,2:1-4a)

Vũ trụ chào đời. Mùa xuân về trái gió. Nắng đã vỗ cho xanh rừng lá. Địa đàng bắt đầu rạo rức vì bước chân người thiếu nữ đi hái lộc. Kinh Thánh kể về chuyện người thiếu nữ hái lộc như sau:

- Con hãy tránh cây “sự biết tốt xấu.”

Nhưng, đầu xuân em đi hái lộc. Vết chân người xưa hái lộc còn in nguyên hình trên từng trang Kinh Thánh. Mãi về sau nghìn năm lịch sử, bụi chẳng thể phủ mờ và cát chẳng lấp đi. Thế nhân vẫn nhớ về lời nói của Satan những ngày ấy:

- Chẳng chết chóc đâu. Quả nhiên Thiên Chúa biết ngày nào người hái lộc ấy mà ăn. Người sẽ nên đẹp, người sẽ nên duyên.

Người thiếu nữ đã hái và trao cho cả chồng mình nữa. *“Mắt họ mở ra và thấy mình trần trụi nên kết lá vả che thân”* (Stk. 3:7). Từ ngày đó, một giải mây buồn về giăng qua phố núi.

Evà, người thiếu nữ trong dáng lộc đầu xuân đã trở thành câu chuyện buồn của một vùng trời úa nắng hoàng hôn. Vì màu hồng của trái táo nên nàng đã hái lầm. Vì thấy đẹp mắt nên bàn tay đã gọi tới (Stk. 3:1-24). Sự sai lầm ấy đã làm Adong ngồi buồn cúi mặt than thở: *“Thế này thì xúi quẩy cả năm!”* Lời thở than nhẹ nhàng thôi, mà sóng biển chẳng làm im tiếng được. Mãi đến hôm nay, con cháu vẫn thở dài vì cái *“xúi quẩy”* ấy. Mãi đến hôm nay, đã ngàn trùng thời gian mà hoàng hôn vẫn cứ úa nắng khi xuân về.

* * *

Sau ngày hái lộc. Mùa xuân trở thành những giải mây tím về với trần thế, lãng đãng đi tìm một thửa đã mất. Kinh Thánh viết về một nỗi nhớ, đau thương làm sao: *“Những gai cùng góc, nó sẽ mọc lên cho người, người sẽ ăn cỏ lá ngoài đồng nội. Mồ hôi đầm mặt, người mới có bánh ăn cho đến lúc người về lại với bụi đất”* (Stk. 3:18-19).

Đó là sự tích hái lộc đầu năm. Mùa xuân êm đềm thành chìm vắng lặng lẽ. Cũng chỉ vì câu chuyện hái lộc, mùa xuân thảo mộc xanh um đã thành những gai cùng góc. Một lần hái lộc lầm hướng là bây giờ khổ ải mồ hôi.

Thái độ chọn lộc

Những ngày đầu tiên khai sinh của vũ trụ là thế. Hôm nay, tôi mừng Tết bằng cách tránh những lầm lỗi đầu năm để khỏi xui. Tôi kiêng kỵ ngày Tết không làm phiền lòng ai để cả năm được bình an. Như vậy mùa xuân hệ tại ở thái độ lựa

chọn. Lựa chọn sai lầm hay lựa chọn đúng sẽ xác định mùa xuân hồng hay mùa xuân buồn.

Hôm nay tôi đi hái lộc. Cũng thế, sự lựa chọn hướng nào tôi đi sẽ quyết định mùa xuân của đời tôi, bình minh hay hoàng hôn.

Chỉ có hai loại cây. Chỉ có hai thứ lộc. Lộc của cây táo hồng và lộc của thánh giá gỗ. Chỉ có hai lựa chọn, lộc bóng tối và lộc ánh sáng. Tôi chỉ có hai hướng đi. Lối vào mời mọc địa đàng hôm qua và đường lên Golgotha hôm nay.

Lộc của táo hồng thì quyến rũ. Tôi nhìn thấy màu xanh của lá, màu hồng của da. Tôi cảm thấy mặn mà. Vì “*cây biết lành, biết dữ mọc lên ở giữa vườn*” (Stk. 2:8), nên gần gũi tôi lắm. Dễ dàng.

Lộc của thánh giá là tiếng mời gọi bằng đức tin. Tôi không thấy màu sắc. Muốn hái lộc của thánh giá tôi phải đi từ Jêrusalem lên núi sọ. Đường khá dài. Đốc khá cao. Đồi Golgotha chiều ấy đã chỉ có một mình ông Simon vác thánh giá đỡ Chúa mà thôi.

Lộc cây ơn sủng

Cũng từ nghìn năm đã có lời kinh cầu: *Trời cao hãy đổ sương xuống, và ngàn mây hãy mưa Đấng Cứu Chuộc tôi.* Đã từ lâu lắm rồi con người đã biết mình thiếu thốn lộc gì. Họ đã muốn giơ tay hái lộc trời cao. Trong u minh, vắng lặng, Thiên Chúa đã nghe tiếng vọng cầu kinh. Lộc trời cao đã gửi xuống đất thấp mong chờ: Lộc Đấng Cứu Thế.

Ngài vào đời trồng cây Thập Giá. Lộc Thập Giá của Ngài là nối lại tình người với tình thánh. Để rồi với tình thánh, tình người có thể đến được với tình người. Tôi đã xa tình thánh. Tôi cũng xa tình người với người. Thánh giá Chúa là nhịp cầu nối lại tôi với Chúa, giữa tôi với anh em. Sự giao hòa ấy nảy lộc Bình An.

Trước ngày chia ly, tặng vật cao quý Chúa lưu lại cho môn sinh của mình chính là bình an: *“Ta để lại bình an cho các người, Ta ban bình an của Ta cho các người. Bình an mà thế gian không thể ban được”* (Yn. 14:27). Khi sống lại, mới gặp nhau, Chúa đã chào các môn đệ: *“Bình an cho các người”* (Yn. 20:19). Tám ngày sau, trở lại thăm họ, Chúa vẫn chỉ có một lời chào: *“Bình an cho các người”* (Yn. 20:26). Lúc các môn đệ lên đường truyền đạo, Chúa căn dặn: *“Khi vào nhà nào, trước tiên hãy nói: Bình an cho nhà này”* (Lc. 10:5). Chúa dặn rõ, trước tiên hãy chúc bình an đã, rồi mới nói chuyện khác. Chính Chúa cũng làm như vậy trong đời Chúa.

Theo sự quan trọng mà Chúa đã nhấn mạnh và xử sự, thì bình an không là lời để cầu chúc, nhưng là sự sống để ban tặng. Nói cách khác, lộc bình an là chính Chúa.

Thiếu vắng Chúa là hiện diện của lo âu. Nếu lòng tôi không có bình an, tôi chẳng thể có lời nói nhẫn nại cho nhau. Nếu hồn tôi sóng động, tôi chẳng thể đem hạnh phúc cho gia đình.

Mùa xuân của đất trời không thay đổi được “xúi quẩy” của đời tôi. Mùa xuân hồng hay mùa xuân buồn là do lộc tôi hái, là do thái độ tôi chọn lộc. Như thế, giữa tiếng pháo nổ của ngày Tết, lòng tôi vẫn có thể là một mùa xuân lạng lẽ. Ngược lại, trong cái lạng lẽ của đất trời, lòng tôi có thể đang là mùa xuân tươi.

* * *

Lạy Chúa, xin nghe lời con cầu nguyện,

Chúa là lộc đầu xuân của con. Mỗi lần con chọn Chúa là một ngày con có mùa xuân. Qua bí tích Hòa Giải sau mỗi lần con phạm tội là một ngày con mừng Tết. Có hai lối rẽ để đi. Lối vào vườn táo, dấu chân người xưa hái lộc đầu năm vẫn còn in nét mời gọi. Lối lên Golgotha với lời chúc bình an cũng vẫn vang vọng. Chúa ơi, đầu năm hái lộc, con phải chọn lựa, lối nào con đi?

TÌNH YÊU VÀ HÔN NHÂN



Ý nghĩa sâu thẳm của tình yêu được minh chứng bởi xa cách, vắng mặt hơn là xum họp?

Khi con tàu chuyển bánh thì bến ga cũng nhạt nhòa, bởi đấy, xa nhau, người ta thường quên nhau. Tàu đi rồi, bến ga có thể chơ vơ trong sương bụi chiều hôm, nhưng đường tàu vẫn còn đó. Nếu xa nhau mà vẫn nỗi dài mẫn thương, như đường tàu trung thành làm dòng máu luân hoán yêu thương giữa con tàu cách xa và bến đỗ mong chờ, thì đấy mới là yêu thương đích thực.

Chia ly, tình yêu dễ bụi mờ, bởi trong xa cách là lúc tình yêu lên cao vút trên quãng đời mênh mông những lựa chọn, là lúc tình yêu xuống thẳm sâu dưới lũng đời cám dỗ.

Hạnh phúc tạm dung thì bắt buộc phải gần gũi, vì hạnh phúc ấy không được thụ thai bởi tình yêu vượt núi đồi mà là hoa trái của khu vườn gần gũi. Hạnh phúc ấy bị vây bọc bởi bến ga chật hẹp. Do đó, vắng mặt người này, xa cách người kia, tình yêu biến dạng và phai màu. Đấy là hạnh phúc của con tàu khi cập bến đỗ chứ không phải yêu thương của đường tàu nỗi dài viên mãn.

Nếu tình yêu được sinh bởi chọn lựa trong tự do, thì có thể mịt mù xa cách, có thể thăm thẳm chia xa mà vẫn rục rở trong không gian. Chọn lựa là bao hàm từ chối. Chối từ là dứt bỏ. Dứt bỏ nào cũng thường có phần xót xa. Chính vậy, tình yêu trong tự do là tình yêu có ray rứt giữa những giằng co của lựa chọn,

là tình yêu có đau khổ của một chối từ. Chính Thượng Đế cũng đã đón đau trước giờ chọn lựa: *“Lạy Cha, nếu được, xin Cha cất chén đắng này cho con”* (Mk. 14:36). Người yêu cần tự do để xác định tình yêu của mình. Đau khổ của chối từ, ray rứt của chọn lựa minh chứng sự cao cả của tình yêu mình dành cho người yêu.

Tình yêu không tách rời khỏi thời gian, mà thời gian thì luôn luôn đổi mới, bởi thế, tình yêu không thể chọn lựa một lần là xong, cưới nhau một lần là đủ, mà tình yêu cần được rửa tội mỗi ngày, cưới nhau mỗi sáng. Chính mặt trời còn lột xác, khai sinh sau mỗi đêm đen, cho nên hôn nhân là tái xác nhận chọn lựa không ngừng.

Vì sự bất toàn của mình, con người không thể có một lựa chọn hoàn hảo tuyệt đối. Hôn nhân là chọn một người tình và chối từ những người tình khác. Nhưng bởi sự bất toàn, nên chọn lựa đó chẳng thể trọn vẹn, cho nên từ sâu thẳm trong căn hầm tham lam, đôi lúc họ khổ tâm vì mất mát do những mối tình khác mà họ phải chối từ. Họ bất toàn nên không thể cho nhau sự hoàn hảo. Từ đấy, họ mơ màng một tình yêu nào đó ngoài tình yêu mà họ đã lựa chọn, cho nên sự trung thành là thử thách lớn lao của tình yêu hôn nhân.

Yếu tính của trung thành là khả năng có thể vượt qua rừng sâu, trèo qua núi đá, có thể song hành với thời gian, và thế, tình yêu phát sinh từ sự trung thành sẽ bất ngát như vũ trụ và thênh thang như núi đồi.

Trong tình yêu, ràng buộc chính đáng nhất là hãy để nhau lớn lên trong tự do. Ý nghĩa cao cả của tự do là thành thực với chính mình và ngay thẳng với người tình. Hãy cho nhau tự do nhìn khuôn mặt thật của nhau. Đừng tạo nên giá trị của mình bằng cách để người tình ngưỡng mộ những điều mình không có.

Vì tình yêu cũng là một thứ nhu cầu, bởi đó, người ta mới nói đến chinh phục. Có khó thì mới phải chinh phục, nên khi chinh phục người ta dùng mọi tài

năng. Trong những tài năng tích cực, có một thứ tiêu cực là tạo ra một hình ảnh đẹp, nhưng không đúng với con người thật của mình.

Vì tình yêu cũng là một thứ nhu cầu, bởi đó, người ta nói đến tiếng sét ái tình. Đã mê hoặc thì phải chiếm đoạt, nên chiếm đoạt trong tình yêu bao giờ cũng pha trộn mù quáng. Cần phải chiếm đoạt, nên người tình thường biện minh, rồi gán cho người yêu những đặc tính mà người yêu không có.

Tạo ra giá trị mình không có là lừa tha nhân. Gán cho tha nhân giá trị họ không có là lừa mình. Cả hai thái độ đều nguy hiểm như nhau. Cả hai thái độ đều là xây dựng giá trị trong thiếu tự do, lầm lẫn. Lầm lẫn không biến đổi bụi than thành kim cương, đá cuội thành ngọc quý. Sớm muộn gì rồi cũng khám phá ra con người thực của nhau. Ngỡ người tình là kim cương, nhưng thực tế là đá cuội. Thất vọng, ở đó, bắt đầu nảy sinh. Trung thành, từ đấy, bắt đầu lung lay. Tình yêu sống bởi sự thực, thiếu vắng sự thực tình yêu sẽ u buồn, ủ dột. Thiếu sự thực, tình yêu không còn là cây leo hạnh phúc trong mùa xuân, mà là búng vàng xanh xao.

Hôn nhân là loài tầm chất phác và kiên nhẫn. Là loài dâu thật thà biết hy sinh. Là tầm, là dâu, chúng chung khúc yêu thương, âm thầm, gắn bó với nhau, góp nhặt hạnh phúc, chúng nhả tơ, dệt lụa óng ả cho đời.

Còn tình yêu của bầy ong với đám hoa cải, cho dù dẫu dễ thương đến đâu chẳng nữa, trên da mặt chúng vẫn là mơ màng quyến rũ tình yêu bằng đóm dáng, và thềm muốn tình yêu qua mật ngọt. Bởi đấy, chỉ là hạnh phúc bấp bênh.

Luống cải kia, cánh ong đó đã nghèo nàn hóa tình yêu của nhau bằng chiếm hữu. Chúng hạn chế hạnh phúc của nhau vì đánh giá tình yêu qua duyên sắc bên ngoài mà thôi. Tình yêu của cả hai đã thai nghén trong thiếu tự do vì sự hiểu biết bị lừa gạt, lòng thật thà bị lãng quên.

Như thế, khi mùa cưới đến, lúc tình yêu của chúng sáp lại. Khi thềm muốn và chiếm đoạt đã theo dòng thời gian thiếu thật thà ấy mà trưởng thành thì cũng

là lúc buồn chán đã sẵn chờ đằng sau môi hôn.

Chúng nô lệ hóa nhau mà gọi là tự nguyện.

Chúng mang thương tích nhưng phải gọi là nỗi thương đau dịu dàng.

Chúng trao nhau tình yêu thể nào thì tình yêu cũng đầm bập chúng thể ấy.

Bởi, chúng đã dệt tổ yêu thương bằng tơ lụa gấm vóc hơn là sự hiểu biết. Chúng nhìn tình yêu qua nhan sắc hơn là tâm hồn.

Có người hỏi: Sao các đôi tình nhân lại nhắm mắt mỗi khi hôn nhau?

Có phải, dấu trong tha thiết thế nào, họ vẫn yêu một phần bóng tối?

Có phải, dấu trong hạnh phúc sóng sánh đến đâu, cũng vẫn có một phần thiếu thật thà?

Nếu họ bất toàn, nếu họ chẳng thể trọn vẹn trao nhau thì sao họ lại mơ ước “tôi hóa” tha nhân? “Tôi hóa” tha nhân là bắt tha nhân nên giống như mình. Đây là tình yêu ích kỷ, là tàng tạt hóa người yêu. Người yêu là của mình, nên khi tàng tạt hóa người yêu thì cũng là tàng tạt hóa chính hạnh phúc của tôi.

Kẻ muốn đồng hóa tha nhân trong tình yêu là những đôi tình nhân yêu nhau hơi gặp hơi, thờ gặp thờ mà vẫn như mệnh mông xa cách, vẫn như khắc khoải kiếm tìm. Họ khắc khoải kiếm tìm vì chẳng bao giờ con người có thể “tôi hóa” được nhau. Bắt người khác giống mình là hủy diệt tự do và bản tính của người đó, càng bắt họ giống mình bao nhiêu thì sự hiện hữu của họ càng mất đi bấy nhiêu. Tôi muôn đời vẫn là tôi. Tha nhân nghìn đời vẫn là tha nhân.

Nếu tha nhân là tha nhân, tôi là tôi, thì làm sao có thể nên một trong tình yêu như lời Kinh Thánh mong mỏi?

Kẻ nên một trong tình yêu là những đôi hôn nhân đem sự khác biệt của nhau làm nên phong phú của một kết hợp. Khi nói nên một thì phải chấp nhận là đã có hai. Làm sao có kết hợp nếu không có khác biệt. Như thế, khác biệt đã là điều kiện cần thiết cho kết hợp. Trong ý nghĩa đó, khác biệt phải có một giá trị tự nó. Kết hợp không biến hóa nguyên thể của các khác biệt mà là một luân vũ nhịp

nhàng. Đó là một hoà âm trầm bổng của các đơn thể khác nhau chứ không phải là đơn điệu. Đó là kết hợp của âm nhạc, của vũ trụ, của tình yêu. Kẽ lớn lên trong tình yêu hợp nhất là những đôi uyên ương nửa bên bờ đại dương, nửa trên “cánh đồng nước mặn” Việt Nam mà tình yêu của họ vẫn chập chùng qua biển cả, bàng bạc qua không gian.

Con tàu chỉ tới bến trên tuyến đường sắt song hành. Sự nên một của tuyến đường là cùng sóng đôi chứ không phải là cùng chạm nhau. Mất sự sóng đôi, con đường đánh mất bản tính của mình. Mất sự song hành thì tuyến đường không còn là tuyến đường nữa, bởi, sự hợp nhất căn tính của nó hệ tại cùng sóng đôi đi về một hướng.

Hôn nhân là nên một trong tình yêu. Nên một trong tình yêu là nên một trong hòa đồng chứ không phải nên một bằng đồng hóa.

Kinh Thánh bảo: Phải nên một!

Ôi! đâu là ý muốn thâm sâu của Thượng Đế.

Cẩn thận! Nếu không đấy chỉ là những lời lừa dối mà thôi. Bởi, chính trên bàn thờ mà hai cây nến cũng có bao giờ dám cháy cạnh nhau đâu.

MẤY CÁI BÁNH NHỎ



Có thể Paris, London, rồi bạn ghé vào một quán kem. Âm với hương cà phê, đưa hồn bạn về một vùng trời. Tôi cũng đã đi qua những quán kem buổi chiều tây phương. Những quán kem có bờ công viên mát cỏ xanh, những con đường trải đá trắng thơ mộng. Cũng có những quán kem hồi hả tiếng nhạc của một chiều bạn rộn xua đẩy mọi suy tư.

Saigon cũng có những quán kem. Một lần về với những kỷ niệm cũ. Ghé quán kem xưa ngồi nhìn thành phố một thửa mình đã lớn lên. Ngang đời, hôm nay trở lại quê hương. Tôi đã đi qua những quán kem chiều xa xứ, quán kem không có gì để nhớ, nhưng ở quán kem trên thành phố cũ, hôm nay, tôi thấy phân vân giữa lòng mình và cuộc đời. Thìa kem gần ở môi mà như xa lắm ở trong lòng. Tôi ngồi bên này vỉa hè, chăm chăm những thìa kem nhỏ. Ở vỉa hè bên kia, mấy vành xích lô mệt mỏi đang đợi chờ tìm khách. Mặt họ hằn những gian khổ của cuộc sống. Vai áo bạc vì mồ hôi. Chắc vợ con họ đang đợi tiếng xe cộc cạch đạp về với hy vọng một ngày đủ sống.

Một em bé đến nhìn tôi, xin tôi cho uống ly nước cam còn dỏ. Mắt em vẫn theo dõi sợ chủ quán đuổi. Liệu em có chờ những thìa kem còn sót lại trong đáy ly em đang nhìn? Tôi sẽ để lại ít kem cho em, hành động ấy là yêu thương hay xúc phạm?

Tôi đã đi qua những quán kem tây phương. Buổi chiều ở bờ biển Laguna

Hills hay San Francisco tôi thấy cuộc đời bay trôi theo những đám mây. Những quán kem tây phương đưa tôi vào cõi mộng. Quán kem quê hương đưa tôi vào cuộc sống thật. Cả bầu trời mơ ước của một con người nằm gọn dưới đáy ly kem.

* * *

Sau khi làm phép lạ bánh hóa ra nhiều cho mấy ngàn người ăn, và họ ăn no rồi, Chúa nhìn những mẩu bánh vụn rất tiếc, căn dặn các môn đệ nhặt hết lại: *“Anh em hãy thu lấy những miếng thừa, đừng để hư phí”* (Yn. 6:12).

Đó là câu chuyện hai ngàn năm xưa. Nếu hôm nay giảng Tin Mừng, Chúa sẽ bảo đừng đổ phí những sợi mì vì có nhiều người nghèo đói đang dang dở mong buộc cuộc đời mình bằng những miếng bánh phở dư. Nếu hôm nay Chúa vào quán kem, Chúa sẽ thấy có những thìa kem đưa một buổi chiều vào cõi mộng. Chúa cũng thấy có những con người kéo cả bầu trời mơ ước vào thìa kem còn sót lại.

“Anh em hãy thu lấy những miếng bánh thừa, đừng để hư phí”. Chúa muốn nói gì với chúng ta về *“mấy cái bánh và vài con cá nhỏ”* trong tương quan giữa con người với nhau? Có những nơi dư thừa trong khi có những nơi thiếu thốn.

Có hai thứ thương xót. Các môn đệ thấy trời chiều mà người ta mệt mỏi rồi, các ông tội nghiệp họ. Các ông đã nói với Chúa: *“Đây là nơi vắng vẻ, và trời đã gần tối, xin Thầy cho dân chúng về để họ vào các làng mua ăn”* (Mt. 14:15). Đó là thương xót nhập đề. Lòng thương xót này cần thiết vì là khởi điểm, nhưng có khi chỉ là xót thương không muốn nhận trách nhiệm, lúc đó khởi điểm chấm dứt ở nhập đề. Chúa trả lời các môn đệ bằng một lệnh truyền thật ngạc nhiên: *“Họ không cần phải đi, anh em hãy lo cho họ ăn”* (Mt. 14:16). Chúa muốn các môn đệ bước qua ngưỡng cửa xót thương khởi điểm, đem thương xót nhập đề mà vào xót thương nhập cuộc. Chính các con phải lo cho họ ăn!

* * *

Phản ứng của các môn đệ ghi trong bốn Phúc Âm như sau:

- Máthêu: Ở đây chúng tôi chỉ có năm chiếc bánh và hai con cá thôi (Mt. 14:17).

- Máccô: Thế thì chúng tôi phải đi mua hai trăm đồng quan bánh mà cho họ ăn sao? (Mc. 6:37).

- Luca: Chúng tôi không có hơn năm chiếc bánh và hai con cá, họa chăng là chúng tôi phải đi mua thức ăn cho cả toàn dân này (Lc. 9:13).

- Yoan: Philipê thưa: Có mua hết hai trăm đồng cũng chẳng đủ phát cho mỗi người một miếng nhỏ. Anrê nói: Ở đây có một em bé có năm chiếc bánh lúa mạch và hai con cá. Nhưng ngàn ấy thì thấm vào đâu cho bấy nhiêu người? (Yn. 6:7-8).

Xem ra họ thất vọng trước vấn đề vì “*chỉ có năm chiếc bánh và hai con cá thôi*”. Lo cho mình còn chưa đủ còn lo cho ai. Những phản ứng của bốn Phúc Âm chung nhau ở một cửa ngõ là không có lối vào. Họ bế tắc. Theo Phúc Âm Yoan thì chưa chắc các môn đệ đã có bánh và cá, mà là của thằng bé bán rong. Bởi đó, làm sao các môn đệ dám đề cập tới chuyện lo cho đám đông ăn dù biết họ đói và mệt lắm. Hôm nay, nghèo đói như một bãi rác mênh mông, không biết bắt đầu dọn dẹp từ đâu. Thái độ của con người hôm nay cũng là tâm trạng của các môn đệ ngày trước, “*ngàn ấy thì có thấm vào đâu*”. Trong cái nghèo khó của tôi, làm sao tôi dám cho đi. Và có khi để xoa dịu lương tâm, tôi cũng lập lại cùng mệnh đề đó, “*ngàn ấy thì có thấm vào đâu*”. Cho đi là mất, bởi thế, kẻ biết mất mà vẫn cho đi là kẻ có lòng thương xót lớn hơn niềm tin. Trong ý nghĩa này, khi niềm tin bế tắc mà có lòng thương xót thì lòng thương xót sẽ mở ngõ cho niềm tin đi về. Khi khóa ngõ lòng thương xót thì niềm tin sẽ đứng ở ngoài. Chính lòng thương xót của Chúa đã làm cho mấy chiếc bánh và hai con cá nhỏ thành lương thực nuôi đám đông.

Khi Chúa giờ “*năm chiếc bánh và hai con cá*” lên đọc lời nguyện thì cửa ngõ bế tắc lo âu không lối vào của các môn đệ đã trở thành lối vào không còn cửa ngõ. Đám đông ăn no và còn dư thừa. Cũng vậy, những giúp đỡ của ta cho tha nhân,

dù nhỏ nhưng đến từ lòng thương xót thì Chúa sẽ giơ lên trời cầu nguyện và nó sẽ thành hiển lễ.

* * *

Chỉ có mấy cái bánh mà hàng ngàn người ăn no, làm sao chỉ có hai con cá nhỏ mà họ ăn không hết? Có những cho đi rất nhỏ mà nhận về thật lớn lao, vì những tia nắng nhỏ ấy đã qua lăng kính quang phổ trăm màu của Chúa. Có khi nào bạn bị bệnh và phải dùng thuốc trụ sinh chưa? Đây là câu chuyện thuốc trụ sinh.

Ngày nọ, một gia đình giàu có, quý tộc nước Anh dẫn con về miền quê chơi. Trong khi nô đùa, tai nạn đã xảy đến, cậu trai nhỏ của họ sa chân vô vọng dưới vực nước sâu. Kẻ nghe tiếng kêu và đã đến cứu cậu là một chú bé, con của người làm vườn nghèo.

Một đứa bé nhà giàu, có thể bàn tay ấy đã được tán thưởng vì tiếng đàn trên phím ngà, nhưng lại không biết bơi. Một đứa bé nhà nghèo thôn quê, bàn tay xạm nắng vì cuộc rẫy nhưng hôm nay đã cứu đời. Cha của cậu bé giàu có kia đã biết ơn cậu bé nhà nghèo. Nhưng thay vì lời cảm ơn, ông ta không muốn nhìn ước mơ tuổi thơ của cậu bé nằm dưới đáy ly kem. Ông muốn đẩy ước mơ của cậu bé vào bầu trời ở trên cao. Ông hỏi cậu bé:

- Khi lớn con muốn làm gì?
- Chắc là con tiếp tục nghề làm vườn của cha con.
- Con không còn ước mơ nào lớn hơn sao?
- Dạ, nhà con nghèo thế này thì con còn ước mơ gì.
- Nhưng nếu con có mơ ước thì con ước mơ gì?
- Thưa ngài, con muốn đi học, muốn là bác sĩ.

Sau này, cậu bé được cứu sống vì không biết bơi đã trở thành vĩ nhân của thế giới, đã giữ vai trò quan trọng trong cục diện thay đổi thế chiến đệ nhị, đã làm

cho nước Anh hãnh diện vì tài ba chính trị. Đó chính là thủ tướng Winston Churchill.

Nhờ lòng thương và biết ơn chân tình của cha cậu bé Churchill, cậu bé nhà nghèo đã không còn đặt mơ ước của đời mình ở những cụm cỏ, bờ đê. Cậu đã trở thành bác sĩ lừng danh của thế giới và là ân nhân của nhân loại cho đến ngàn đời, vị bác sĩ này đã tìm ra thuốc trụ sinh penicillin. Tên của cậu là Fleming!

Rồi cậu bé Churchill là thủ tướng. Rồi Fleming là bác sĩ. Nhưng câu chuyện chưa dừng ở đây. Những áng mây rực sáng, với ánh mặt trời sẽ còn rực sáng nữa. Khi thủ tướng nước Anh lâm bệnh trầm trọng, vương quốc Anh đã đi tìm những danh y lừng lẫy để cứu sống thủ tướng của nước mình. Kẻ danh y ấy chẳng phải ai xa lạ mà lại chính là bác sĩ Fleming, người đã cứu ông năm xưa.

* * *

“Chính các con hãy lo cho họ ăn”. Chúa bảo các môn đệ vậy. Đây là hình ảnh của một cậu bé can đảm lao xuống dòng nước trước tiếng kêu của một người hấp hối. Số tiền nuôi cậu bé nhà nghèo Fleming ăn học, đối với gia đình quý tộc kia có thể đó chỉ là *“năm cái bánh nhỏ và hai con cá”*. Nhờ mấy cái bánh nhỏ này mà chính người con của nhà quý tộc ấy, thủ tướng của nước Anh đã được cứu sống lần thứ hai, và cả nhân loại hàng triệu triệu người được thừa hưởng công trình y khoa từ những cái bánh nhỏ đó.

Nhờ năm chiếc bánh và mấy con cá mà Chúa nuôi cả ngàn người. Phép lạ của những liều thuốc trụ sinh hôm nay và cho đến mãi mãi thế kỷ sau này mở đầu là do sự giúp đỡ mà cậu bé nhà nghèo Fleming đã nhận được.

Những buổi chiều tây phương và những quán kem. Ngồi bên ly kem người ta thả hồn vào những vùng trời ước mộng mây trôi. Những buổi chiều đông phương và những quán kem. Những thìa kem sót lại mà chứa cả bầu trời ước ước của một tuổi thơ.

Chúa gọi lòng thương xót ở chúng ta, đừng nói chúng tôi *“chỉ có năm cái bánh*

và hai con cá”, Chúa có thể cho một viên than hồng âm ỉ trong đám tro than hôm nay thành biển lửa dữ dội ngày mai. Vấn đề không phải là “*chỉ có năm cái bánh và hai con cá*”, nhưng là có bao nhiêu lòng can đảm dám cho đi.

Khi Chúa mời gọi ta cho nhau những cái bánh nhỏ là Chúa mời gọi ta cùng làm phép lạ với Chúa.

NGƯỜI ĐỔ RÁC



Một ngày tôi thải biết bao nhiêu rác. Cái mùi tanh, cái mùi chua, không có thùng rác tôi không sống nổi. Nếu không thể thiếu thùng rác thì người đổ rác cũng là cần thiết.

“Hỡi Anh em, tôi viết các điều này để anh em đừng phạm tội. Nhưng ai trót phạm tội, thì này, ta có Đấng bầu chữa nơi Cha, Đức Yêsu Kitô, Đấng công chính. Ngài là hy vật đền tạ các tội lỗi ta, không những các tội lỗi ta mà thôi, mà của tất cả thế gian nữa” (1 Jn. 2: 1-2).

Đấng gánh tội trần gian

Có những bài hát ca ngợi Đức Kitô là vua trên vua. Có nhiều nhà thần học đi tìm màu nhiệm về con người Đức Kitô, Ngài được gọi là Đấng quyền năng, vô hình. Có nhiều sách tu đức đi tìm những chiều sâu suy niệm về Đức Kitô, Ngài được gọi là Bánh Hằng Sống. Trong bao nhiêu tước hiệu, tôi thích tên gọi Ngài là Đấng Gánh Tội trần gian.

Nói về vua thì cao sang quá. Nói về tư tế thượng phẩm thì thánh thiện quá. Nói Ngài là Đấng Gánh Tội, lối gọi đó cho tôi hình dung Ngài thương xót và gần gũi hơn.

Chúa bảo cái dơ bên ngoài không làm người ta xấu mà là tâm địa tồi bại trong lòng (Mt. 15: 11). Như thế rác chỉ có thể làm bẩn cuộc đời, còn tội làm cuộc đời thành rác. Không muốn đời mình là rác thì tôi cần Đấng Gánh Tội tôi biết bao nhiêu. Vì tội làm cuộc đời tôi thành rác, nên khi gọi Chúa là Đấng Gánh Tội trần gian, có thể nói đây chỉ là một lối phiên dịch của kiểu nói mộc mạc: Chúa là người đổ rác.

Tâm trạng người đổ rác

Người đi qua căn nhà tôi, ngô thềm im lìm. Đã mấy mùa nắng mưa trôi qua. Có những chiều tàn hoàng hôn rủ xuống rất muộn, Người Đổ Rác vẫn thờ thẩn đi ngang qua ngõ. Có những ngày ử dột mưa nhỏ giọt lê thê, vẫn bóng Người Đổ Rác ấy đi lạng lẽ trong cái lạnh cô độc qua căn nhà của tôi. Nhìn vào, chờ đợi, rồi lại đi.

* * *

Từ thửa xa xưa, Người không phải là kẻ đổ rác. Có một thời vũ trụ đẹp lắm. Người là nghệ sĩ. Óc sáng tạo đưa Người đến những bến bờ mênh mông của nghệ thuật. Một giải mây vàng. Một đóa ánh sáng. Một hồ thu biển lặng. Một rừng xuân trầm trầm. Tất cả công trình Người tạo dựng đã đưa vũ trụ thành tác phẩm tuyệt vời. Người là nghệ sĩ. Nhưng sau khi tạo dựng nên con người, Ngài trở thành Người Đổ Rác.

* * *

Chiều nay, lại một lần nữa Ngài đi qua căn nhà của tôi. Vẫn dáng điệu suy nghĩ mênh mông. Đôi vai Ngài mỏi lắm vì thập giá quá nặng phải vác hôm nào. Vẫn chiếc áo dài Mẹ Ngài may cho từ thửa vào đời gánh tội trần gian. Chiếc áo bụi đường sương đất, Ngài vẫn mang theo như tình Mẹ gửi cho con. Và chiều nay, căn nhà tôi vẫn đóng cửa, im lìm.

* * *

Không nhà ai mà không có rác. “Kẻ nói mình không có tội là kẻ tự lừa dối mình” (1 Jn. 1: 8). Lời Kinh Thánh đã nói như thế. Bởi đó, Ngài cứ bần khoản về căn nhà của tôi.

* * *

Có những lần Người gõ cửa. Tôi biết bước chân Người đi qua. Bàn tay khô sần, gõ lên cánh cửa linh hồn tôi. Trong ngái ngủ ủ dột, tôi lạng lẽ trong hơi thở đã quen, rất quen trong căn nhà cũ.

* * *

Hồn Người là vùng trời nghệ thuật không bến bờ. Người thao thức mãi để xóa đi một mảng màu tanh tưởi. Trong căn nhà tôi, Người biết, có mùi tanh của rác. Người bần khoản. Sự tự do Người cho tôi đã giữ chân Người ngoài hiên thềm nhà tôi. Người chỉ là kẻ đổ rác khi có người cho rác để đổ.

* * *

Đèn vàng ở cuối phố đã lên, chiều nay Người về chậm, những bước chân mệt mỏi. Người nhìn vào căn nhà tôi kiên nhẫn chờ đợi.

KHI NGƯỜI KHÔNG ĐÁP TRẢ



Ai trong các con có bạn hữu nửa đêm đến nhà mình nói: Bạn ơi, cho tôi mượn mấy tấm bánh, vì bằng hữu ở xa tới mà tôi hết đồ ăn rồi. Người kia ở trong trả lời: Đừng quấy rầy người ta, cửa đóng rồi, trẻ nhỏ ngủ hết, ai dậy mà lấy cho ông được. Nhưng nếu họ cứ gõ hoài. Ta bảo thật, người ấy không dậy mà cho vì tình bạn bè thì ít ra vì họ quấy rầy nên cũng ráng dậy mà lấy cho họ. Nên Ta bảo cho các con rõ: Vì hễ ai xin, sẽ được, ai tìm sẽ thấy, ai gõ sẽ mở cho (Lc. 11: 5-10).

C húa bảo tôi đến gõ cửa, ở đây có chờ đợi. Đó là lời xác định của Chúa. Như vậy, chắc chắn tôi sẽ bắt gặp nếu tôi kiếm tìm, tôi sẽ tìm thấy nếu tôi van xin.

* * *

Nhưng trong đời, tôi đã kinh nghiệm một nỗi bận tâm khó hiểu. Tôi gọi mà Chúa không đáp trả. Tôi xin mà Chúa không cho. Có những vực sâu của tâm hồn, có những đêm dài bất an, tôi hướng về Chúa nhưng tôi không gặp. Tôi không ước mơ những ước mơ lớn. Tôi chẳng xin sang giàu. Tôi chỉ xin cho tôi nhẹ bớt khổ đau tâm hồn. Tôi chỉ xin cho đỡ kéo dài bệnh tật của thân xác. Tôi chỉ xin Chúa soi cho tôi một ánh đèn khi tôi phải quyết định những vấn đề quan trọng. Tôi chỉ xin Chúa giữ tôi lại trước đêm đen mịt mù cảm dỗ. Nhưng tiếng

tôi từ vực sâu lại vọng về với tôi trong nỗi vắng. Những lúc tôi cần Chúa nhất thì Ngài lại bỏ tôi đi xa. Vì sao Người im tiếng?

* * *

Ngài im tiếng. Hay có phải Ngài đang nói mà tôi không nghe? Ngài chối từ. Hay có phải cánh cửa đã mở mà tôi không vào vì có vũ tiệc của mùa xuân tràn thế ở chung quanh? Ngài im lặng. Hay có phải Ngài bảo tôi: Hãy vào sa mạc, hãy ra bờ đá lạng thình, hãy khép lại bốt cửa lòng rồi con sẽ nghe thấy tiếng Cha. Nhưng tôi chán những bờ đá vắng vẻ, và tôi đã yêu những vũ tiệc của mùa xuân tràn thế ở chung quanh. Làm sao tim tôi nghe được tiếng con họa mi đang hót khi mà bà ve sầu đam mê đang kêu inh ỏi trong hồn?

Ngài thờ ơ. Hay có phải Ngài không đáp trả vì tôi bất xứng với ân sủng của Ngài. Chẳng ai có thể trách vì sao không có mặt trời nếu họ cứ sống dưới hầm tối, vực sâu. Chẳng ai có thể trách vì sao không có bình an nở giữa khu vườn tham lam. Người cha tốt là người cha đóng cửa nhà mình để đưa con khỏi ngày ngày về lấy gia tài đi hoang đàng, phung phí.

Vì sao Chúa không cho tôi điều tôi xin? Đã bao lần Chúa bắt tôi đi. Gian nan. Mỗi. Tôi muốn ghé tạm xuống đường ngồi nghỉ. Nhưng Chúa biết để tôi ngồi nghỉ, dần dà tôi sẽ nghe theo tiếng nói của đất thấp, tôi sẽ lười biếng đối với tiếng gọi của trời cao. Tôi trách vì sao Người không cho tôi lập nghiệp trên những ước mơ của tôi, xin làm quê hương trên những ý nghĩ riêng tư của tôi. Ngài chẳng đáp trả, vì Ngài biết đường dễ dãi sẽ dẫn đến hư đi. Trong những đêm đen như mù mịt, tôi gõ nhưng cánh cửa chẳng mở. Phải chăng chỉ có Ngài, Ngài mới biết những gì là tốt nhất cho phần rỗi của tôi. Như vậy, không đáp trả có là dấu chỉ của tình thương?

* * *

Khi không đáp trả, đấy cũng là một cách trả lời. Trả lời bằng lặng im nhiều khi lại là câu trả lời thâm sâu và hàm chứa nhiều ý nghĩa.

Tôi không đến với ai mà tôi biết chắc rằng tôi không thể tin cậy. Khi đến xin Chúa trợ giúp là tôi đặt niềm tin nơi Ngài. Nếu đã đặt niềm tin thì sao lại có thể phân vân. Khi Ngài im lặng như không đáp trả, tôi lo âu, thì đấy là dấu hiệu niềm tin đó không vững vàng.

Niềm tin là lời cầu nguyện để xin được biến đổi. Như thỏi đất sét tin mình nằm trong tay người thợ lành nghề. Người thợ gốm biết loại đất sét nào có sức chịu đựng để đúc gạch lát đường, loại nào có thể tạc tượng. Niềm tin vững vàng là phó thác trong tay người thợ gốm vì tin rằng mình được yêu thương và săn sóc. Tin vững vàng hệ tại phó thác rằng Chúa là người thợ gốm khôn ngoan và không làm lẫn trong công trình sáng tạo. Chứ tin vững vàng không có nghĩa là tin mình sẽ biến đổi được ý định của Chúa để đạt được điều mình xin. Có những lời xin chẳng bao giờ được đáp trả nhưng lại là một ân sủng thật lớn lao.

* * *

Ngày còn bé tôi không biết cầu nguyện thế nào. Những ngày bom nổ nhiều là những ngày mẹ tôi càng lo. Mỗi tối, mẹ tôi bảo tôi ngòai lần hạt cầu nguyện cho cha ngoài trận tuyến. Trong trí óc non dại, tôi cầu nguyện cho cha tôi được bình yên. Một lần đạn hiểm nghèo. Một trái mìn kín đáo. Đời sống bấp bênh như treo bằng sợi chỉ. Chỉ một giây báo tin thôi, tôi sẽ là đứa mồ côi. Mẹ tôi sẽ là góa phụ. Tôi đã thấy nhiều lá cờ trải lên mộ đất. Tôi đã thấy nhiều chuyến xe nhà binh chở đơn độc một quan tài, người thiếu phụ đội nón trắng ngòai lặng lẽ không còn nước mắt để khóc.

Rồi chuyện một đêm đã đến. Chiến tranh đổ xuống trên mảnh đất quê tôi. Tôi còn bé, nhưng tôi hiểu những ghen ngào của người có thân nhân vừa mới vĩnh biệt. Mưa ướt lẹp xẹp, tôi ghé cổ nhìn qua cửa sổ đông chật người. Một chiều mưa ảm đạm, lạnh lẽo làm sao. Mái lá thấp đổ những dòng mưa thấm não. Tôi vẫn còn nhớ cái buổi chiều xám nặng nề ấy cho tới hôm nay. Đôi chân của cậu X. chết nằm sóng sượt trên cái phản gỗ. Bùn dính lem luốc. Mẹ X. khóc

thảm thiết bên xác chõng mới chết trận. Ai đã bắn chết cậu? Có phải kẻ mà cậu chưa kịp bắn?

Tò mò, tôi theo những đứa trẻ khác ra ven rừng xem xác chết. Những hố bom cày tung đất còn mới nguyên. Vải băng trắng còn lẫn với xác người chưa kịp thu. Giữa những xác người ấy, tôi thấy một người nằm chết cong queo, cụt chân vì bom nổ, máu bầm khô bết vào áo đầm đìa. Mặt cháy đen. Nhìn kỹ trên khuôn mặt ấy, tôi không quên được là chuỗi tràng hạt vẫn quàng vòng quanh cổ. Kẻ chết là một bộ đội miền Bắc. Điều làm tôi ngỡ ngàng là bộ đội cộng sản cũng tin vào Chúa như tôi sao?

Từ ngày đó, mỗi lần giúp lễ, nhìn lên thánh giá mà hồn tôi bâng khuâng. Tôi thấy Chúa buồn. Quỳ đây, tôi cầu nguyện xin Chúa chở che cha tôi ngoài chiến trận. Nhưng người cán binh bộ đội ấy, có thể cũng có một đứa con trai bằng tuổi tôi ở ngoài miền Bắc. Nó cũng là cậu bé giúp lễ. Cứ mỗi sáng, mẹ nó cũng đánh thức nó dậy thật sớm để giúp lễ, cầu nguyện cho cha đang ở mãi trong miền Nam heo hút. Năm tháng bật tin, chắc chiều chiều, tối tối, mẹ nó cũng rối bời lòng trí, thần thờ nhìn về phương Nam, dục nó đọc kinh. Chúa nghe lời tôi để cha tôi giết họ? Chúa nghe lời cậu bé kia để cha cậu giết cha tôi? Cả hai cậu bé đều cầu nguyện, Chúa biết nghe lời ai?

Tôi không tin là Chúa có câu trả lời. Tôi chỉ cảm thấy rằng Chúa khó xử ghê gớm lắm. Chúa trên thập giá như càng thêm đau đớn. Mỗi lời cầu của tôi là một vết thương cho Ngài. Mỗi nỗi lo âu của cậu bé ngoài miền Bắc kia làm Ngài thêm khổ tâm.

Tôi hình dung Chúa như một người cha. Đứa con thứ nhất chạy đến: Cha ơi, đưa con dao cho con để con chém nó. Đứa con kia chạy lại, sợ hãi: Cha ơi, đừng đưa! Cha có biết rằng con cũng là con của cha sao? Và người cha chỉ còn biết đón đau mà thôi, vì cả hai con đều là con của mình.

Từ đó, mỗi buổi sáng giúp lễ, tôi thấy Chúa trên thập giá như ngậm ngùi.

Tay giang rộng cứ thêm mãi khổ thương. Từ ngày đó, trong cái trí óc non nhỏ của tôi, tôi hiểu mơ màng rằng bất cứ hành động nào gây thương tích cho nhau cũng là làm khổ cho Cha trên trời.

* * *

Lạy Chúa,

Mỗi khi con cầu nguyện thì cho con biết xin được biến đổi, chứ đừng biến đổi Chúa. Làm sao con có thể biến đổi sự khôn ngoan của Chúa thành sự vụng về của con. Khi con nài Chúa làm theo ý con là con muốn đem sự hoàn hảo của Chúa thành những bất toàn giống như của con.

Con ngỡ tiếng sói sủa là vui tai. Con ngỡ lời mời của Satan là tha thiết. Con ngỡ trái táo hồng có hương thơm, nào ngờ đâu con có biết sâu độc làm tổ ở bên trong. Những lời con xin nhiều khi rất đẹp, nhưng chỉ là đẹp theo cái nhìn của con mà thôi.

Lạy Chúa,

Xin cho con hiểu rằng có những lời xin mà Chúa chẳng thể đáp trả được. Và chính lúc Chúa im lặng lại là lúc Chúa đang nói với con bằng ngôn ngữ nhiệm màu nhất.

MƯỢN XÁC



Có một loài ốc mang tên ốc “mượn hồn”. Nó là con ốc đã chết từ lâu, sóng biển trôi nó dạt dờ. Rồi có kẻ đi mượn nó để sống. Kẻ mượn nó là một con cua nhỏ. Gặp chiếc vỏ ốc lăn lóc này, con cua nhỏ chui vào nươg thân, lấy vỏ ốc làm nhà. Từ đó, nó lê đi trong đời. Không biết câu chuyện có thật vậy không. Nghe như có vẻ hoang đường. Tuy nhiên có điều chắc chắn, vỏ ngoài là ốc nhưng bên trong lại là con cua nhỏ có còng cứng.

Không biết gốc tích nó từ đâu. Ai mượn hồn ai, ai mượn xác ai. Chuyện chắc là không thật. Nhưng lối đặt tên cho loài ốc nhỏ đó: Ốc “mượn hồn”, tự cái tên ấy có phần mang nhiều ý nghĩa. Ý nghĩa là hồn xác ấy thuộc về nhau, sống với nhau. Nghe như đâu đây, trong Kinh Thánh cũng có câu chuyện mượn hồn, mượn xác na ná: *“Tôi sống nhưng không phải tôi sống mà chính Đức Kitô sống trong tôi”* (Gal. 2:20). Xác thì xác Phaolô, mà hồn lại là hồn Kitô.

* * *

Đã là cuối mùa. Đức Kitô đứng trên đê nhìn trời chiều mênh mông. Nắng hoàng hôn nhuộm đỏ ối cả một đồi dâu. Tóc Người bay rối trên trời chiều cô tịch. Cánh đồng vẫn mông mênh ngát vàng. Dạt dào. Một không gian lúa đến mùa rữ chín vào nhau. Người vung tay hái, nhưng kỳ lạ thay, Người chỉ là hồn. Cánh tay Người chỉ là vô hình với vào thình không hụt hẫng. Lúa cứ là lúa. Thời gian từ từ xuôi mùa. Rồi đi buổi chiều. Rồi về buổi sáng. Gió xạc xào đưa lúa

chín mùa quá độ rơi trên đồng vắng. Người xôn xao lòng dạ. Nhìn đồng lúa không người gặt mà bối rối khôn nguôi.

Có người nông phu bước qua. Đức Kitô vội vã vui mừng bảo anh ta dừng chân. Nói chuyện về đồng lúa thiếu thợ gặt rồi hồn Người muốn mượn đôi tay anh ta để bước xuống cánh đồng. Lưỡng lự, người thanh niên chối từ cúi đầu bước. Thế là, Đức Kitô bùi ngùi khoé mắt bản khoăn. Cứ nhìn đồng lúa không thợ gặt mà xót xa. Người muốn mượn đôi tay để cho hồn Người ký thác.

* * *

Sau khi Đức Kitô đặt nền tảng Giáo Hội của Ngài trên Phêrô, về trời rồi, Ngài tiếp tục xây dựng Giáo Hội. Nhưng Ngài xây dựng Giáo Hội của Ngài bằng cách nào? Hai khuôn mặt tông đồ cột trụ, Phêrô và Phaolô đã sống xác của mình nhưng với hồn của Đức Kitô. Nói cách khác, Đức Kitô xây dựng Giáo Hội bằng cách lấy hồn mình rồi đi “mượn” xác thân con người.

Phaolô nổi tiếng với các tông thư mục vụ, chúng ta sẽ dựa vào Thánh Kinh Thư này để khai triển đề tài. Rồi lấy việc làm của Phêrô để soi sáng thêm cho căn bản trong Thánh Kinh Thư của Phaolô.

Xác Phaolô nhưng hồn Kitô

Trong văn viết, nhiều lần Phaolô kêu gọi tín hữu của mình hãy mặc lấy hồn Kitô. Hoặc diễn tả cách khác là để hồn Đức Kitô sống trong thân xác mình. “*Anh em hãy bỏ những hành vi ám muội và mặc lấy con người mới*” (Col. 3: 10). Nhưng rõ hơn là chính lời trực tiếp thú nhận mình đã để cho hồn Đức Kitô sống trong thân xác mình.

“*Tôi sống nhưng không phải tôi sống mà là chính Đức Kitô sống trong tôi*” (Gal. 2:20).

“*Tôi sẽ không dám nói đến điều gì Đức Kitô đã không dùng tôi để thi thố ra*” (Rom. 15: 18).

“Chính Người làm bật sáng nơi lòng chúng tôi, để chúng tôi làm cho thiên hạ nhìn biết, trong ánh sáng ấy, vinh quang của Thiên Chúa chói lòa nơi Đức Kitô” (2 Cor. 4: 6).

Xác Phêrô nhưng hồn Kitô

“Khi người còn trẻ, người tự thất lưng mình và đi đâu tùy ý” (Yn. 21: 18). Đây là lúc xác Phêrô mà hồn cũng Phêrô, xác ông đi đâu thì hồn ông đi đấy. “Khi về già, người sẽ giang tay ra và NGƯỜI KHÁC sẽ thất lưng cho và lôi đi nơi người không muốn” (Yn. 20: 18). Lúc này, xác thì xác Phêrô mà hồn là hồn NGƯỜI KHÁC, hồn Đức Kitô.

Sách Tông Đồ Công Vụ kể lại chuyện Phêrô chữa người què như sau:

Có người què từ khi lọt lòng mẹ sinh ra, được người ta khiêng đến đặt thường ngày bên cửa Đền thờ để xin của bố thí với khách Đền thờ. Nó thấy Phêrô và Yoan sắp vào thì xin của bố thí. Phêrô nhìn thẳng vào nó, Yoan cũng thế, và nói: “Nhìn lên chúng tôi!” Nó chú ý vào các ông, hy vọng cũng được chút gì. Nhưng Phêrô nói: “Bạc vàng tôi không có, song điều tôi có là Đức Kitô người Nazareth, nhân Danh Ngài anh hãy chỗi dậy mà bước đi!”. Nó nhảy vung lên, đứng dậy vào Đền thờ cùng các ông, vừa đi vừa nhảy, và ngợi khen Thiên Chúa.

Sau đó, người què níu lấy Phêrô và Yoan, còn toàn dân, theo lời tường thuật kể tiếp, *“họ chạy ùa tới các ông ở hành lang Salômôn, họ rất kinh ngạc.”*Bấy giờ, Phêrô lên tiếng khẳng định không phải ông, mà chính hồn Đức Kitô đã dùng ông mà thực hiện ơn sủng:

Các ông, người Israel, tại sao lại dăm dăm nhìn chúng tôi, như thể bởi quyền phép riêng gì, hay lòng đạo đức của chúng tôi mà chúng tôi làm cho người què này bước đi được? Đức Yêsu, kẻ các ông đã nộp. Vị khơi nguồn sự sống, các ông đã giết đi, Đấng mà Thiên Chúa đã cho sống lại từ cõi chết. Chúng tôi xin làm chứng. Chính nhờ tin vào Danh Ngài, chính danh Ngài làm cho anh ta lành mạnh (Tđcv. 3: 1-16).

Rồi một lần khác nữa, trên đường xuống Lyđa, ông gặp Ênê, một người đã tám năm trời liệt giường vì bất toại. Ông nói: “Đức Kitô chữa lành anh. Hãy chỗi dậy, dẹp chông đi!” Lập tức người ấy chỗi dậy (Tđcv. 9: 32).

Phêrô chối không phải ông chữa lành những người tật nguyền này, nhưng là chính Đức Kitô. Nói cách khác, vì tin vào Danh Ngài mà hồn Đức Kitô, qua lời nói của Phêrô đã chữa họ. Khi nói Phêrô xây dựng Giáo Hội bằng những việc làm cả thể, đó chỉ là cách diễn tả ông đã để hồn Kitô mượn xác mình mà xây dựng nhiệm thể ấy. Ông luôn luôn khẳng định rằng không phải ông hành động. Khi nói “mượn hồn”, điều ấy không hàm ý loại bỏ sự tự do chấp nhận lời mời gọi, là sống trọn vẹn trong tự do đích thực là Đức Kitô.

* * *

Lạy Chúa,

Hôm nay có những việc Chúa muốn làm mà Chúa không làm được nữa vì Chúa không còn xác thân như con. Ngay trên quê hương của con vì nghèo đói mà nhiều kẻ sống không xứng đáng với phẩm giá con người. Vì nghèo đói mà bao nhiêu tuổi thơ phải làm than không được học hành. “Trong tâm tư biết bao người ngày đêm cô đơn buồn không nói. Nhưng ai đâu đến với họ để hát tiếng hát của niềm vui”. Chúa muốn mượn bàn tay con để xoa dịu một nỗi bất hạnh. Chúa muốn mượn đôi chân của con để dìu em đến trường. Con có dám để Chúa mượn đời con cho hồn Chúa sống không.

Con xin lấy lời ca của Nguyễn Duy như kinh chiều phụng vụ mơ ước dâng Chúa đêm nay. “Xin cho con suốt một đời tình yêu cho đi là lẽ sống. Xin cho con biết trung thành hoàn tất những bước chân đẹp xinh. Nguyên một đời con tìm đến, đến với hết những ai chân tình để tình người vẫn còn xanh ngát hương như hoa xuân trên cành.”

NỖI LÒNG CHA



Trong Phúc Âm thánh Luca, dụ ngôn Chúa bỏ chín mươi chín con chiên trong hoang địa để tìm một con chiên lạc có lối kết luận nghịch với tiền đề. Chúng ta hãy đọc toàn bản văn:

Ai trong các ông, giả sử có trăm con chiên và lạc mất một con, há người ấy lại không bỏ chín mươi chín con ngay nơi hoang địa, để ruồi theo con chiên lạc, cho đến khi tìm được nó ư? Tìm được rồi, há người ấy lại không mừng rỡ, quàng nó trên vai mình, và về đến nhà, mà lại không gọi cả bạn bè hàng xóm, mà phân phô với họ thế này sao: Bà con hãy chia vui với tôi, nay tôi đã tìm thấy con chiên lạc của tôi!?

Tiếp đó dụ ngôn được kết luận như sau:

Tôi bảo các ông: Cũng vậy, trên trời sẽ vui mừng vì một người tội lỗi hối cải, hơn là vì chín mươi chín người công chính, những kẻ không cần phải ăn năn (Lc. 15: 4-7).

Bản văn được chia làm 2 phần. Ta có thể vẽ thành họa đồ sau đây

Phần một diễn tả câu chuyện, có bốn chi tiết:

- nói về con chiên đi lạc,
- người chăn chiên đi tìm,
- tìm thấy rồi ôm trên vai,
- vui mừng khoe với bà con,

Phần hai kết luận:

- Nước Trời vui mừng vì một người sám hối.

Xét qua bản văn ta thấy kết luận rất lạ với tiền đề câu chuyện, vì cả câu chuyện không hề nói tới lòng sám hối. Có một con chiên lạc, rồi Chúa đi tìm. Người chăn chiên đi tìm chứ đâu có phải con chiên tìm lối trở về, như thế làm sao mà gọi là lòng sám hối được?

Xem ra lối kết luận trên đây không hợp luận lý. Tuy nhiên, thỉnh lạng một chút ta sẽ thấy có điều phải suy nghĩ lại trong lối viết văn của Luca. Luca không trình bày rõ lòng sám hối của con người nhưng làm nổi bật lòng xót thương của Chúa. Ở Luca tôi thấy dựa vào lòng xót thương của Chúa mà ta có thể về chứ không phải sự tốt lành của ta. Lối kết luận này vẫn hợp lý, và chỉ hợp lý khi ta giả sử là người chăn chiên tìm thấy, rồi con chiên đồng ý trở về. Sự đồng ý trở về ấy Chúa coi như lòng sám hối.

Một đêm dừng chân trên lưng núi, Chúa thao thức vì một tâm hồn. Giờ này con tôi ở đâu? Tiếng lòng vọng về đáp trả giữa đêm đen vẫn chỉ là một khoảng không cô tịch. Cũng trong tiếng lòng ấy, vọng về nỗi thương, Người phải đi tìm vì đó là con của Ngài. Ruổi rong cho đến khi gặp, nhưng vì còn tự do của nó, Ngài chỉ có thể thương yêu hỏi:

- Cha muốn con về.

Ánh mắt người chăn chiên có nỗi đau thương vì Satan đã lừa gạt con của Ngài. Nhưng khổ tâm, Satan cũng đã không cưỡng bách được sự tự do của con cái Ngài. Ra đi vẫn là một lựa chọn tùy ý. Trở về cũng thế, Ngài chỉ có thể hỏi đứa con ấy:

- Con có muốn trở về?

Trong cái gạt đầu mệt mỏi của con chiên lạc, Ngài mừng rỡ vác lên vai mà đem về. Chỉ ở điểm này, gọi đó là lòng sám hối, ta mới có thể chấp nhận kết luận kia hợp lý.

* * *

Lạy Chúa,

một lần ra đi, một quăng đời nào của con vương trong bụi gai chẳng còn lối thoát. Chúa thương tìm con về. Bụi đất làm con xơ xác. Chúa chẳng ngại, Chúa bế con rồi ôm trên vai. Chúa không sợ dơ áo của Chúa vì những vết thương của con lâu ngày mưng mủ.

Lối trình bày Tin Mừng của thánh sử Luca cho con thấy rức lên lòng thương xót của Chúa đi tìm con hơn là con sám hối ăn năn.

ĐỢI ĐIỀU SUY NGHĨ



C húa đem con vào đời, nhưng mục đích chính yếu của cuộc sống lại là chờ đợi một chuyến đi. Sân ga không phải là quê hương của con để con bám víu và xây đắp, nhưng chỉ là bến tạm để đợi chờ con tàu. Khi nào thì con tàu sẽ đến để đem con đi? Khi nào con từ giã cuộc sống? Con chẳng biết được thời giờ định mệnh này. Thưa Chúa, có điều con muốn nói là trong khi chờ đợi, trong lúc nhìn thời gian tiến về điểm mốc trọng đại ấy, con luôn luôn cần hạnh phúc.

* * *

Con đã cảm nghiệm được nhiều thứ hạnh phúc. Hạnh phúc khi nhận được tin vui. Hạnh phúc đến từ một tâm hồn biết thông cảm. Hạnh phúc đến từ sự thành công trong công ăn việc làm. Nhưng, những hạnh phúc ấy vẫn chẳng làm con an lòng. Con vẫn lo âu. Những hạnh phúc ấy vẫn là bấp bênh. Quá khứ minh chứng rằng nhiều lần con đã mất hạnh phúc ấy.

Vì những hạnh phúc ấy có thể mất nên cũng có những ngày tháng con sống không niềm vui, chung quanh con là sa mạc. Mà đời người thì chẳng thể sống không niềm vui. Nên con đi tìm niềm vui mới. Có khi con oán giận Chúa, bỏ đời sống đức tin để tìm bất cứ một an ủi nào đó. Trong những giây phút ấy con thường tìm hạnh phúc trong tội lỗi. Con không nhìn thấy những tàn phá của tội mà con chỉ thấy những hứa hẹn và bóng mát của tội mà thôi. Thật sự con chẳng muốn bỏ Chúa bằng con đường chủ tâm sống trong tội. Con vẫn biết con không

thể sống thiếu Chúa, nhưng trong yếu đuối của đời mình, con đã thấy quyền rũ nơi tội mạnh hơn hạnh phúc do đời sống đức tin đem lại.

Hạnh phúc thật thì chỉ có một định nghĩa. Nếu con đi tìm bất cứ hạnh phúc nào ngoài thứ hạnh phúc thật đó, con sẽ hoang mang và hụt hẫng. Hạnh phúc thật đó chỉ có Chúa mới cho con được mà thôi. Chúa là nguyên ủy của tất cả, thì hạnh phúc cũng phải do Chúa là nguyên nhân. Bởi vậy, khi con đi tìm niềm vui ngoài nguyên nhân tối thượng là Chúa, con sẽ gặp thất vọng.

* * *

Khi con phạm tội, tội cũng cho con một chút “niềm vui”. Nhưng tội làm con xa Chúa. Niềm vui hay hạnh phúc là lúc trầm mình thưởng thức trong dòng nước chảy của dòng sông. Mức độ và sắc thái khác nhau của hạnh phúc tùy thuộc vào nguồn gốc của dòng sông ấy. Chúa là nguyên nhân của một thứ hạnh phúc. Tội cũng sinh ra một dòng hoan lạc. Nguyên nhân khác nhau thì hạnh phúc hay hoan lạc đến từ các nguyên nhân đó phải khác nhau. Từ sự khác nhau ấy, con chọn lựa cho mình một dòng sông. Dòng sông hạnh phúc của Chúa hay đôi bờ hoan lạc của tội.

Con là một tạo vật hữu hạn. Thứ hạnh phúc của tội cũng là một sản phẩm hữu hạn, bởi vì chính con tạo nên nó. Vì con tạo nên nó, do vậy, nó chẳng bao giờ thỏa mãn con được. Hạnh phúc của con hệ tại bám vào hạnh phúc tự thể là Chúa. Nên khi con mất cái tự hữu để ký sinh thì con chênh vênh và hao hụt ngay.

Tội làm con xa Chúa. Chúa xa con không phải vì Chúa bực mình, ghen tức. Dù con thánh thiện tới đâu đi nữa thì cũng chẳng vì thế mà sự trọn hảo của Chúa thêm trọn hảo hơn. Dù con có cầu nguyện thiết tha đến đâu đi nữa thì chẳng vì thế mà Chúa được cao cả hơn. Tự Chúa đã tràn đầy tất cả. Chúa chẳng cần gì. Nếu con cầu nguyện là con bám vào sự trọn hảo của Chúa để được thương ban mà thôi.

Tội là thái độ tự do để lựa chọn một đối tượng ngoài Chúa. Khi phạm tội là con nghe theo một tiếng gọi khác, chấp nhận một đối tượng khác. Khi con chấp nhận một đối tượng khác rồi thì lẽ dĩ nhiên là Chúa phải xa con. Chúa không áp bức con bằng sức mạnh, bằng quyền năng, nhưng Chúa kính nể sự tự do của con. Khi con phạm tội, khi con lựa chọn một đối tượng rồi thì Chúa muốn ở với con cũng không được vì con đã dành khoảng trống của lòng mình cho một chủ khác rồi.

Khi con kiếm tìm niềm vui nơi tội là con tạo nên cơn bão táp cho chính vườn rau của mình. Càng để tội lỗi làm chủ con tim mình thì Chúa càng phải ở xa. Mà Chúa càng xa thì hạnh phúc thật càng mù tăm, khuất bóng. Lý tưởng cuộc đời con là kiếm tìm và quy về nguồn cội hạnh phúc thật đó. Do vậy, càng xa nguồn hạnh phúc thật thì con càng đánh mất ý nghĩa cuộc sống. Mà không còn ý nghĩa thì cuộc sống trở nên man dại, tính toán, lo âu, giành giật, hận thù và chán chường.

* * *

Khi con phạm tội là con phá hủy hết tất cả tự do của con. Cơn bão táp ấy xóa nhòa nhân phẩm của con. Tội là điều xấu. Con không muốn để người khác biết những điều xấu xa của con. Từ đó, con có hai khuôn mặt. Một khuôn mặt thật và một khuôn mặt để “show up”, trình diễn để tha nhân nhìn vào. Khi con giấu kín khuôn mặt thật tội lỗi để phô bày khuôn mặt giả cao thượng là con xây dựng giá trị của mình trên sự lầm lẫn của tha nhân. Con lừa dối kẻ đối diện. Nếu con còn may mắn để nhìn thấy rằng mình có hai khuôn mặt mỗi khi xét mình thì con còn lương tri để biết rằng mình chỉ lừa gạt người chứ không lừa dối mình. Nhưng ngày nào đó, con lẫn lộn giữa thực và hư. Ngày nào đó, con người để trình diễn kia rợp bóng đến nỗi con chỉ thấy nó là chính mình và con tin nó là khuôn mặt thật của mình, con không còn thấy bóng khuôn mặt thật của con đâu

nữa thì ngày đó con chẳng còn gì. Con đã là nạn nhân của sự giả tạo. Gian dối với tha nhân đã nên lừa đảo chính mình.

Khi tha nhân tưởng con là gương mẫu của đời mà con không là gương mẫu thì con sẽ lo âu cho cái ngưỡng mộ kia bị đổ vỡ nếu tha nhân nhận ra con người thật tội lỗi của con, cho nên con lại càng phải cất giấu con người đó kỹ hơn. Bởi đấy, tội cướp mất tự do. Sống trong tội, con phải sống trong hồi hộp, gian dối, lo âu.

Chẳng có người cha nào không mũi lòng khi thấy đứa con mình sắp xuống tắm trong dòng sông ngầu vẩn rác đục. Vì kính trọng tự do Chúa đã ban cho con, nên Chúa biết con xa Chúa là đời con sẽ chán chường, Chúa cũng đau khổ, nhưng Chúa chẳng thể cưỡng bách con chọn Chúa được. Mà thật sự con cũng không muốn mất tự do. Hành vi chọn lựa là một thú vui chan chứa của tự do. Không có tự do sẽ là gỗ đá. Nếu con không phải là gỗ đá, nếu con có tự do, thì con phải biết lo âu biết bao về sự tự do của mình.

THA NỢ



Một hôm các môn đệ đến phân bì với Chúa là Yoan dạy môn đệ của ông ta cầu nguyện, còn Thầy, xin Thầy cũng dạy chúng con cầu nguyện đi. Từ ngày đó kinh Lạy Cha đã ra đời. Đó là kinh mà chính Chúa đã dạy các môn đệ (Lc. 11:1-3). Chẳng biết lúc đó các môn đệ có hiểu lời kinh ấy không mà chẳng thấy các môn đệ thắc mắc gì cả. Rồi từ đó dọc theo lịch sử hai nghìn năm, người ta cứ đọc kinh ấy mãi cho đến hôm nay. Vì tính cách quan trọng nên kinh ấy được đưa vào thánh lễ. Mỗi lần dâng lễ, tôi lại trịnh trọng giang tay nói với toàn thể cộng đồng: *“Theo lời Người dạy chúng ta hãy nguyện rằng.”* Rồi cả nhà thờ vang lên lời kinh đó. Trong lời kinh có một câu thế này: *“Xin Cha tha nợ cho chúng con cũng như chúng con tha kẻ có nợ chúng con”* (Mt. 6: 12).

Thế là chết tôi rồi! Tôi ký với Chúa một giao kèo hay sao. Tại sao tôi không xin Chúa tha cho tôi theo lòng thương xót của Chúa chứ đừng giống như sự hẹp hòi của tôi. Rõ ràng tôi bảo Chúa cứ tha cho tôi giống như là tôi tha cho người khác. Chúa cứ việc nhìn vào tôi như mẩu mực mà thi hành.

* * *

Đâu là mẩu mực của tôi? Thánh Matthêu kể:

Nước Trời giống như một vua kia tính sổ với bầy tôi. Nhà vua vừa khởi sự tính sổ thì người ta điếu đến một người nợ một ngàn nén vàng. Y không có gì để trả nợ nên nhà vua ra chỉ thị bán y và vợ con sản nghiệp thay thầy để trả nợ. Vậy người bầy tôi

phục xuống bái lạy mà rằng: “Xin Ngài nán lại cho tôi với, thần sẽ trả hết.” Nhưng tôn chủ của bầy tôi ấy chạnh lòng thương, đã thả y về và tha bổng cả món nợ. Đi ra, người bầy tôi ấy gặp một người bạn đồng nghiệp mắc nợ y một trăm đồng bạc. Y liền bóp cổ chận họng mà rằng: “Nợ đâu, trả đây.” Người bạn đồng nghiệp phục xuống nài van y rằng: “Xin ông nán lại cho tôi với, tôi sẽ trả!” Nhưng y không chịu, lại đi bỏ tù, cho đến khi nào nó trả nợ xong. Vậy các bạn đồng nghiệp thấy sự xảy ra thì rất đỗi buồn phiền mà đi phân trần đầu đuôi mọi sự xảy ra với tôn chủ họ. Bấy giờ, tôn chủ cho điệu y đến bảo rằng: “Tôi tớ bất lương, ta đã tha bổng cho người tất cả món nợ ấy, chỉ vì người đã nài xin ta! Há người không phải thương xót bạn đồng nghiệp người sao, như chính ta đã thương xót người?” Thỉnh ngộ, tôn chủ của y đã trao y cho lý hình cho đến khi nào y trả xong tất cả những gì mắc nợ với ông. Cha Ta, Đáng ngự trên trời, sẽ xử với các người như thế, nếu các người mỗi người không thật lòng tha cho anh em mình” (Mt. 18: 23-35).

Nếu mẫu mực của tôi như thế thì chết tôi rồi. Tôi chỉ xin Chúa tha cho tôi giống như tôi tha cho người khác.

* * *

Sau kinh Lạy Cha. Phúc Âm Matthêu kết luận như sau: “Vì nếu các người tha thứ cho người ta những điều họ sai lỗi, thì Cha các người, Đáng ở trên trời, cũng sẽ tha cho các người; nhưng bằng các người không tha thứ cho người ta, thì Cha các người cũng sẽ không tha thứ điều các người sai lỗi”(Mt. 6: 14-15).

Như vậy là rõ lắm, Chúa tha thứ cho tôi theo mức độ tôi tha thứ cho người khác. Như thế lời kinh Lạy Cha có thể là lời tôi kết án cho tôi. Tôi xin với Chúa rằng chỉ tha cho tôi giống như tôi tha cho người ta thôi. Hằng ngày tôi đọc kinh ấy, đã mấy mươi năm trong đời rồi. Đã bao nhiêu ngàn lần tôi khắc sâu vào tâm trí Chúa để Chúa nhớ là: Xin tha nợ cho tôi giống như tôi tha nợ kẻ khác, đừng tha nhiều hơn! Nếu tôi không tha cho người khác được là tôi xin Chúa cũng đừng tha cho tôi. Ôi! lời kinh nguy hiểm biết bao nhiêu!

* * *

Ở đây, giữa tôi và Chúa có phải là ký với nhau một giao kèo không? Nếu là giao kèo thì hợp lý trong lối lý luận, nhưng thiếu tự do trong thái độ tha thứ. Bấy giờ, tha thứ trở nên như một mặc cả đôi bên. Có khi tôi không muốn tha cho người ta, nhưng để Chúa tha cho mình thì thôi cũng đành cố tha cho người khác vậy. Còn phía của Chúa thì lấy sự tha thứ cho tôi như một áp lực để tôi phải tha cho người khác. Tôi thấy có điều không ổn theo lối đặt điều kiện như thế này. Tha thứ đến từ những điều kiện là trả nợ theo luật pháp chứ không phải là rung động bằng con tim. Tha thứ áp lực là tiếc nuối của một đối chác. Chúa không thể hành xử như thế. Vậy tôi phải hiểu tha thứ như thế nào?

* * *

Trong thân thể Đức Kitô mà tôi là chi thể thì dòng máu luân hoán chỉ có một màu đỏ, nghĩa là tôi đến với Chúa rồi qua tha nhân, hay qua tha nhân rồi đến với Chúa, ngã nào cũng là một thái độ. Tôi không thể có hai thái độ, đến với Chúa là dòng máu đỏ, ngã qua tha nhân là dòng máu đen. Bánh xe luân chuyển tương quan giữa ba chủ thể; Tôi - Tha nhân - Chúa là thông cảm của một thứ tình. Bởi đó khi một bánh xe bị gãy sẽ làm con đường nối kết ba chủ thể ấy gián đoạn. Tôi và tha nhân bị cách đoạn thì tôi và Chúa cũng không thể nối kết. Không nối kết với tha nhân thì nối kết với Chúa là ảo tưởng, lúc đó Chúa chỉ là ngẫu tượng: *“Nếu người dâng của lễ nơi bàn thờ, và ở đó nhớ ra anh em có điều bất bình với người, người hãy đặt của lễ trước bàn thờ, rồi đi làm hoà với anh em người đã, rồi hãy đến mà dâng lễ vật của người”* (Mt. 5: 23-24).

* * *

Tha thứ không phải là tri thức để hiểu mà là cảm nghiệm rung động. Khi tôi không tha thứ được cho người là lúc con tim tôi đã khô cứng. Nếu sự khô cứng làm tôi không rung cảm trước xót thương của người khác thì cũng chính sự khô cứng ấy làm tôi không cảm nghiệm được sự tha thứ của Chúa cho tôi. Sự tha thứ

của Chúa luôn luôn vô điều kiện, nhưng điều kiện cảm nghiệm được sự tha thứ ấy lại hệ tại khả năng mềm mại nơi trái tim tôi để tôi có thể rung động mà tha thứ cho người. Chỉ khi trái tim mềm mại tha thứ thì khả năng mềm mại của nó mới có thể lãnh nhận được thứ tha của Chúa.

Có cảm nghiệm được Chúa tha thứ thì mới có thể thứ tha cho người. Bởi đó, khi tôi không tha thứ là vì có thể tôi chưa cảm nghiệm được sự tha thứ của Chúa. Như thế, khi tôi khó tha thứ cho người đấy là dấu chỉ cho tôi biết tôi chưa thực sự xin Chúa thứ tha cho tôi.

TẶNG VẬT



Có người Biệt phái kia mời Ngài tới dùng bữa với mình. Ngài vào nhà người Biệt phái và lên giường ăn. Và này: Một phụ nữ, một người tội lỗi trong châu thành. Biết Ngài dùng bữa tại nhà người Biệt phái, người phụ nữ ấy xách theo một bình bạch ngọc đựng dầu thơm. Đứng phía đằng sau chân Ngài, khóc nức nở, sa nước mắt đầm ướt chân Ngài. Xoa tóc trên đầu, cố lau sạch. Và tha thiết hôn chân Ngài và xúc dầu thơm (Lc. 7: 36-38).

Mai Đệ Liên đã tìm gặp Chúa. Tìm là giai đoạn sôi bỏng nhất của tình yêu. Gặp mặt nhau nhưng chưa chắc biết tên nhau. Biết là một chuyện nhưng có để ý nhau không lại là một chuyện khác. Cho dù có để ý nhau nhưng chưa chắc đã tìm nhau. Bởi đó, những chuyện tình đi tìm nhau bao giờ cũng là những chuyện tình không quên. Tìm nhau là giai đoạn đồng cảm nhất trong tiến trình của yêu thương. Nói đến phải đi tìm là nói đến vất vả, nên những chuyện tình tìm nhau thường là những chuyện tình gian nan.

Tặng vật là niềm tin

Đến với Đức Kitô, người đàn bà này đã mang theo ba tặng vật: Niềm tin, mái tóc và bình dầu quý. Tìm là xác định một điều có trong khi chưa có. Tin là có để rồi miệt mài theo đuổi điều chưa có là một thứ gian nan không dễ. Niềm xác định có càng nhiều thì mới càng có nỗ lực. Những đêm băng khuâng gọi hồn, tiếng

con tim ngập ngừng đếm từng khoảnh khắc. Và bữa tiệc chiều nay, đôi khi nghe cõi lòng chùng xuống khi hình dung ra những cái nhìn soi mói, nhưng người đàn bà này vẫn chuẩn bị cho một cuộc đi tìm rất nhiệm màu trong linh hồn. Bà cần gặp Đức Kitô.

Xét theo khung cảnh thì đây không phải là bữa ăn thường mà là bữa tiệc. Tôi không nghĩ rằng người phụ nữ này được mời, vì Biệt phái kết án “gái điếm và thu thuế”. Người phụ nữ này đã nổi tiếng tội lỗi trong châu thành vì ai cũng biết. Nếu vậy, càng không thể là khách mời của Biệt phái. Khách được mời sẽ được lấy nước rửa chân, xúc dầu và hôn chào. Vậy làm sao người phụ nữ tội lỗi này lọt được vào? Đối với một kẻ tội lỗi bị xã hội kết án thì đi tới đâu cũng phải đương đầu với những con mắt tò mò. Có thể người phụ nữ này phải giả dạng để vào được phòng khách. Có thể cô ta lẩn đi vào ngõ sau. Có thể cô ta bất chấp mọi nghịch cảnh xông đại vào. Trong bao nhiêu giả thuyết, ta không biết cách nào là đúng. Hoặc cho dù có được vào tự do, thì điều ta biết chắc là người phụ nữ này đã phải chấp nhận những lời kết án cho một lần gặp gỡ.

Chợt đọc qua đoạn Tin Mừng, tôi thấy hình ảnh người phụ nữ ngồi khóc bên chân Chúa là một hình ảnh êm đềm. Thoáng qua, tôi thấy người phụ nữ có thể gặp Chúa một cách nhẹ nhàng. Nhưng nhìn kỹ lại, tôi thấy gặp gỡ với Chúa, cô ta phải lên đường vô cùng quyết liệt. Mình không phải là khách. Người ta dòm ngó xầm xì. Bao nhiêu người chỉ trỏ. Có khi phải bẽ mặt vì bị đuổi đi.

Trong quá khứ, không biết có khi nào tôi liều thân đi gặp Chúa như thế chưa. Những kỷ niệm tìm nhau trong gian nan là những kỷ niệm khó quên. Nếu tôi không nhớ có khi nào tôi vất vả đi tìm Chúa như thế chưa, điều đó có nghĩa là tôi chưa có những “chuyện tình gian nan”, dù có đôi ba lần liều thân tìm gặp Chúa, sự liều thân ấy cũng chắc là nhạt nhẽo lắm.

Dầu thơm của khổ đau

Cho cuộc đi tìm này người phụ nữ đã mua một bình bạch ngọc, tìm loại dầu thơm quý. Tặng nhau một cành hồng, gởi nhau một lọ nước hoa là chuyện thường. Nhưng dầu thơm ở đây là hương thơm có thể bay ngược chiều gió. Bởi, nó là hương thơm của trầm ẩn, là đóa hoa lòng. Chắc hẳn tiền mua bình bạch ngọc đến từ những đêm nhục nhằn cảm nín, từ nước mắt dàn dựa trên những đồng bạc bất hạnh nằm rơi vãi trên giường. Đời là hoang vu. Cúi mặt đi trong phố vắng khi đèn chiều cứ ảm đạm. Người khách ra về, cánh cửa sập lại, cúi nhặt những đồng bạc trong cơn mệt mỏi chán chường. Người gái điếm ấy gom số tiền đã chắt chiu từ những tháng ngày cùng cực. Xuống phố, không tiếc lòng, mua một bình ngọc quý, một cân dầu thơm. Rồi, từ từ, đổ hết cho phí đi cân dầu hảo hạng, cho phí đi những đồng tiền khổ đau.

Trọn vẹn mái tóc xám hối

Tặng vật thứ ba là mái tóc của cô ta. Người con gái nào không thương mái tóc. Ở Mai Đệ Liên chắc hẳn cũng có những ngày mới lớn như những nàng thiếu nữ Jérusalem. Cô cũng cũng có những áng mây hồng của tuổi băng khuâng, có cánh bướm nhỏ trong giấc mơ về đậu trên bờ tóc. Tóc mai cũng đã thương những sợi vắn sợi dài. Hôm nay, thương yêu có thể là muộn màng. Thương nhớ có khi đã mất mát. Bây giờ, thương đau là gương soi. Những sợi tóc ấy, giờ đây thả xuống cho xuôi dòng. Những sợi tóc đó nếu có một thửa mây bay tà đạo, thì hôm nay ngoan ngoãn theo lời xin xám hối. Cài vào những sợi tóc ấy là niềm tin để chải xuống một dòng đời lỗi lầm.

* * *

Lạy Chúa,

Người phụ nữ ấy đã lấy tất cả thương đau đời mình để mua cân dầu rồi đổ đi, đổ cho cạn đến giọt sau cùng. Con chỉ nhìn vào hình ảnh Chúa tha thứ tội lỗi một cách

nhẹ nhàng, mà ít nhìn vào thái độ ao ước tận cùng của niềm tin, của sự quyết liệt trọn vẹn trong trái tim người phụ nữ.

Ở trong con, nhiều lần cũng tìm gặp Chúa, nhưng không bao giờ đổ tất cả cho một cuộc gặp gỡ. Bởi đó, gặp gỡ nào giữa con với Chúa cũng cứ là những gặp gỡ dang dở.

RÁC



Tuyết rơi từ bao giờ không biết, cứ mưa trong lặng lẽ một trời đêm. Tôi vén màn nhìn qua khung cửa kính phòng ngủ. Đường vắng tanh. Nghe ngoài trời gió tuyết rì rào đập xuống vuông kính cửa sổ. Có tiếng xe nặng nề. Tiếng cần trục cầu chiếc thùng sắt ở đầu ngõ. Tôi đoán trời đã gần về sáng vì xe đổ rác đang đi thu rác. Vào mùa đông ở những tiểu bang miền Bắc Mỹ 6 giờ sáng trời vẫn tối mù sương.

Phòng tôi có một thùng rác. Trong nhà tắm và vệ sinh có một thùng nữa. Xuống khỏi cầu thang là phòng khách, cũng có một thùng rác. Từ phòng khách nếu đi thẳng xuống nhà bếp, đó mới lại là thùng rác lớn. Nếu rẽ mặt là phòng làm việc của cha xứ, cũng có một thùng rác. Cạnh đó là phòng làm việc của cha phó, dĩ nhiên cũng phải có một thùng. Bên cạnh phòng cha phó là văn phòng của nhà xứ, văn phòng chính, làm sao mà thiếu thùng rác được. Tính ra đã là 7 thùng rác. Chưa tính những phòng khác và ngoài đầu nhà. Người ta cần nhiều thùng rác vì cuộc đời, đâu cũng có rác.

Sáng nay, trời mù sương tuyết phủ. Gió lạnh bay về se sắt những nhánh cây khô. Từ đường phố còn vắng hoe, người phu đã đi dọn rác.

* * *

Chỉ mấy ngày, thùng rác trong căn bếp đã đầy. Đặc tính của rác là rác gọi ruồi nhặng tới. Rác sinh dòi bọ.

Trong những thứ làm bẩn cuộc đời có hai loại rác. Rác bên ngoài và rác trong tâm hồn. Các Biệt phái và ký lục chất vấn Chúa:

Vì lẽ gì mà môn đệ Ngài lại không noi theo lệ truyền của tiền nhân, không rửa tay khi dùng bữa? (Mt. 15: 2). Chúa gọi dân chúng lại mà trả lời họ: Không có gì ở ngoài miệng vào có thể làm cho người ta ra dơ ược. Nhưng chính các điều bởi miệng ra là những điều làm cho người ta ra dơ ược (Mt. 15: 11).

Sau đó Chúa giải thích thêm cho các môn đệ:

Điều tự người ta ra, điều đó làm cho người ta ra dơ ược. Vì tự bên trong, tự lòng người ta, mà xuất ra những suy tính xấu xa: Những dâm bôn, trộm cắp, giết người, ngoại tình, tham lam, độc ác, xảo quyệt, phóng dăng, phân bì, gièm pha, kiêu hãnh, vô lương tri. Các điều xấu xa đó thay thay đều tự bên trong mà xuất ra, và làm cho người ta ra dơ ược (Mt. 15: 17-20).

Con người đề cập đến rác rưởi bên ngoài thì Chúa lại soi dọi đến rác rưởi tâm hồn. Chúa đem nó ra ánh sáng vì loại rác này khó thấy, hoặc người ta không muốn thấy. Từ thái độ của Chúa về rác, có lẽ ta cũng cần có đôi chút thời giờ để gọi một vài ý:

Gia đình tôi không thể sống mà thiếu thùng rác, vậy đâu là thùng rác thiêng liêng của gia đình tôi?

Bao đựng rác cũng mất tiền, tại sao tôi không tiết kiệm tiền mua bao bằng cách cứ chứa rác trong nhà? Lý do nào làm tôi không nhạy cảm với rác tội lỗi?

Khi đổ rác, người ta đổ tất cả rác trong nhà. Một thùng có mùi hôi, cả nhà vẫn hôi. Người ta không thể để cho rác của mình gây tanh tưởi và lập luận đó là rác của tôi, tôi có tự do giữ nó trong phòng tôi! Tôi có bao giờ cho những bản khoản về tội riêng của tôi có liên hệ tới người chung quanh trong gia đình là một bản khoản chính đáng?

Người ta không đổ rác từ thùng này qua thùng phòng bên kia. Nhưng là đổ tất cả ra ngoài. Tôi có thái độ nào với rác thiêng liêng trong gia đình tôi?

Khi phát mùi tanh, khi có dòi bọ mà bao rác hầy còn vơi, người ta vẫn đem đi đổ, sao không cứ đợi cho đầy? sao không cứ đợi đúng thời khóa biểu? Tôi hiểu thế nào trong đời sống thiêng liêng với các thứ rác tinh thần và bí tích giải tội?

Tất cả sang trọng trong căn nhà của tôi chẳng có gì là quyến rũ để Chúa vào. Rác tâm hồn đã biến nó thành ngôi mộ. “Các ông giống như những mòmả quét vôi trắng, bên ngoài có vẻ đẹp, nhưng bên trong thì đầy hài cốt và mọi mùi hôi thối” (Mt. 23: 27).

* * *

Lạy Chúa,

Ai cũng có rác. Nhà nào cũng có rác. Trong hai thứ rác, Chúa sợ rác rưởi trong tim con người. “Khốn cho các người, vì các người rửa sạch bên ngoài chén đĩa, còn bên trong thì chứa đầy cướp bóc và ô uế” (Mt. 23: 25). Căn nhà của con dù có trang trí mỹ thuật đến đâu mà đầy rác, thì đấy cũng chẳng thể là nơi sống được. Gia đình con có khi nào nhạy cảm với rác rưởi vô hình?

Dù đời đẹp đến đâu, nói đến đời cũng vẫn phải nói đến rác. Cuộc sống của con cũng có biết bao nhiêu sợi chỉ thêu bạc, nhưng cũng chẳng thể tránh được những đường may tội lỗi. Như vậy, xin cho con hàng ngày khi đổ rác biết suy tư về rác cũng là đủ cho con lắm rồi.

TRÊN ĐƯỜNG VỀ



Trên đường về với Chúa, tôi đã bao lần cất cánh bay lên, nhưng có mưa phùn làm đôi cánh lạnh giá.

Đã bao lần tôi muốn đi tới, nhưng lối về có gai góc cản ngăn.

Đã bao lần muốn giang tay ra, cho đi nhiều hơn, nhưng có nỗi tiếc bảo dừng.

Vì thế, trong mơ ước có gian nan. Và, trên đường về với Chúa vẫn là khúc đường xa xăm.

* * *

Trong cuộc sống, những giấc mơ chưa trọn vẹn là những giấc mơ buồn. Vì không trọn vẹn nên mới buồn. Nhưng đặc tính của những giấc mơ buồn lại thường là những giấc mơ lớn. Vì lớn nên mới khó trọn vẹn. Bởi đó, cái buồn của giấc mơ không trọn vẹn dường như vẫn là cái buồn giá trị, giá trị vì nó mang một hoài bão rất cao.

Cái không trọn vẹn đó thúc bách, mời gọi đi tới. Con đường tình yêu không bao giờ có giới hạn thì giấc mơ tình yêu không bao giờ cùng. Do đấy, sự chưa được trọn vẹn trong ước mơ đi về với Chúa là sự chưa trọn vẹn dễ hiểu trong thân phận làm người của tôi nơi trần thế này. Đường tình yêu càng dài thì giấc mơ tình yêu càng sâu. Tình yêu càng sâu thì trên đường ấy, tôi cần miệt mài đi mãi.

Trên đường về với Chúa, tôi chỉ hỏi lòng tôi là tôi đã đi xa tới đâu, đã bay cao thế nào. Chứ không thể có câu hỏi tôi đã yêu Chúa trọn vẹn chưa. Từ ngàn xưa, Ngài đã biết hồn tôi là dang dở, những lời thề của tôi là những lời đoan hứa dập gẫy. Bởi vậy, tôi không thể yêu Ngài trọn vẹn nhưng Ngài đòi tôi đi về trọn vẹn.

Trọn vẹn là một mơ ước. Dang dở vì chưa trọn vẹn có chiều sâu của nó là nó làm cho mơ ước tiếp tục còn là ước mơ. Tôi có thể cầu Chúa cho tôi đạt được mọi mơ ước không? Khi đạt được mọi mơ ước rồi thì tôi không còn mơ ước nữa. Không còn mơ ước thì còn gì để mà đi tới, còn gì để mà bay lên. Trong ý nghĩ ấy, đường về với Chúa nếu còn dang dở chỉ là lời gọi tôi đi tới. Mỗi lần sa ngã chỉ là bảo tôi nhìn lên cao. Tôi không thất vọng vì chưa đạt được mơ ước.

Mơ ước đã được rồi là hạnh phúc đã được đóng khung trong một bến bờ. Tôi muốn thứ hạnh phúc vô cùng. Tôi muốn hoài hoài mơ ước. Tôi muốn vào một không gian hạnh phúc mà càng bay cao thì càng bắt gặp trời thênh thang tự do. Càng bắt gặp thì càng si mê, càng si mê thì càng nuôi mộng đi tới nữa. Tôi tin rằng hạnh phúc ấy có thật. Đó là chính Chúa. Bởi tôi biết, tôi không bao giờ uống cạn được ân sủng của trời cao. Vì thế, tôi không xin cho tôi đạt được điều tôi mơ ước mà chỉ xin cho tôi được mãi mãi, hoài hoài đi về Ngài, sống trung thành với mơ ước đó thôi.

Và vì thế, linh hồn tôi có vì bất toàn mà lầm lỗi, thì đấy chẳng thể là lý do làm tôi thất vọng, xuôi lòng. Trên đường về nhà Cha, nếu vì yếu đuối mà dừng nghỉ. Thì, đường về nhà Cha có xa xăm thật. Xa xăm ấy vẫn là xa xăm có Chúa. Nếu vì sa ngã mà làm cho giấc mơ gian nan. Thì, đường về nhà Cha có gian nan thật, gian nan ấy vẫn là gian nan ấm lòng.

* * *

Lạy Cha,

Cha cầu xin cho con không thuộc về thế gian, nhưng Cha đã chẳng đem con ra

khỏi thế gian. Ngày nào con còn trong thế gian thì con còn nghe thấy tiếng dõ dành của những rung cảm đam mê. Từ trong bào thai của mẹ, con đã là lỗi phạm. Con có thể vấp ngã vì bóng đêm, nhưng con có thể không thuộc về đêm tối. Con không thất vọng vì những đám mưa phùn làm con ướt cánh. Con không ủ dột vì bờ đá chênh vênh giữ chân con đi tới. Vì con biết, khi Cha dìu con, thì tình trời sẽ sưởi ấm chiều mưa lạnh âm đạm, và ân sủng sẽ gieo trên gai nhọn. Khi Cha dìu con thì ước mơ sẽ nên tha thiết, và dù có vất vả cánh ong vẫn bay về được với mật ngọt của hoa. Khi Cha dìu con thì con có thể trung thành. Khi Cha dìu con thì thánh giá sẽ là sức sống.

Lạy Cha,

Đây là mơ ước và cũng là lời cầu nguyện của con trên đường về.

Có giấc mơ nào đẹp mà không phải trả giá bằng thương đau? Có giấc mơ nào lớn mà không phải trả giá bằng thử thách? Có thập giá nào lên đồi Golgotha mà không quy ngã? Có chiều nào trong vườn Giếtsimani mà không lo âu rướm máu. Những áng mây trời chỉ bay trên đỉnh đồi. Gió lộng chỉ ở ngoài biển khơi. Tôi phải đi lên. Tôi phải miệt mài bước tới. Và Ngài đã nói với tôi: “*Cha ở cùng con mọi ngày cho đến tận thế*” (Mt. 28: 20).

Tiếng gọi của trời cao là bảo tôi trung thành với ước mơ. Cho dù lầm lỗi có làm tôi đau khổ vì mất giá trị nhưng chẳng vì thế mà Người chê trái tim tôi nghèo nàn xấu xí. Đôi cánh con chim sẻ sẽ chẳng bay cao được như con phượng hoàng. Nhưng một ly nước nhỏ mà đầy thì ý nghĩa hơn một ly nước lớn mà vơi.

Dù có yếu đuối cản đường. Dù có lầm lẫn che lối. Dù ngày tôi chết, tôi vẫn chưa leo được tới nửa đồi của thập giá, nhưng nếu tim tôi vẫn hồng lửa ước mơ, hồn tôi vẫn vất vả đi tìm cõi vô biên thì đây là đường mở lối vào vườn hạnh phúc rồi.

Cha trên trời sẽ chạnh lòng khi thấy một con chiên què mà cứ xiêu vẹo trèo lên. Cha trên trời sẽ chạnh lòng khi thấy một đôi cánh đang làm than vì gió lạnh, mưa ướt, mang thương tích vì gai rậm mà cứ nhất quyết tìm đường về. Và vì đó,

dù trong yếu đuối của tôi, tôi vẫn thấy biển rộng, trong dòng xót thương của Cha, tôi tới đời cao.

THỜI GIAN



Thiên Chúa là Alpha và Omega. Ngài là khởi nguyên và tận cùng (Kn. 22: 13). Điều ấy có thể diễn tả cách khác, Thiên Chúa là thời gian. Nhưng Thiên Chúa là thời gian trong ý nghĩa Thiên Chúa làm chủ thời gian chứ không phải thời gian là Thiên Chúa. Thời gian chỉ hiện hữu trong sự hiện hữu của Thiên Chúa, chứ không phải Thiên Chúa hiện hữu trong thời gian. Hiểu như vậy, thì ai sống trong Thiên Chúa mới thật sự sống trong thời gian. Còn sống trong thời gian chưa phải là sống trong Thiên Chúa.

* * *

Thiên Chúa là Alpha và Omega. Thánh Yoan còn định nghĩa Thiên Chúa là Tình Yêu (1 Jn. 4: 16). Thiên Chúa là thời gian và cũng là tình yêu. Như thế, thời gian và tình yêu song hành là một. Tôi sống trong Thiên Chúa là sống để yêu. Và sống trong thời gian là yêu để sống. Thời gian không có tình yêu sẽ thành lạnh lùng nghĩa trang, là củi mục buồn nản. Tình yêu ý nghĩa hóa và thắp hồn cho thời gian. Bởi đó, kẻ đang yêu là người sống trong thời gian với đầy niềm vui êm ả. Kẻ biết yêu là người biết nhìn thời gian như dòng ngọc bạc. Và kẻ sống trong Thiên Chúa là người phải biết quý thời gian.

* * *

Chúa dựng nên tôi bằng thời gian. Chúa cứu rỗi tôi bằng thời gian. Tôi sẽ gặp Chúa bằng thời gian. Thời gian là tất cả, bởi đó tôi nên dành cho thời gian

một suy tư của tôi về cuộc sống.

Nói về thời gian thì sách Giảng Viên trong Kinh Thánh viết như sau:

Có thời để sinh - có thời để chết

Có thời để trồng - có thời để nhổ

Có thời để giết chết - có thời để chữa lành

Có thời để phá - có thời để xây

Có thời để khóc - có thời để cười

Có thời để than van - có thời để múa nhảy

Có thời để quăng - có thời để lượm

Có thời để ôm - có thời để xa nhau

Có thời để tìm kiếm - có thời để thất lạc

Có thời để gìn giữ - có thời để vất đi

Có thời để xé - có thời để khâu

Có thời để nín thinh - có thời để lên tiếng

Có thời để yêu - có thời để ghét

Có thời giặc giã - có thời bình an

(Giảng viên 3: 2-8)

Có thời quăng đi, có thời lượm lại. Có thời than van, có thời nhảy múa. Đó là những lời hứa, thế nhưng khi nào được lượm lại, khi nào được nhảy múa. Thực tế trong cuộc sống có quá nhiều chịu đựng gian nan. Có những cơn bệnh kéo dài của thân xác, có những nặng nề năm tháng của tâm hồn. Nó là những đường hầm dài hun hút khổ đau. Tiếng thở dài của con người vẫn là: Khi nào tôi mới qua khỏi tháng ngày bất hạnh này.

Những lời nói về thời gian của sách Giảng Viên trong Cựu Ước có lẽ đã được Chúa Yêsu cắt nghĩa trong bài giảng trên núi. Tin Mừng thánh Luca ghi như sau: *“Phúc cho các người, khi thiên hạ oán ghét các người, khi họ loại các người đi cùng sí mọ, khi họ khừ trừ tên các người như đồ xấu xa vì có Con Người. Hãy vui sướng trong*

ngày ấy, hãy nhảy mừng, vì này: phần thưởng các người ở trên trời sẽ lớn lao” (Lc. 6: 20-26).

Nếu tôi phải quăng đi vì đức tin, sẽ có ngày tôi được Ngài đưa về với triều thiên. Nếu có thời tôi bị xé rách vì đức tin, sẽ có thời tôi được Ngài khâu lành bằng ơn sủng. Nếu có ngày tôi bị khóc than vì đức tin, sẽ có ngày Ngài đưa tôi vào dự tiệc Nước Trời.

Nếu lấy thời gian để xây đắp cho riêng tôi, sẽ có thời gian tôi bị vứt sạch khi Nước Trời đến. Nếu lấy thời gian để kiếm tìm cho riêng tôi, sẽ có thời gian tôi bị lạc lõng khi Nước Trời đến. Nếu lấy thời gian để ôm ấp cho riêng tôi, sẽ có thời gian tôi phải xa nhau khi Nước Trời đến.

Mâu nhiệm của thời gian và biến cố trong cuộc sống

Đêm Giáng Sinh nối kết với đêm tử nạn trong mộ đá sâu. Để rồi một thời trong mộ đá sâu dẫn tới một thời Phục Sinh bừng sống. Có ngày than van vì đức tin thì hãy trông ở đằng trước, sẽ có ngày ủi an. Và cũng để nhắc nhở, nếu có thời chỉ yêu riêng đời mình thì hãy thận trọng vì có ngày chua cay. Đau thương của tháng ngày bị xé rách ẩn trong tháng ngày được khâu lành. Đó là huyền nhiệm của thời gian.

Con người không làm chủ được thời gian. Tôi chẳng thể biết những gì sắp xảy ra ở tương lai. Điều này ảnh hưởng đến niềm tin của tôi. Vì không nắm chắc nên có lo âu, nghi ngờ. Nhưng làm sao tôi hiểu được ý định của Thiên Chúa từ alpha đến omega, từ khi chưa có mặt trời đến vô cùng mờ mịt hư vô. Phải chăng vì thế, thánh Yoan đã củng cố niềm tin của tôi khi Ngài bảo tôi rằng hãy nhớ từ nguyên thủy đến tận cùng Thiên Chúa mãi mãi là yêu thương (1 Yn. 4: 16).

Tôi không biết được thời gian. Đời là những biến cố. Có những biến cố hôm nay mới trả lời cho biến cố mà tôi đã chẳng hiểu trong quá khứ. Điều ấy cũng hàm ý, biến cố hôm nay có thể chỉ trọn nghĩa khi tôi chờ sống trọn biến cố ngày

mai. Nếu biết được thời gian, tôi chẳng còn niềm tin nữa. Đã biết rồi, còn gì để tin. Tâm sự của một người thao thức lo âu về tương lai, có lẽ cũng là tâm sự của một cây hồng.

Câu chuyện bắt đầu thế này:

Có một cây hồng được trồng trong thửa vườn, tôi tạm gọi đó là khu vườn cuộc đời. Ngày ngày người làm vườn vun sỏi. Ông nhổ cỏ, chăm sóc từng cánh lá. Cây hồng dần dần vươn lên trong dáng thềm muốn của khóm cúc, buồn tủi của đám lau sậy.

Chẳng bao lâu, cây hồng trở bông. Hôm nay, mảnh vườn rực sắc vì cái thắm đỏ của một loại hồng quý. Khách qua đường ai cũng trầm trồ khen ngợi. Cây hồng hãnh diện làm sao.

Năm tháng đông đưa chảy theo đời. Rồi đến một ngày, ngày mà lời Kinh Thánh nói: Có thời để khoe sắc, cũng có thời để tang thương. Người làm vườn đã từ lâu lắm rồi suy nghĩ. Ông biết nhân gian sẽ tiếc màu thắm đỏ. Ông biết nhân gian sẽ nhớ những giọt sương sáng long lanh trên cánh hồng. Nhưng ông đã quyết định chặt gốc hồng!

Sau cùng, những nhát dao định mệnh đã bổ xuống. Chỉ ngày hôm sau thôi, khách qua đường không còn thấy dập dờn trong gió một loài hồng quý nữa. Một cơn nắng mùa hạ trôi qua. Những cánh hồng, hôm qua rực rỡ, hôm nay còn đâu. Nhân gian thương tiếc dáng hồng thừa xưa, và có lời than trách: Hỡi người làm vườn kia ơi, sao lại chặt một loài hồng quý?

Riêng người làm vườn hiểu rằng có một thời để xanh, thì cũng có một thời để khô héo. Có một thời để giết chết, cũng có thời để chữa lành.

Trước nhát diu, cây hồng chẳng hiểu được đời mình.

Ông làm vườn đoán hứa rằng tất cả vì quý mến mà ông ta săn sóc cây hồng, tại sao ông lại chặt nó? Cây hồng nằm khô như những khúc củi khác. Giống như

cái vinh quang rực rỡ của Chúa Kitô trong ngày biến hình trên núi đã hết rồi. Bây giờ là cây khố giá buồn hiu. Và kẻ qua đường không muốn ngó nhìn.

Người làm vườn đem khúc gỗ hồng về treo trên gác bếp. Từ đó, khúc gỗ nằm lạng lẽ lãng quên trong gác bếp tối tăm. Bụi khói bám vào làm nghẹt thở đời nó. Nhớ về mảnh đời đã qua, còn đâu những buổi sáng long lanh. Khúc gỗ hồng lặng im thương nhớ đời mình.

Không biết bao lâu trong cái lạng lẽ ấy. Vẫn cái huyền nhiệm của thời gian là thế. Rồi đến một ngày. Lửa nóng đã làm hong khô, người nghệ sĩ đem khúc gỗ hồng khô ra đẽo gọt. Khúc gỗ đau đớn oán than. Đã chết rồi thân xác cũng chẳng được nghỉ yên.

Có lẽ đau đớn hơn cả là khi người làm vườn hì hục nung đỏ mũi khoan rồi dùi thủng từng chiếc lỗ trên thân khúc gỗ. Mỗi lần mũi khoan đỏ cắm vào sớ thịt, khói xẹt bay lên cay mắt. Đúng như có ngày bình yên thì cũng có ngày tan tác.

Rồi cũng đến một ngày. Vẫn cái huyền nhiệm của thời gian là thế. Những lát dao đã xong, khúc gỗ khô biến hình dần dần thành cây sáo trong tay người nghệ sĩ.

Và rồi cũng lại đến một ngày, lại một ngày nữa huyền nhiệm trong đời. Một ngày vô cùng trang trọng của người nghệ sĩ. Ngày đó, người nghệ sĩ đứng giữa trời đất bao la, nâng cây sáo hồng lên môi hôn. Cây sáo run lên xúc cảm, nó thấy đôi môi bát ngát của người nghệ sĩ đưa nó vào một thế giới vô cùng menh mông. Với cả hồn người nghệ sĩ, một hơi ấm từ đôi môi người nghệ sĩ ấy kề bên khúc sáo hồng, để rồi một bài ca huyền diệu nhẹ nhẹ đẩy gió vươn vào thính không.

Bấy giờ cây hồng mới hiểu vì sao nó đã bị chặt gãy. Nó mất đi cái dáng hoa tuy có lời khen của khách qua đường nhưng sớm nở tối tàn. Giờ đây nó luôn luôn trong bàn tay người nghệ sĩ đi khắp vũ trụ. Từ nó, hôm qua, hôm nay, rồi

mãi mãi ngàn sau, cứ đẩy gió đi vào thính không để ru đời bằng ngàn bài ca vô tận.

* * *

Lạy Chúa,

Không thể coi thường thời gian thì con phải có thái độ nào đối với thời gian?

Thái độ đúng nhất là hãy yêu thời gian. Không có thời gian con không hiện hữu. Bởi đó, tất cả mục đích mà thời gian ban tặng là gọi con đi tới, là hãy sống, hãy quý trọng vẹn từng mẩu thời gian.

Đặc tính của thời gian là không bao giờ chết. Thời gian vĩnh cửu. Bởi thế, con không giết được thời gian nhưng là thời gian giết con. Khi người ta “giết thời giờ” là lúc thời giờ đang giết họ. Nếu bản tính của thời gian đối với con là sự sống thì bất cứ hành vi nào làm phí phạm thời gian là hành vi xúc phạm đến sự sống, một tặng phẩm cao quý mà Chúa đã ban tặng con.

Cánh hoa làm cho cây hồng đẹp đấy, nhưng sớm nở tối tàn. Nó chỉ lẫn quẩn trong góc vườn chật hẹp. Nó có ngờ đâu khi rũ sắc đó để người nghệ sĩ biến mình thành cây sáo tre, nó đã thênh thang vũ trụ và ru đời.

Con chẳng nhìn rõ được tương lai. Xin cho con hiểu những quãng thời gian huyền nhiệm là sự khôn ngoan và quan phòng của Chúa săn sóc cho con. Mọi biến cố xảy đến trong cuộc sống của con đều đến từ định nghĩa: Chúa là Tình Thương (1 Jn. 4:16) từ khởi nguyên cho đến tận cùng (Kn. 22: 13).

VÒNG GAI VÀ NỤ HÔN



Đưa chân vào đời là vô bờ những tiếng gọi đi về tương lai. Mỗi bước chân là một lựa chọn định hướng. Lối nào cũng là lời mời gọi thiết tha. Có lối đi êm đềm của hạnh phúc lứa đôi. Cũng có tiếng gọi về một cuối đời trải dài nẻo đường lý tưởng. Đó là lối đi của thập giá, là bước chân Đức Kitô. Trong lối đi ấy, hồn Đức Kitô như một cánh diều đong gió, thênh thang, thản nhiên cỡi đời.

Người thanh niên nhìn về tương lai với hai nẻo đường đi, giữa cỡi trời dẹt mộng và lối đi nghệ sĩ như cánh diều của thập giá. Chàng chọn con đường thứ hai. Chàng yêu những chân trời nắng dội. Chàng thích những bình minh lên đường. Chàng mơ một ngày gặp Đức Kitô để muốn một đời phiêu lưu với Ngài.

* * *

Đức Kitô đang đi tìm những tâm hồn nghệ sĩ. Thế là họ gặp nhau. Rồi từ đó, họ rong chơi trong vũ trụ. Qua núi. Qua đồi. Có những quãng đời nắng bụi chân trần, nhễ nhãi mồ hôi nhưng mà họ vui biết bao. Đức Kitô dạy người học trò của mình về vương quốc của Cha Ngài. Ngài bảo vương quốc ấy không có hàng rào chia ranh giới, không có đạo quân canh giữ, vương quốc là một bữa tiệc, là một luân vũ hân hoan. Rất vui. Ai vào cũng được, tuy nhiên có điều muốn luân vũ hân hoan thì họ phải tự do, phải như gió rong chơi bốn mùa, phải như mây tan ra, vì thế họ phải từ bỏ nhiều lắm.

Đức Kitô chuẩn bị cho người học trò của mình mai sau tiếp nối bước chân

trần trên cát nên Ngài đem người học trò qua tất cả mọi nẻo đường cuộc đời. Lối dạy của Ngài rất lạ. Có những chiều hôm nắng quái, để dạy cho trò về sự sống, Ngài chọn nghĩa trang im lặng. Hai Thầy trò bên ven rừng hoang vu. Giữa những ngôi mộ đã nghìn thu im tiếng mà Ngài cứ say sưa giảng: Đó là sự sống! Đó là sự sống!

Để thấy vũ trụ xôn xao, để hiểu thế nào là âm nhạc, người học trò phải vất vả theo Ngài cả một ngày dài, sau cùng Ngài dẫn vào sa mạc. Đêm về, trăng lên. Vàng vạc không một bóng người. Lặng lẽ quá đỗi. Chỉ có mênh mông. Không một âm thanh mà Ngài chìm vào một hòa tấu như cả vũ trụ đang khiêu vũ rồi Ngài say sưa nói với học trò: Đó là âm nhạc! Đó là đàn ca!

Ngược theo những vạt nắng. Xuôi về những bến sông. Một lần ngang qua phố chiều, Ngài cho người học trò nhìn thấy tất cả tiền bạc giấu kín trong bao. Vàng bạc ngời sáng làm người học trò không biết nhìn nơi đâu. Chung quanh là tiền rừng bạc bể mà Ngài lại hỏi người học trò:

– Con thấy không, đâu là sự tự do, con thấy không, họ nghèo túng quá!

Có lần người học trò hãnh diện chỉ vào đèn đài: *“Kìa, Thầy nhìn xem vinh quang của Giáo Hội ta.”* Đức Kitô hỏi người học trò: *“Con muốn vào ở trong đó hay con muốn đi với Thầy?”* Người học trò không hiểu. Đức Kitô nói tiếp: *“Con muốn nhà tù hay tự do”*. Người học trò chẳng hiểu. Ngài bảo người học trò: *“Thôi đi con ạ.”* Cả hai lại tiếp tục lên đường. Ở đằng trước mặt, con đường vẫn còn hun hút chưa thấy nơi tới...

* * *

Đi qua phố núi. Về qua chợ chiều. Rong ruổi trong đời đã là bao năm. Lên những bình minh rục rờ. Xuống những mưa rầm rì. Rồi cũng đến ngày Thầy trò chia tay. Đức Kitô đã dạy cho người học trò tất cả lý tưởng của mình. Nghi thức vào đời làm chứng nhân, kết thúc những ngày theo học với Thầy sẽ là vòng tay chúc bình an của Thầy. Trăng mờ lạnh hơi sương, người học trò nghĩ đến sáng

mai, khi vạt nắng trải dài xuống sườn đồi chàng sẽ già từ Thầy. Nôn nao như một mùa hội mới. Cũng buồn vì xa Thầy, nhưng chàng đã trưởng thành, và Thầy gói gắm giấc mơ của Thầy nơi mình, chàng phải can đảm. Cứ nghĩ đến một ngày rong ruổi độ thân như đời Thầy, cứ nghĩ đến đời mình như cánh diều lộng gió bay cao, chàng xôn xao chờ phút giây trọng đại.

Vạt nắng bắt đầu hắt lên, nắng rực rỡ sẵn sàng làm chứng cho một chia tay hào hùng. Khi mặt trời nứt đất đẩy lên một vùng lửa cũng là lúc không gian trang trọng đón chân Đức Kitô đến. Hiến lễ tạ ơn đã xong, chàng đến quỳ trước Thầy mình nhận sứ vụ. Đức Kitô từ từ cúi xuống chúc bình an cho người học trò của mình, gửi chàng những thâm tình lần cuối. Khi vòng tay của Ngài buông xuống bờ vai, mặt Ngài cúi sát xuống vầng trán của người học trò thì cũng là lúc mặt trời ngưng hơi thở và nắng hốt hoảng lo âu. Nhìn lên mặt Thầy mình chàng mới thấy vòng gai nhọn trên đầu Thầy cũng dần dần cúi xuống sắp sửa rạch lên trán. Một cách ngại ngùng, người học trò nhắm mắt nói thông vòng tay. Vòng gai còn đó, nụ hôn không thành.

Đức Kitô thấu hiểu tâm hồn người môn sinh. Ngài không thể chúc bình an cho người học trò được nữa. Sự tự do là tất cả giá trị của tặng vật, vòng tay ngại ngùng đã đánh rơi lòng muốn, ánh mắt sợ hãi đã lên mờ sương đục của thiết tha. Đức Kitô không thể cứ cúi ôm người học trò khi mà người học trò ấy ngại ngùng. Không có tự do là cưỡng bức. Bất ngờ quá. Người học trò bối rối trước vòng gai nhọn, đôi tay đã buông thong mà không hẳn là dám dứt bỏ, muốn đi tới mà nặng trĩu ở đằng sau. Nắng đang sẵn sàng chứng giám cho cuộc lên đường anh hùng đột nhiên xanh xao sợ hãi vì chẳng biết những gì sắp xảy ra. Đức Kitô cũng không ngờ sự thể ngoài tầm dự đoán. Lòng xót thương đẩy Ngài đến một sáng kiến cũng không ngờ. Để gỡ cho người học trò khỏi mặt mặt không biết phải phản ứng như thế nào trước vòng gai nhọn, Ngài ôn tồn hỏi người học trò:

– Con muốn xuống núi sáng nay không hay con muốn ở lại với Thầy ít lâu

nữa?

Người học trò bám vào câu hỏi như chiếc phao để đỡ trôi. Và dĩ nhiên chúng ta biết người học trò đã ở lại. Vòng gai còn đó, nụ hôn không thành.

* * *

Từ ngày nhánh gai nhọn chạm lên trán, chàng bối rối nhiều về nụ hôn. Chàng sợ vòng tay chúc bình an của Thầy, vì vòng gai và nụ hôn không thể tách rời. Chàng tự hỏi rồi lo sợ cho một cuộc lên đường. Những xuôi mùa trăng. Những ngược mùa gió. Từ ngày xuống núi không thành, chàng trần trổ tiếng gọi theo Thầy. Cánh điều lộng gió hôm nào, có đẹp, có mêng mông, nhưng không dễ để mình bay cao. Bước chân Thầy đơn sơ nghèo khó mà sao quá đổi nặng nề đối với mình. Những vạt nắng về rồi đi, loãng thoãng trong hồn. Loãng thoãng cho thấy nỗi buồn loang lổ của một trái tim dang dở. Nó loãng thoãng nhưng đủ móng vuốt nhảy bổ vào chiếu dọi đây đó trong vùng sâu tâm tư những ngõ tối mà khi bắt đầu cuộc sống chứng nhân chàng mới hiểu nỗi đau.

Còn Đức Kitô, từ ngày đó, cánh điều là người học trò mà Ngài đang nương giây đẩy gió cho lên cao có lẽ sẽ bay mất. Nó đứt giây không phải vươn mình trên cõi đời mà là chao đảo rồi rơi sập.

Trong bản khoản, sáng kiến đã đưa đến lời nguyện cầu sáng tạo táo bạo. Ngài thầm nghĩ người học trò chỉ vì sợ vòng gai chạm vào da mặt mà không dám ôm Ngài, nên Đức Kitô quyết định xin Cha Ngài một đặc ân là tạm bỏ vòng gai trên đầu trong giây lát để có thể chúc bình an cho người học trò mà không làm nó miễn cưỡng chấp nhận. Đức Chúa Cha chấp nhận và rừng lá lại nôn nao chứng dám cho một cuộc lên đường hào hùng.

* * *

Nhè nhẹ như cánh lá vàng thu của một đời chiều hạnh phúc trong trái tim. Đức Kitô an tâm hơn, có niềm vui nhưng còn kín đáo đợi chờ. Cũng như lần trước, người học trò chuẩn bị hiến lễ tạ ơn rồi chờ đợi Thầy mình đến. Từ lúc

được Thầy báo tin giây phút chia tay, hình ảnh gai nhọn lại hiện về. Lần trước chia tay không thành. Mũi gai và vòng tay chúc bình an là một. Người học trò bị rịn mồ hôi cho một cuộc lên đường. Sau cùng Đức Kitô đã đến.

Trong là ngỡ ngác khó hiểu. Ngoài là ngạc nhiên buông xuống. Người học trò chăm chăm nhìn Đức Kitô xa lạ. Chàng chẳng thể nhận ra. Vòng gai và Đức Kitô không thể tách rời. Thiếu vòng gai Đức Kitô không còn là Đức Kitô nữa. Người học trò hỏi người khách lạ.

– Ông là ai?

Đức Kitô trả lời:

– Con không nhớ là Thầy hẹn ở đây để chúng ta có nghi thức chia tay sao?

Phân vân, người học trò nhìn lên mặt Đức Kitô rồi xác quyết:

– Không! Ông không phải là Thầy tôi. Nhưng ông là ai mà biết bí mật câu chuyện giữa tôi và Thầy tôi?

– Đã bao năm theo Thầy mà con không nhận ra giọng nói của Thầy sao?

Người học trò càng phân vân hơn nữa. Có lẽ là giọng nói đó chẳng, nhưng còn vòng gai đâu. Dấu hiệu của Thầy mình là vòng gai hay giọng nói?

Mẫu đối thoại tiếp tục. Theo dõi hai người nói chuyện mà mặt trời lại hội họp ngừng thở và nắng sợ hãi lo âu không biết những gì sắp xảy ra. Một bên nhận là Thầy. Một bên chối là không. Người học trò mỗi lúc mỗi liên tưởng đến vòng gai nhọn mà thấy khuôn mặt người khách lạ này khác Thầy mình quá. Khuôn mặt Đức Kitô không có vòng gai trông lạ lắm làm sao!

Rồi trời lại về những hoang mang. Rồi đất lại đi những ngập ngừng. Cuộc chia tay lần thứ hai không thành. Nắng đã lên cao trên đỉnh đồi. Nắng đổ xuống chói chang động vào tim người học trò những gầy gắt.

* * *

Bạn thân mến, Đức Kitô có hai khuôn mặt. Lúc Ngài lang thang ở biển hồ Galilê, lúc gọi các môn đệ theo mình, Ngài không có vòng gai trên đầu. Những

ngày theo Thầy học đạo, các môn đệ chỉ theo Thầy để học bằng lời.

Sau biến cố Golgotha, từ ngày Đức Kitô bị treo trên thập giá, khuôn mặt Ngài mang chứng tích tình yêu và cứu độ là vòng gai trên đầu. Theo Đức Kitô để học là theo 3 năm Đức Kitô dạy phải chết thế nào cho trọn lời Kinh thánh. Còn theo Đức Kitô làm chứng nhân là theo Đức Kitô sau biến cố tử nạn, là theo một khuôn mặt luôn luôn có vòng gai trên đầu. Từ ngày tử nạn thì tấm căn cước, chứng minh nhân dân của Ngài luôn luôn có vòng gai.

Hôm nay theo Đức Kitô là làm chứng nhân chứ không phải chỉ nói về Ngài. Bỏ vòng gai trên đầu Đức Kitô không còn là Đức Kitô nữa. Bỏ vòng gai trên đầu, Đức Kitô không vào phục sinh được. Vinh quang và đau thương là một. Không thể chỉ có một Đức Kitô rao giảng mà không có Đức Kitô bị đóng đinh. Không thể tách rời thập giá vòng gai và ơn cứu độ. Đức Kitô chỉ rao giảng mà không vào khổ nạn đấy không phải là Đức Kitô thật. Bởi đó, kẻ chỉ theo Đức Kitô cắt nghĩa Kinh Thánh mà không theo Đức Kitô vòng gai là một loại ngôn sứ giả hiệu.

* * *

Đã hai lần người học trò không xuống núi làm chứng nhân được. Bây giờ là lần thứ ba. Bạn có nghĩ lần này người học trò xuống núi được không. Khi biết rõ theo Thầy học Kinh Thánh thì khác mà theo Thầy làm nhân chứng thì khác. Khi biết rõ vòng gai và nụ hôn là một không thể tách rời. Khi biết rõ Thầy mình luôn luôn mang vòng gai, và theo Thầy bây giờ là theo khuôn mặt vòng gai ấy, người học trò sẽ từ bỏ lý tưởng làm con điều lộng gió hay sẽ tiếp tục.

Trở về câu hỏi riêng tư của lòng mình, lần thứ ba này là của riêng bạn, của riêng tôi. Biết rõ nghĩa trang là đường vào sự sống và thinh lặng là âm nhạc. Biết rõ làm chứng nhân là theo Đức Kitô có vòng gai. Biết rõ thập giá và phục sinh không thể tách rời. Chúng ta có theo Ngài không? Trong cõi tim mình tôi đi tìm

câu trả lời cho riêng tôi, bạn tìm câu trả lời cho riêng bạn, vì tiếng gọi là một lựa chọn tự do. Thôi chúng ta phải chia tay ở đây.

Còn lần thứ ba đã xảy ra những gì cho người học trò? Câu chuyện quá riêng tư, mà thế giới riêng tư thì chẳng phải của bạn, chẳng phải của tôi, cứ để cho người học trò đó thế giới của anh ta. Như thế chắc ta chẳng nên băn khoăn tìm hiểu lần thứ ba của người học trò làm gì.

BAO DUNG



Câu chuyện người con hoang đàng trong Tin Mừng Luca (Lc. 15: 11-32) nói đến trở về. Mùa chay là mùa xám hối. Đi tìm một khoảnh hồi tâm, ta hãy đọc lại đoạn Tin Mừng.

Người con hoang đàng

Từ xưa tôi vẫn nghĩ rằng hãy trở về như người con hoang đàng. Đứa con hoang đàng như một mẩu mực trở về. Khi thấy con về, người cha vui mừng quá làm tôi thấy sự trở về của người con như một hành động anh hùng. Đã bao năm tháng qua, tôi vẫn được nhắc nhở rằng hãy lên đường anh hùng, dứt khoát như người con ấy.

Đọc kỹ đoạn Tin Mừng, tôi thấy man mác đó đây một màu tím buồn. Một giải mây tím buồn rất xa. Ở một điểm nào đó, tôi thấy sự trở về của người con có làm cho cha vui, nhưng tôi vẫn không ra khỏi giải mây tím lặng lẽ. Trong sự trở về của người con hoang đàng tôi thấy có điều không ổn. Rồi chiều nay, mùa chay lại trở lại. Tôi muốn đọc lại đoạn Tin Mừng, chậm rãi hơn, lặng lẽ hơn để đi tìm cái không ổn của màu tím đó.

Sau khi người con ra đi, thánh Luca viết về quăng đời của nó như sau:

Khi nó tiêu sạch cả rồi, thì khắp miền đó, lại xảy ra nạn đói kém khủng khiếp và nó bắt đầu lâm phải túng thiếu. Nó đi sống bám một người dân trong vùng ấy; và

người này sai nó ra đồng chăn heo. Nó ước gì có thể lấy rau heo ăn mà thốn cho đầy bụng, mà cũng chẳng ai bố thí cho nó. Hồi tâm lại, nó nói: *Biết bao người làm công cho cha tôi có dư thừa bánh ăn, còn tôi thì phải chết đói ở đây! Thôi đây! tôi sẽ về cùng cha tôi, tôi sẽ nói với người: “Thưa cha, con đã trót phạm tội nghịch với Trời và trước mặt cha; con không còn đáng gọi là con cha nữa, xin cha xử với con như một người làm công của cha thôi”.*

Động lực nào khiến nó trở về? Thánh Luca viết rõ: *“Hồi tâm lại, nó nói: Biết bao người làm công cho cha tôi có dư thừa bánh ăn, còn tôi thì phải chết đói ở đây! Thôi đây, tôi sẽ về cùng cha tôi.”* Như vậy động lực khiến nó trở về chỉ vì đói. Trước khi bị đói, không bao giờ thấy nó nhớ đến cha, không thấy xám hối vì bỏ cha đi, không thấy băn khoăn hồi tâm về căn nhà cũ, nơi còn có cha chẳng biết già yếu ra sao, không thấy nuối tiếc vì phá tan cả sản nghiệp của cha. Sau khi bị đói nó mới băn khoăn tìm đường về. Cái tự nhủ, băn khoăn của nó là làm sao để được ăn. Nó dự tính nói với cha nó là nó trót phạm tội nghịch với trời, nó không còn đáng gọi là con, nó chỉ xin được đối xử như một người làm công. Trong tự nhủ này có một ngập ngừng không đơn giản. Tại sao nó muốn được đối xử như một người làm công? Người làm công có dư bánh ăn! Có phải, bây giờ muốn có bánh thì chỉ cần xin được làm người làm công? Tôi không muốn khắt khe xét đoán sự trở về của nó. Nhưng vẫn có một uẩn trong lối hành văn của thánh sử Luca. Ban đầu, vì đói nó mới về. Khi hồi tâm nó nghĩ đến miếng bánh của người làm công được ăn. Những ý tưởng này cho tôi nghĩ lời nói *“trót phạm tội nghịch đến Trời và trước mặt cha; con không còn đáng gọi là con cha nữa”*, mang một giá trị rất nhẹ của lòng xám hối.

Nếu nó được ăn rau của heo thì nó ngang hàng bằng heo. Nhưng trước mặt người ta, nó không được ăn rau của heo, nghĩa là nó không giá trị bằng heo. Cái hoang vu của màu tím ở đây là nếu nó được ăn rau của heo thì liệu nó có trở về không? Cái dẫn vật của một màu tím khó tìm được câu trả lời là tại sao phải đợi

đến khi ngay cả rau cho heo cũng không có ăn lúc bấy giờ mới về. Đó là cuộc lên đường về trọn vẹn sao? Đây là cuộc lên đường thúc đẩy từ lòng xám hối sao?

Mỗi mùa chay, nghĩ đến cuộc trở về trong Tin Mừng thánh Luca, tôi lại mơ ước một cuộc lên đường trọn vẹn. Tôi trở về trọn vẹn để xứng đáng lòng yêu thương của Chúa, hay chỉ có thể dựa vào lòng xót thương của Chúa mà tôi có thể trở về?

Thái độ của người cha

Khi nhớ thì mỗi chiều cách biệt là một quãng đời hoàng hôn xám tím. Làn rở lại những trang đầu của câu chuyện. Ta thấy thánh sử Luca vẽ chân dung người cha bằng một sắc màu rất đối chọi đưng.

Ngài còn nói: “Người kia có hai đứa con. Con thứ nói với cha: “Thưa cha, xin ban cho con phần gia sản thuộc về con!” Vậy người cha đã phân chia của cải cho chúng nó. Không mấy ngày sau, đứa con thứ thâm góp tất cả của cải mà trốn đi phương xa. Và ở đó nó sống trác táng phá tan cả sản nghiệp”.

Bắt đầu câu chuyện là đã thấy màu tím u uẩn như những giây đàn han rỉ. Nó như những giọt mưa buồn của một từ già nặng nề. Nó như những tiếng chuông trầm, cũng rất thông thả, rơi trong một chiều cô tịch, gõ vào lòng người cha, rất đìu hiu. Khi người con từ già, đi xa rồi, lòng người cha ở lại nghe những tiếng chuông ấy vọng về: *“Xin ban cho con phần gia sản thuộc về con!”*

Tôi không thấy màu tím buồn trong hồn người cha than vãn, nuối tiếc vì số sản nghiệp bị mang đi. Nhưng có một ray rút không buông thả trái tim người cha già tội nghiệp. Cha mẹ chia của cải cho con cái khi biết mình sắp chết. Con cái chia nhau sản nghiệp khi bố mẹ đã qua đời. Tài sản của cha mẹ, nên chỉ khi cha mẹ gọi con cái đến chia, con cái mới được nhận, không khi nào con cái được quyền đến đòi cha mẹ phải chia cho mình. Nhưng ở đây, người con không đợi nổi đến ngày cha mình chết. Nó mong sao ngày đó chóng đến. Nhưng bao giờ?

Thôi! cha cứ chia cho tôi trước đi, đợi cha chết lâu quá! Cha cứ chia đi rồi ngày nào cha chết tùy cha!

Người cha không nổi giận. Đưa cho con gói bạc mà thực ra nó chẳng có quyền đòi. Người cha không tiếc gia nghiệp, nhưng tiếc một tình nghĩa đang mất. Tiếng nói của người con: “*Xin ban cho con phần gia sản thuộc về con*” như những tiếng chuông báo tử của một linh hồn sắp lìa đời đang gõ xuống lòng người cha một sự thật đau đớn không thể chối từ. Người cha nhìn về chân trời để thấy hồn mình là một nỗi sầu tím. Người cha già giữ nỗi sầu tím ấy trong im lặng.

* * *

Lạy Chúa,

Bàn thờ đã giăng lên màu tím của mùa chay. Ngày ngày dâng lễ con thấy màu tím nhắc nhở con trở về. Con đã được dạy hãy lấy hình ảnh người con hoang đàng trở về làm mẫu mực. Đọc lại câu chuyện, con thấy sự trở về của nó không phải là một mẫu mực. Sự trở về lý tưởng phải là sự trở về đến từ hồi tâm của tình yêu tha thiết.

Con thấy động lực thúc đẩy người con thú trở về là miếng ăn. Một cuộc trở về man mác buồn. Nhưng, những tối một mình trong thinh lặng, rồi, những trang Lời Chúa nói với con bằng một ngôn ngữ rất sâu. Nếu cuộc trở về của nó mà trọn vẹn đến từ nước mắt thì câu chuyện thánh sử Luca trình bày sẽ đẹp lắm, sẽ uy hùng lắm. Câu chuyện trở nên thiên anh hùng ca, nhưng sẽ là thách đố sợ hãi cho con.

*Nhìn lại những cuộc lên đường về của con, con thấy cũng giống vậy. Con lên đường về cũng vì miếng ăn. “*Khi tình yêu con còn mơ, tin yêu con dẹt thơ thì tình Chúa hững hờ.*” Con trở về khi cuộc đời dầm bập con. Nếu người cha chỉ hân hoan đón đứa con hoang đàng khi nó về với lòng xám hối ăn năn tận đáy lòng thì chắc Chúa ít có cơ hội đón con lắm. Con trở về vì con muốn thiên đàng. Con trở về vì con sợ hỏa ngục. Con trở về vì đời hắt hủi. Sự trở về của con vẫn đến từ nỗi sợ, từ sự thèm muốn, từ một cùng đường.*

Cuộc trở về của đứa con hoang đàng trong Tin Mừng Luca không là mẫu mực lên đường về như một gương xám hối, mà con thấy là cuộc trở về dựa vào tình yêu của Chúa.

Làm sao định nghĩa được tình yêu. Người ta nói như thế. Người ta bảo không định nghĩa được tình yêu vì tình yêu phức tạp quá. Con không nghĩ vậy. Tình yêu khó hiểu không phải vì phức tạp mà vì nó quá sâu để hiểu. Khi tình yêu phức tạp là người ta đang đầy đọa tình yêu mất rồi. Chỉ vì miếng ăn người con mới trở về mà cũng làm cho người cha quá đổi vui mừng. Lòng xót thương của Chúa, con không hiểu được. Con không hiểu được chẳng phải tình yêu phức tạp mà vì tình yêu quá sâu.

Con không thấy người cha hỏi đến gia nghiệp nó mang đi. Con không thấy người cha thắc mắc bất cứ điều gì để làm cho tình yêu ra phức tạp. Con không thấy người cha hỏi lý do nào nó trở về. Con chỉ thấy người cha thương con của mình. Lạy Chúa, con chỉ trở về được vì dựa lòng thương xót quá bao dung của Chúa. Con sẽ chẳng bao giờ xám hối trọn vẹn được đâu, và như thế, bao giờ con về được nếu Chúa hỏi con bằng những câu hỏi phức tạp của một tình yêu phức tạp. Nhìn vào tình thương của Chúa con chỉ thấy một chiều sâu. Quá sâu. Dựa vào đó, lạy Chúa, con xin về.

BÓNG MÁT



Bóng mát cần thiết để dừng nghỉ. Thiếu bóng mát cuộc hành trình sẽ mệt lả. Vì bóng mát chỉ để dừng nghỉ, nên nếu ngày nào bóng mát giữ chân tôi lại không muốn tôi lên đường thì lúc đó bóng mát trở thành đánh lừa tôi. Thiếu bóng mát cuộc hành trình sẽ mệt nên tôi cần bóng mát. Trong cái cần bóng mát ấy, dễ đưa tôi đến chỗ ôm giữ bóng mát như một buổi tiệc không muốn rời bỏ.

Có những bóng mát của một ngày hành trình dài trên đường đi bộ. Nhất là, khi mồ hôi đọng vào những sợi nắng chẻ tóc. Nhất là, khi gặp một trời hạ hực nắng và gió không hiền hòa. Lúc đó, tôi cần một bóng mát làm sao!

Dù là bóng mát của một quán trọ hay bóng mát của một tàng cây, bóng mát vẫn chỉ là **"bóng"** chứ không phải là **"thực"**. Vì là bóng, nên bóng mát không thể là nơi tôi nương trú. Tôi chỉ dừng chân rồi đi. Cái nguy hiểm của bóng mát là có thể làm chậm trễ hành trình tôi đi tới, có thể đánh mất đường về của tôi.

Từ bóng mát trên đường đi dẫn tôi đến *"bóng mát cuộc đời"*.

Bóng mát cuộc đời.

Có nhiều thứ bóng mát trong cuộc đời. Một ngày nào đó với lo âu trĩu nặng, rồi có một tình thân đến chia sẻ. Một ngày nào đó bơ vơ, rồi có một tâm hồn đến cho nương tựa. Đấy đều là những bóng mát. Trong lúc cơ cực, một tấm lòng

rộng lượng đến nâng đỡ. Những bóng mát như vậy cần thiết biết bao. Trong đời ai cũng cần những bóng mát như thế. Cuộc sống không giản dị êm đềm, có những quãng vắng lặng lẽ, có những khúc đi gian nan, để rồi cuộc sống cần những bóng mát cuộc đời.

Trong những bóng mát cuộc đời ấy có những bóng mát nguy hiểm, bóng mát lừa dối. Giữa những bóng mát cần thiết có những bóng mát bất chính. Người ta lẫn lộn những bóng mát ấy với nhau. Vì đặc tính của bóng mát là cho người ta “chất mát”. Đam mê và tội lỗi cũng là một thứ bóng mát. Nhiều khi tội lỗi và đam mê càng cho người ta nhiều “chất mát” hơn.

Thí dụ trong hôn nhân, thí dụ trong đời tu, vì một lúc yếu lòng, vào một mùa thu ảm đạm. Rồi, ở một nơi nào đó trong tâm hồn mình, thấy băng khuâng gọi nhớ, thấy man mác một nỗi sầu trống vắng thiếu thốn. Người ta dễ đi tìm “bóng mát cuộc đời” bằng lối chung thủy.

Đời là con đường dài. Những lúc chớm sáng bình minh, người ta hăng hái lên đường, nhưng vào trưa oi bức, người ta muốn dừng nghỉ. Những ngày hạnh phúc êm ả người ta không cần bóng mát cuộc đời. Những ngày chán nản, bơ vơ, người ta không muốn lên đường, lúc ấy, những quán hạnh phúc bên đường dễ cám dỗ mời mọc làm sao.

Bóng mát và người chẵn chiên.

Người chẵn chiên nhìn về cuối chân trời. Năng vẫn hanh, nhưng trong lòng người chẵn chiên, chiều đang đổ xuống rất mau. Đường vẫn còn dài. Người chẵn chiên nhủ lòng: Phải ra khỏi cánh rừng khi chiều về!

Chúa Kitô cũng vậy, thời gian đối với Ngài là mùa màng cứu rỗi. Ngài nhìn cuộc sống của tôi với chiều đi mà nôn nao, hỏi hã: *“Bao lâu còn sáng ngày, Ta phải làm việc của Đấng đã sai Ta. Đêm tối đến không ai còn làm việc được nữa”* (Jn. 11:10).

Người chăn chiên tính toán kỹ lưỡng. Trời còn hanh nắng đó, nhưng phải lên đường cho kịp tránh hoàng hôn. Bầy chiên nào có biết, chúng chỉ thích an nghỉ dưới tàng cây rợp bóng. Cái êm dịu của bóng mát làm chúng ngại lên đường. Chúng muốn thiu thiu ngủ hơn ra đi. Chiều cứ xuống, chậm chậm không lời báo động. *“Trong những ngày trước đại hồng thủy, người ta ăn uống, lấy vợ lấy chồng cho đến ngày ông Noe vào tàu. Và lúc chẳng ai để ý gì, thì lụt đến và cuốn trôi đi tất cả”* (Mt. 24: 38-39). Khi giấc ngủ vừa tỉnh, muốn lên đường thì đã muộn. Hoàng hôn xuống mà chưa ra khỏi cánh rừng là bóng tối bủa vây, là nguy hiểm rình chờ, sói rừng sẽ xuất hiện. Những bóng mát ấy là côi chết rất êm. Những bóng mát đánh lừa.

Người chăn chiên lành nghề thì biết khúc đường còn bao lâu, quãng dài cần thiết bao nhiêu thời giờ để ra khỏi cánh rừng. Cho dù trời có nắng, mồ hôi có chảy, người chăn chiên vẫn cứ hối hả thúc chiên lên đường, không cho nó nằm nghỉ dưới bóng mát tàng cây. Nỗi tâm tư của người chăn là chiên chẳng hiểu mình. Chúng trách cứ, oán than. Trong bóng mát ấy, bầy chiên than thở, tại sao một chút hạnh phúc mà Ngài cũng lấy đi. Bao lần trong đời, con người đã nhìn hình ảnh người chăn chiên như kẻ khó tính, không cảm thông. Một chút hạnh phúc mà Ngài cũng không cho. Một chút an ủi mà Ngài ngăn cấm. Người chăn chiên biết cái rình mò của bóng đêm. Nhìn đường còn xa mà lo âu thương bầy chiên, nếu trời đổ tối mà chưa ra khỏi cánh rừng thì sao. Sói đến. Chết chóc. Đổ vỡ. Dù chiên muốn hay không, người chăn chiên vẫn nhủ lòng: Nhất định phải bắt chúng lên đường!

Chúa Kitô cũng thế. Ngài thấy những “bóng mát cuộc đời” giả tạo của tôi mà lo âu. Ngài biết bóng mát ấy đang đánh lừa tôi. Bóng mát ấy có thể là tình cảm bất chính, là tiền bạc tôi không rõ ràng trong khi có trách nhiệm cầm giữ. Bóng mát ấy có thể là quyền hành tôi được trao phó, nhưng mà để thoả mãn hơn là

phục vụ. Bóng mát ấy cũng có thể là giấc ngủ dài vì ngại ngừng khi thấy hành trình xám hối đòi nhiều cố gắng. Bóng mát ấy có thể là một thứ đam mê.

Những thứ bóng mát này có nhiều tên gọi khác nhau, nhưng cùng một địa chỉ là lừa gạt tôi.

Khi nói về bóng mát (shadow), cả bốn Phúc Âm chỉ nói đến 2 lần. Và cả hai lần tiếng bóng mát đều liên quan đến sự chết. Lần thứ 1 trong Matthêu: *“Kẻ ngồi trong bóng tối sự chết”* (Mt. 4: 16). Lần thứ 2 trong Luca: *“Kẻ ngồi trong tối tìm bóng chết”* (Lc. 1: 79).

Trong khi những lời giảng dạy, nhiều biến cố quan trọng giữa Chúa và con người hầu hết đều xảy ra trên đường đi đổ nắng chứ không ở trong bóng mát. Thí dụ:

Trên đường đi Ngài hỏi họ: Người ta nói Thầy là ai? Và Phêrô tuyên tín Thầy là Đức Kitô (Mt. 8: 27-27).

Khi bắt đầu lên đường. Một người đến hỏi: Thưa Thầy tôi phải làm gì để được sự sống đời đời (Mt. 10: 17).

Dọc đường lên Jerusalem, Ngài nói: Con Người sẽ bị nộp trong tay người đời, các ký lục và thượng tế... (Mc. 10: 32-34).

Trên đường đi, họ bắt ông Simon vác thánh giá đỡ cho Đức Kitô (Lc. 23: 26).

Trên đường đi đến một làng nọ. Mười người phong cùi đến gặp Ngài (Lc. 17: 11).

Cuộc gặp gỡ sau biến cố Phục sinh cũng xảy ra trên đường Emmaus. Hai ông kể lại chuyện xảy ra khi các ông đi đường và các ông đã nhận ra Chúa lúc Ngài bẻ bánh (Lc. 24: 35).

Giakêu gặp Chúa cũng là gặp trong lúc đi đường (Lc. 19: 4).

Khi người chăn chiên dùng gậy đánh để bày chiên khỏi ươn lười ngủ vùi trong bóng mát, cũng là lúc, để thức tỉnh tôi, Chúa trao cho tôi *“chút bánh đau thương và ít nước khôn cùng. Nhưng Đấng dạy dỗ tôi sẽ không bao giờ rời bỏ tôi. Khi*

chân tôi xiêu bên phải, vẹo bên trái, chính tai tôi nghe tiếng từ đằng sau phán: Đây là đường hãy đi theo đó” (Isaia 30: 18-21). Chúa biết ngày nào tôi còn nằm trong “bóng mát” giả tạo ấy, tôi chỉ ôm mơ một bóng hình hạnh phúc ảo ảnh. Những êm đềm ấy chỉ lừa dối tôi thôi.

Bóng cây mát ven đường đánh lừa bày chiên để đêm tối ập xuống thế nào thì “bóng mát cuộc đời” đam mê cũng đánh lừa tôi để tôi mất mùa ơn sủng như thế.

* * *

Lạy Chúa,

Bao lần tâm tư Chúa buồn phiền khi thấy con dại dột nằm ẩn mình trong bóng mát. Những cảm xúc ngọt ngào của bóng mát chỉ cho con hạnh phúc giả mà thôi. Nó cản đường con về đồng cỏ quê trời. Nó làm chậm chân con ra khỏi cánh rừng nguy hiểm cho linh hồn. Những ngày con sống như thế, Chúa thấy thời gian đổ vỡ đã gần kề mà con vẫn ngủ, thì con xin Chúa, như người chăn chiên tốt lành, hãy dùng gậy mà đánh, mà lừa chiên ra khỏi bóng mát.

Xin cho con nhớ lời thánh Phaolô nhắn gửi: “Hỡi con chớ khinh chê lời sửa phạt của Chúa, chớ ngã lòng khi Chúa trách mắng con. Vì Chúa sửa trị kẻ Chúa yêu và đánh phạt kẻ Chúa nhận làm con. Chúa dùng đau khổ để dạy anh chị em. Thiên Chúa đối xử với anh chị em như đối xử với con cái. Có con nào mà cha không phải sửa phạt ư? Nếu anh chị em không nhận lời răn dạy như mọi người, anh chị em là con ngoại tình chứ không phải con thật nữa. Đàng khác cha phân xác sửa dạy ta mà ta còn tôn kính, phương chi ta càng phải vâng phục cha phần hồn là Đấng ban sự sống cho ta. Cha phân xác sửa trị ta theo ý riêng mình và vì lợi ích tạm thời, còn cha phần hồn thì vì lợi ích thực sự là để ta được thông phần vào sự thánh thiện của cha. Thật vậy, mọi sự sửa phạt lúc đầu chỉ gây buồn tủi, chẳng có đem lại an ủi đâu, song về sau, những kẻ vui lòng chịu thử thách như vậy, sẽ được sự bằng an và sự công chính làm phần thưởng (Hepri 12: 4-11).

SA MẠC



Này Ta sai sứ ta đi trước mặt người kẻ sẽ dọn đường cho người. Tiếng của người hô trong sa mạc: Hãy dọn đường Chúa, hãy bạt lối Người đi. (Mc. 1: 2-3)

Mácô bắt đầu Tin Mừng bằng hình ảnh tiếng kêu với sa mạc. Nếu kêu thì phải kêu ai chứ, mà kêu ai thì sao lại kêu trong sa mạc, vắng như vậy có ai đâu mà kêu. Nếu lên tiếng thì phải lên tiếng ở chỗ đông người chứ. Nhưng Yoan lại lên tiếng trong cõi tịch liêu lạnh lẽ.

Lên tiếng gọi đời

“*Hãy dọn đường cho Chúa đi!*” Đó có là tiếng gọi của Yoan gửi vào cuộc đời? Đó có là tiếng gọi của Yoan truyền đến người nghe? Nói đến gọi là gọi ai. Người ta chỉ truyền đi khi có đối tượng nhận. Ở đây, tôi thấy chung quanh là sa mạc, chỉ có đất với trời, có mây và gió. Mây bay đi, gió không dừng lại, vậy Yoan gọi ai?

“*Hãy dọn đường cho Chúa đi!*” Nếu tiếng kêu ấy chỉ là tiếng kêu Yoan gọi đời thì tôi hiểu thế nào về Nước Trời trong đời sống của tôi. Trong đời, có những quãng trống không ai song hành với tôi. Có những quãng vắng tôi không gặp ai. Có phải vì không có người nghe mà tôi không cất tiếng gọi ấy lên? Nếu tiếng kêu trong sa mạc của Yoan chỉ là tiếng ông gọi người, thì khi không có người, ông không có động lực để cất tiếng kêu. Tin Mừng Mácô cũng nói về Nước Trời “*như người kia gieo giống xuống đất, dù người ấy ngủ hay thức, ban đêm hay ban*

ngày, hạt giống cứ nảy mầm lớn lên mà người ấy không biết” (Mc. 4: 26-27). Như thế, lời công bố Nước Trời không tùy thuộc vào có mặt của người nghe. Ngay cả khi tôi im lặng thì Nước Trời cũng cứ âm thầm lớn lên. Như vậy, tiếng kêu trong sa mạc là tiếng kêu của ai gọi cho ai?

Tiếng gọi lòng mình.

Mùa vọng khởi đầu bằng lời ngôn sứ trong hoang địa: *“Hãy dọn đường cho Chúa đi! Hãy bạt lối cho Chúa đi!”* Tôi nghe như tiếng kêu ấy vang lên rất lẻ loi. Trong sa mạc tịch liêu, tiếng ấy vang lên, vang lên, cứ một mình. Giữa cái hoang vu của đất trời, Yoan mình trần trong manh áo da thú, đầu tóc bụi mù đất rừng. Ông ngửa cổ nhìn trời mênh mông cất tiếng: *“Hãy dọn đường cho Chúa đi!”* Ông nói với ai giữa đất trời hoang vu ấy. Cái dáng ông lẻ loi như quay cuồng với lời vọng của mình. Giữa đất trời ấy, ông đã nghe thấy tiếng lòng ông thúc bảo.

Yoan không giữ tiếng lòng ấy trong thinh lặng. Ông không chờ tiếng lòng ấy khi đến dòng sông Jordan rồi mới cất tiếng. Ông không để dành tiếng lòng ấy khi thấy có kẻ lắng nghe rồi mới nói ra lời. Trong hoang vu lạnh lùng, ông cất tiếng. Trong sa mạc đìu hiu, ông nói lên lời. Như vậy, trong lẻ loi với bóng, ông nói với chính mình: *“Hãy dọn đường cho Chúa đi!”*

“Hãy dọn đường cho Chúa đi!” Tiếng hô ấy Yoan đã hô to cho lòng của chính ông. Ông đứng lại cơn lốc của âm vang ấy cho chính ông. Rồi từ âm vọng đó ông đến bờ sông Jordan cho âm vang ấy xuôi dòng thế kỷ chảy vào thế giới, đến ngày hôm nay. Tiếng gọi đời của Yoan chỉ là nối dài tiếng gọi cho lòng mình. Nghĩa là nếu không có người nghe thì tiếng gọi ấy vẫn đi vào không gian.

Chỉ trong sa mạc tiếng vọng mới âm vang cho cõi lòng. Hễ nói trong hoang vu không bóng người là nói với mình thôi. Khi có người tôi mới nói là để nói cho người chứ không phải cho tôi, vì mục đích chỉ để nói cho người cho nên chưa chắc điều tôi nói đã là niềm thao thức trong tôi. Khi không có ai mà tôi vẫn nói,

khi tôi nói cho chính mình nghe, điều tôi nói đó mới là bản khoán tự tình. Trong sa mạc chỉ có bóng, nhưng Yoan đã nói với bóng của mình: “*Hãy dọn đường cho Chúa đi!*” Tiếng mời gọi dọn đường cho Chúa phải là tiếng lòng mình trước đã. Tiếng ấy chỉ trở nên si mê khi hình bản khoán với bóng, và bóng khắc khoải với hình.

* * *

Khi thấy con người được tạo dựng, các thần dữ đã ghen tức với con người. Sợ rằng con người biết đâu cũng lại là một vị thần, họ bàn tính phải hành động sao đây. Vì không muốn có thêm vị thần nào khác nữa, các thần dữ gian ác này quá đổi bản khoán về con người mới được tạo dựng. Lúc đó con người chỉ là pho tượng đất sét còn ẩm ướt, đang chờ thành hình. Các thần gian manh đề nghị với nhau là pho tượng đất đang còn mềm, chúng ta hãy ngắt đầu con người rồi giấu đi, để rồi mai sau con người sẽ mãi mãi bận tâm đi tìm cái đầu của nó. Một số thần được sai đi, và quả thật, tượng đất sét còn mềm, họ đã ngắt đứt được đầu con người đem về, nhưng vấn đề nan giải là giấu cái đầu đó ở đâu bây giờ. Con người cứ đi tìm mãi, rồi cũng có lúc nó tìm ra.

Trong lúc tất cả bối rối về cái đầu, một vị thần già quý quyết nhất thủng thảng bước ra an ủi các thần khác rằng đừng sợ. Vị thần phù thủy này nhặt cái đầu lúc đó là một cục ánh sáng xanh nhợt nhạt đang run rẩy. Lão thần già rục mắt hung đỏ quý quyết, trong nháy mắt đập đầu con người xuống nền đá. Chiếc đầu con người vụt biến mất, để lại ngơ ngác cho lũ thần đang bối rối.

Lão thần già gian ác cất tiếng cười man rợ nói với lũ thần trẻ còn khờ khạo. Các người giấu ở đâu rồi con người cũng tìm ra đầu của nó. Nó sẽ lục lọi khắp cả vũ trụ này. Tuy có chỗ nó chẳng để ý, nó sẽ không tìm đâu là chính con người của nó. Ta đã giấu cái đầu của nó trong chính nó! (Theo Rudyard Kipling)

* * *

Lạy Chúa,

Hàng năm, cứ khi gió se se lạnh đem Mùa Vọng tới, tiếng kêu trong hoang địa của Yoan lại đưa con về một nhắc nhở. Con cần những khoảnh khắc sa mạc để âm vang khi con gọi đời là gọi chính lòng mình đó thôi: “Hãy dọn đường cho Chúa đi!” Khi con gọi người dọn đường cho Chúa mà thôi thì khi không có người con sẽ không gọi, mà con không lên tiếng gọi thì con mất ơn gọi làm ngôn sứ. Khi con gọi người thì âm vang của con ra đi mà không về với con. Con cần những sa mạc thinh lặng, để khi con cất tiếng gọi thì tiếng gọi ấy vọng về với con ngay. Trong hoang vu một mình, Yoan an cứ ngẩng đầu gọi để ông nghe tiếng lòng ấy, để dù nếu không gặp ai, không ai gặp, ông vẫn mãi mãi là sứ ngôn. Hình ảnh đẹp của Yoan là ông không để mình nhiễm lạnh cái hoang vu độc thoại.

Con những tưởng rằng con cần đối thoại với đời, phải lên tiếng gọi đời, nhưng, lạy Chúa, con cần độc thoại biết bao về tiếng gọi ấy: “Hãy dọn đường cho Chúa đi!”. Nếu con không độc thoại tiếng gọi này với lòng mình thì con cũng chẳng thể có đối thoại với đời về tiếng gọi đó.

TÌM NHAU



Ngài vào và đi tắt ngang qua Jêricô. Và này, có người tên gọi Giakêu, ông trưởng ty quan thuế, và là người giàu có. Ông tìm cách để coi cho biết Đức Kitô là ai, nhưng bởi có đám đông nên không thể được, vì ông vóc dáng thì thấp bé. Vậy ông chạy đón đằng trước, trèo lên một cây sung để thấy được Ngài, vì Ngài sắp ngang qua đó. Khi Ngài vừa đến chỗ ấy, Đức Yêsu ngẩng lên nhìn và nói cùng ông: *Giakêu, xuống mau, vì hôm nay Ta phải lưu lại nhà người*". Ông vội vàng xuống và mừng rỡ đón tiếp Người. Mọi người thấy vậy thì kêu trách rằng: *"Ông ấy vào ngụ nhà một người tội lỗi!"* Đứng lại, Giakêu thưa cùng Chúa: *"Này, nửa phần của cải tôi, thưa Ngài, tôi xin bố thí cho kẻ khó, và nếu tôi đã gian lận gì của ai, tôi xin đền lại gấp bốn"*. Đức Yêsu nói cùng ông: *"Hôm nay ơn cứu độ đã đến cho nhà này, bởi chưng người này cũng là con của Abraham, vì Con Người đến để tìm cứu sự hư đi"* (Lc. 19: 1-10).

* * *

Cả đám đông tuôn đến, tại sao Đức Kitô lại để ý có mình Giakêu? Làm gì mà Giakêu phải vất vả tìm Đức Kitô? Sự kiện hai người muốn gặp nhau có thể gợi ý để ta đặt vấn đề và tìm hiểu về cuộc tìm nhau này.

Con người Giakêu

Luca nói một điểm quan trọng về thân thế của Giakêu. Ông ta không phải là người đi thu thuế mà là "thủ lãnh" những người thu thuế. Jêricô bấy giờ là hải

cảng. Thu thuế ở nơi xuất nhập cảng phồn thịnh phải là một tay có thể lực. Chức vụ lớn này do người Roma bán đấu giá cho những tay có nhiều tiền, trả cao. Kẻ thu thuế phải nộp đủ thuế. Roma cho họ quyền tìm mọi phương tiện, dù là siêu cao thuế nặng trên cuộc sống của dân. Dựa vào quyền của ngoại xâm, lại được tự do đánh thuế, họ có thể làm giàu một cách vô lương tâm. Trước mặt người Do Thái, người ta ghê tởm và miệt thị hạng người thu thuế. Giakêu bị liệt vào *“những người tội lỗi, và gái điếm”* (Mt. 11:19; 21:31).

Trong nghề nghiệp đó, bạn bè của ông chắc là những người thu thuế, các sĩ quan Roma. Vậy, tại sao ông lại vất vả chen lấn với đám đông để mong gặp một người tên là Yêsu kẻ hoàn toàn khác địa vị xã hội với ông. Động lực nào thúc đẩy ông đi tìm Đức Yêsu?

Người Do Thái thời Chúa Yêsu quan niệm rằng tội nguyên là kết quả của tội lỗi. Thí dụ, kẻ mắc bệnh cùi bị loại xa khỏi cộng đoàn. Ai chạm vào những người này đều ra như bẩn. Chúa Yêsu đã chuyện trò, giao tiếp với họ, nên đã ra như bẩn. Chúa Yêsu đã tiếp xúc với ngay cả những người bị thần ô uế ám. Vậy, tại sao Giakêu lại dám đón Chúa vào nhà mà không sợ gia đình phê bình chỉ trích, không sợ sẽ ra như bẩn khi tiếp xúc với Chúa?

Thu thuế là người tội lỗi. Kẻ đạo đức không bao giờ chấp nhận ngồi chung bàn. Bị dân chúng thù ghét, điều đó có nghĩa ông có thể bị nguy hiểm đến tính mạng khi đối diện với quần chúng giữa đám đông. Điều ấy cho thấy ông đã phải liều, và bỏ ra ngoài mọi phê bình. Để gặp Đức Kitô, người ta phải trả một giá nào đó. Gặp gỡ Đức Kitô bao giờ cũng là một thách đố. Theo Ngài luôn luôn hàm ý một cuộc thay đổi đi ngược quan niệm đương thời.

“Này nửa phần của cải tôi, thưa Ngài, tôi xin bố thí cho kẻ khó, và nếu tôi đã gian lận gì của ai, tôi xin đền lại gấp bốn” (19: 8). Trong các sách Lêvi (5: 20-26), Xuất Hành (21: 37), Dân Số (5: 6f.) đều nói đến phải trả lại, đền bù cho người nghèo, người bị thiệt hại một số của cải. Đó là luật trong Cựu Ước. Khi gặp Chúa, ông

trình bày ngay. Việc ông trình bày ngay vấn đề cho thấy ông đã nghiên cứu Kinh Thánh, biết các lề luật đó. Như vậy, có phải hồn ông đã có một thao thức?

Giakêu đã trình bày lòng sám hối với Chúa Kitô ngay dưới gốc cây chứ không phải ở nhà riêng của ông. Làm vậy, nhiều người nghe thấy. Tại sao không về nhà, nói chuyện kín đáo, đây đâu có phải là chuyện tốt của đời ông để nói giữa đám đông?

Phúc Âm kể tiếp: *“Ông tìm cách để nhìn xem Chúa Yêsu là người như thế nào, nhưng không thể được vì người ta đông quá”* (Lc. 19: 3). Đám đông đã là nguyên nhân nghẽn trở. Trong cuộc sống Kitô hữu, nhiều bước đời đã chìm vào bóng đêm, lạc lối ánh sáng vì cuộc sống trần tục của đám đông đã cản họ đường về với chính lộ. Đám đông này đã kết án Chúa khi biết Ngài lưu nghỉ ở nhà của Giakêu. Mọi người kêu trách rằng: *“Ông ấy vào ngụ nhờ một người tội lỗi”* (Lc. 19: 7). Như thế, đám đông chẳng những cản đường Giakêu gặp Chúa mà còn cản lối Chúa gặp Giakêu. Đó là sức mạnh của dư luận, của trào lưu.

Biết mình nhỏ bé không chen vào đám đông được. *“Vậy ông chạy đón đằng trước, trèo lên một cây sung để thấy được Ngài, vì biết Ngài sắp đi ngang đó”* (Lc. 19: 4). Sự thôi thúc đến từ một ước vọng bao giờ cũng có sáng kiến. Có những sáng kiến nhẹ nhàng, êm ái. Nhưng cũng không thiếu những sáng kiến phải chấp nhận nặng nề đau đớn như sáng kiến yêu bằng tình thập giá.

* * *

Phải chăng trong cuộc sống dư giả vật chất, bận rộn với công việc làm ăn, ông vẫn thấy lòng trĩu nặng ưu tư. Một mảnh đời lẻ loi nào đó vẫn lạc lõng. Rồi trong đêm thanh lặng, lần rở vài trang Cựu Ước, tiếng lòng hồi sinh, gọi ông trả lại của cải thế trần cho trần thế. Trả lại ngay thẳng cho lương tâm. Hồn ông như có một thao thức thầm kín, có bản khoản và chờ đợi, đã mong. Điểm mang nhiều ý nghĩa là cuộc gặp gỡ này xảy ra ngay trước khi Đức Kitô vào Jêrusalem.

Ngài sắp chết. Điều ấy có nghĩa rằng nếu không gặp được lần này, có lẽ Giakêu sẽ chẳng bao giờ gặp được Đức Kitô nữa. Vì thế, ông nhất định đi tìm Ngài.

Thái độ của Chúa

Vì sự kiện Giakêu gặp Chúa xảy ra ngay sau khi Chúa chữa người mù, trước khi vào thành Jêrusalem chịu tử nạn. Để tìm hiểu con người Đức Kitô trong thái độ đi tìm nhân loại, mà điển hình là Giakêu, ta hãy liên kết hai câu chuyện trong một cái nhìn so sánh để thấy cả hai khung cảnh đều có những liên quan ý nghĩa mật thiết. Những tương quan giống nhau thật thú vị của những cuộc tìm nhau.

Người mù (Lc. 18: 35-43) Giakêu (Lc. 19: 1-10)

Ngài đến gần Yêricô Ngài đi tắt ngang Yêricô

Có người mù ăn xin ở vệ đường Có người thu thuế tên Giakêu.

Hắn hỏi xem có chuyện gì thế Ông tìm cách để biết Đức Yêsu là ai.

Đám đông quát bảo hắn im đi Vì đám đông, ông không tới được.

Hỡi con vua Đavit, thương xót tôi Leo lên một cây chò Chúa đi qua.

Đức Kitô dừng lại Đức Kitô nhìn lên.

Ngài truyền cho dẫn hắn lại Ngài truyền cho ông xuống.

Lòng tin của người đã cứu người Ổn cứu độ đã đến cho nhà này.

Hắn thấy được và đi theo Ngài Nửa phần của cái, tôi xin bố thí cho người nghèo. Nếu tôi gian lận, tôi xin đền gấp bốn.

Người mù gặp Đức Kitô trước. Tiếp liền là Giakêu. Cả hai trường hợp đều xảy ra ở cổng thành Yêricô. Nghĩa là Chúa sắp tới Jêrusalem để nhận thánh giá. Hai biến cố đều là những cơ hội sau cùng.

Cả hai trường hợp đều có đám đông. Nhưng đặc biệt, hai người nhận được ơn cứu rỗi là người đến từ đám đông, chứ không thuộc về đám đông.

Trong cái đám đông rừng người ấy, Đức Kitô như vẫn lạc lõng. Cung đàn chưa bắt được độ rung. Trong cái đám đông rừng người ấy, có hai vì sao lạc:

Người mù ngồi bên vệ đường, và kẻ thu thuế nấu trên cây.

Cả hai trường hợp, đám đông đều là nguyên nhân cản trở. Người mù bị đám đông quát bảo: Im đi! Giakêu bị đám đông thù ghét.

Cả hai can đảm như nhau, người mù cứ la lên: Hỡi con vua Đavít, xin thương xót tôi. Còn Giakêu thì liều mạng đi gặp Ngài. Với hai cái liều mạng ấy, xãy cái liều mạng thứ ba: Liều mạng của Đức Kitô.

Mọi người kêu trách: *“Ông ấy vào ngục tại nhà một người tội lỗi”* (Lc. 19: 7). Một thân phận mù lòa, một kẻ thu thuế, một người bị kết án giao tiếp với hạng tội lỗi. Cả ba tâm hồn, họ bỏ lại đám đông, thản nhiên đi tìm nhau. Đây là hình ảnh của Nước Trời. Nước Trời như một cơn bão lốc, xoáy lên, làm ngỡ ngác con người vì đi ngược lại dòng đời. Nét đẹp của Đức Kitô là bất chấp cuộc đời dị nghị. Ngài trung thành với ơn gọi từ thuở ban đầu: *“Ta sẽ tìm kiếm chiên của Ta, và Ta sẽ chăm nom chúng. Như người mục tử chăm nom đàn chiên của mình vào ngày nó ở giữa phiêu bạt thế nào, cũng vậy, Ta sẽ chăm nom chiên Ta. Ta sẽ kéo chúng ra khỏi chỗ chúng tán loạn, và ngày mây mù đen tối”* (Ezek. 34: 11-12).

* * *

Lạy Chúa,

Lời nguyện của con hôm nay là xin nhìn rõ cái liều mạng của Chúa dám đi ngược lại lời kết án của đám đông. Đối với Chúa, không có gì cản được lòng xót thương của Chúa. Chỉ có lòng ước ao gặp Chúa thôi, mà Chúa dám bỏ tất cả để tìm gặp con. Con muốn hiểu lời diễn tả về Chúa trong thư thánh Phaolô gửi cho Timôthê:

“Đức Kitô đã đến trong thế gian để cứu các kẻ tội lỗi, mà trong số đó, tôi là người thứ nhất” (1 Tim. 1: 15).

MẸ THIÊN CHÚA



Anh Chị em thân mến,
Khi xa nhau, chúng ta hay đem hình của nhau ra xem. Cái truyền thống ở trại tỵ nạn là mỗi dịp lễ, ai cũng muốn chụp vài “pô” hình, gọi là để kỷ niệm. Chúng ta chụp hình gửi cho mẹ cha, cho bạn bè, cho người yêu. Hôm nay, mừng kính lễ Mẹ Thiên Chúa, tôi sẽ không giảng, tôi muốn chúng ta cùng trở lại những tấm hình Mẹ Maria đã chụp năm xưa để chúng ta nhìn về những ngày ấy, khuôn mặt Mẹ thế nào.

Mẹ Maria có nhiều danh hiệu. Từ trong âm nhạc, thi hứng, văn chương, Mẹ được xưng tụng là bình minh. Mẹ như sao mai rạng. Mẹ như chính cửa thiên đàng. Danh hiệu nào của Mẹ cũng đẹp. Trong các danh hiệu của Mẹ, có một danh hiệu mà chúng ta mừng lễ hôm nay: Mẹ Thiên Chúa.

Với cảm hứng từ văn chương đã được kén chọn từ ý nghĩa sâu sắc của thần học, Mẹ có quá nhiều tên gọi. Tên của Mẹ như một vườn hoa màu nhiệm rực rỡ các loại hoa. Giữa những lung linh rực rỡ ấy, tên gọi Mẹ Thiên Chúa, đối với tôi, là tên gọi màu nhiệm nhất.

Thật ý nghĩa khi Giáo Hội đặt ngày kính Mẹ Thiên Chúa vào ngày đầu năm, ngày thứ nhất của một khởi đầu mới. Giáo Hội muốn đặt trong tay Mẹ Maria cái khởi đầu mới cho một chuỗi thời gian huyền nhiệm trong đời của mỗi người chúng ta.

Anh chị em thân mến, để thấy liên hệ giữa Mẹ và ơn cứu độ cho nhân loại, Anh chị em hãy lần rở những hình ảnh của Mẹ chúng ta trong cuốn album Phúc Âm.

1. Tám ảnh Mẹ chụp ở Nazareth.

Hình ảnh đầu tiên Mẹ đem ơn cứu độ cho chúng ta là tám ảnh thiên thần chụp cho Mẹ lúc Mẹ được Truyền Tin.

Lúc đó vào tháng Sáu. Sứ thần Grabiel được sai đến báo tin Cho Mẹ: *“Hãy vui lên! Hỡi người đầy ơn Chúa”*. Lúc ấy, Mẹ là một thiếu nữ mới lớn. Một thiếu nữ chỉ mơ về một chân trời bình dị là được gọi là nữ tỳ của Thiên Chúa thôi. Người thiếu nữ ấy không mơ một quân vương làm chồng. Maria giản đơn trong lối sống, đơn sơ trong mộng ước mai sau. Bất chợt, sứ thần làm Mẹ bàng hoàng. Mẹ băn khoăn hỏi: *“Lời chào này có nghĩa gì đây?”*

Maria, đừng sợ vì người đã được ơn sủng nơi Thiên Chúa. Nơi lòng dạ người sẽ thụ thai và sinh con trai, và người sẽ gọi tên Ngài là Yêsu (Lc. 1: 30-31).

Chúng ta hãy hình dung, làm sao Mẹ không bối rối, hoang mang. Chân trời của Mẹ là thế, một sáng dịu hiền bên khóm huệ trắng với lời kinh khiêm tốn, êm như một tơ trời. Mộng ước của Mẹ là thế, một chiều hoàng hôn êm ả, với lời kinh bé nhỏ thôi, chỉ xin được là nữ tỳ của Thiên Chúa. Trong âm thầm, trong im lặng, trong sương ngả chiều hôm, trong sáng mai hồng, chỉ là thế, mộng ước có bấy nhiêu. Giờ đây, như có tiếng nhạc rộn ràng của minh quân. Như khung trời miền quê Nazareth thôi êm ả, vang vang lời thông báo của vị vua quyền quý đi tìm Nữ Vương. Và Nữ Vương đó lại chính là Mẹ. Làm sao Mẹ không bàng hoàng trước tiếng nhạc, vó câu hỏi hả, điều mà Mẹ chẳng bao giờ ủ trong hồn giấc mơ.

Maria, đừng sợ, Thánh Thần sẽ đến trên cô, bởi thế mà trẻ sắp sinh sẽ được gọi là thánh, là Con Thiên Chúa. Vì với Thiên Chúa, nào có gì lại là không có thể (Lc. 1 :35).

Anh chị em thân mến,

Cái làm tôi ngạc nhiên là Mẹ Maria tin ngay lời của sứ thần. Mẹ chỉ thưa một lời rất ngắn: *“Này tôi là tôi tớ Chúa, tôi xin vâng như lời sứ thần truyền.”* (Lc. 1: 26-38). Tại sao một thụ tạo mà dám nhận làm Mẹ Thiên Chúa? Tôi không hiểu nổi, và tôi sẽ không bao giờ hiểu nổi niềm tin hun hút đó, nó là sự phó thác vô lượng của Mẹ, ngoài tầm trí tôi.

Và, từ giây phút ấy, Mẹ đem ơn cứu độ cho tôi. Giữa thân phận tôi, định mệnh tôi, ơn cứu độ tôi và Mẹ Maria là một liên hệ nhiệm mầu. Giây phút lịch sử uy hùng nhất đã đến với tôi: Thiên Chúa Nhập Thể.

Thế mà, tấm ảnh thiên thần chụp cho Mẹ gắn trong những trang đầu cuốn album của thánh Luca lại rất lặng lẽ. Một ngôi nhà nhỏ miền quê Nazareth. Căn nhà đơn sơ không có rèm cửa thêu hoa. Có thể thoảng thoảng loài hương của một nhánh oliu. Có thể thoảng thoảng loài hương của một cành huệ trắng. Lúc đó, nhà của Mẹ thanh tịnh làm sao, không có ai, một mình Mẹ thôi. Rất vắng. Rất lặng lẽ. Nhưng mà, vắng là vắng rất êm. Lặng lẽ là lặng lẽ rất thơ. Cái êm của duyên tình thánh. Cái thơ của ân lộc trời.

Tuy nhiên, cho dù có là thơ, có là mơ, chúng ta cũng vẫn phải để ý đến khía cạnh nổi bật của tấm hình Mẹ là: Mẹ thích lặng lẽ. Mẹ yêu âm thầm.

2. Tấm ảnh Mẹ chụp ở Cana.

Rồi đời Mẹ cứ âm thầm, cứ vắng. Cho đến một ngày, ngày Mẹ can thiệp vào biến cố tiệc cưới Cana. Cái vinh quang của Mẹ là Con Mẹ, cũng là Thiên Chúa đã làm phép lạ đầu tiên vì lời nói của Mẹ. Nhưng trong cái vinh quang đó, tấm hình Mẹ chụp cũng vẫn phảng phất cái âm thầm cố điệu thừa xưa ở Nazareth. Chân dung Mẹ vẫn là nét màu cố điệu của một thiếu nữ miền quê yêu lặng lẽ. Phúc Âm Thánh Yoan chụp ảnh Mẹ như sau: *“Bởi hết rượu nên Mẹ Đức Yêsu mới nói với Ngài: Họ không còn rượu nữa”* (Yn. 2: 3).

Vì lời nói của Mẹ mà tiệc cưới tiếp tục những đêm hoa đăng. Vì lời nói của Mẹ mà tiệc cưới tiếp tục vui. Đó là cái vinh quang của một người có thể dùng lời nói mà thay đổi ơn cứu độ. Nhưng cái vinh quang đó không phải là vinh quang uy quyền. Lời nói của Mẹ không là lời nói biểu lộ quyền uy. Nơi Mẹ, lời nói với Chúa Kitô là lời kinh. Cái vinh quang của Mẹ nơi tiệc cưới Cana là lòng khiêm tốn thưa với Thiên Chúa đến từ lòng xót thương của Mẹ đối với đôi tân hôn. Cũng như vinh quang của Mẹ được làm Mẹ Thiên Chúa ở buổi Truyền Tin là do lòng khiêm hạ của Mẹ đến từ sự vâng lời.

Các gia nhân giúp việc biết rõ Mẹ Maria căn dặn họ như thế nào. Nhưng khi nước biến thành rượu xong, không thấy các gia nhân nói chuyện gì với Mẹ. Các môn đệ thấy vinh quang của Đức Kitô thì tin vào Ngài, chúng ta cũng không thấy các môn đệ nói gì với Mẹ (Jn. 2: 11). Sau khi Mẹ Maria dặn các gia nhân xong, chúng ta thấy hình bóng Mẹ chìm liền.

Sự hiện diện của Mẹ có thể làm thay đổi một kỷ niệm buồn của ngày cưới, chữa lành vết thương tâm hồn vì thiếu ơn sủng. Trong cái vinh quang của Mẹ, chúng ta vẫn thấy hình ảnh nơi Mẹ là thế. Rất lặng lẽ. Rất âm thầm.

3. Tám ảnh Mẹ chụp ở Golgotha

Xem lại những tám hình cũ, đã hai lần tôi thấy Mẹ tham dự vào ơn cứu độ của Chúa cho nhân loại:

Tám ảnh đầu đời của Mẹ ở Nazareth. Anh chụp lúc Mẹ đem ơn cứu độ cho nhân loại bằng lời xin vâng, nhận Chúa xuống trần. Nhưng nhìn vào nét ảnh chụp của Luca, trong biến cố Truyền Tin, đó chỉ là liên hệ giữa Mẹ và Chúa, ngoài ra không có nhân vật thứ ba.

Tám ảnh thứ hai ở Cana chụp rõ nét hơn. Anh chụp sự hiện diện của Mẹ lúc Chúa bắt đầu công cuộc rao giảng Tin Mừng. Rõ nét ở chỗ là chính Mẹ đã can thiệp: *“Họ hết rượu rồi”* (Jn. 2:3). Mẹ là trung gian cho đôi tân hôn gặp ơn cứu độ

của Chúa. Ở đây không chỉ là giữa Thiên Chúa và Mẹ như tấm ảnh chụp ở Nazareth mà là có nhân vật thứ ba.

Tấm ảnh cuối đời của Mẹ chụp ở núi sọ rất khác so với hai tấm kia. Trong tấm ảnh thứ ba này có cả chân dung của tôi nữa, rõ mồn một. Mẹ không còn chỉ là liên hệ mình Mẹ với Chúa như tấm hình thứ nhất. Mẹ không còn chỉ là trung gian giữa Chúa và nhân loại như ở tiệc cưới Cana nữa, nơi tấm hình thứ hai. Bây giờ, tôi là con của Mẹ. Tôi ở trong tay Mẹ. Này nhé, tấm ảnh ở chân thánh giá là đây:

Đức Yêsu nói với Mẹ: “Hỡi bà, này là con bà.” Đoạn lại nói với môn đệ: “Này là Mẹ con.” Và từ giờ đó, môn đệ đã nhận lấy bà về nhà mình” (Jn. 19: 26-27).

Nhìn kỹ trong tấm hình Mẹ chụp bên đồi tử nạn, tôi thấy cái rục đỏ u ẩn trong hồn Mẹ. Cái bão tố quần quại mang màu tím thẫm của một người Mẹ thấy con mình chết. Cát bụi bên một chiều đổ nắng. Maria đứng đó. Tôi thấy ở nơi Mẹ, vẫn là một kỳ diệu nhiệm màu. Mẹ mệt mỏi trong thân xác của một con người, nhưng Mẹ không xé nổi đau thành lời. Mẹ vẫn là im lặng thôi. Ở nơi Mẹ, vẫn là cái cố diệu âm thầm của ngày Mẹ được Truyền Tin. Cái đau đớn trong bình an. Cái rục rờ của niềm tin trong cơn bão bùng. Cái sóng đổ trong bình thản, vì: Lòng Mẹ có Chúa.

Giữa đất trời mênh mông, ơn cứu độ đã hoàn tất, ngày rung động đất trời. Nhưng chẳng ai hiểu cả, mình Mẹ thôi. Cũng như ngày Truyền Tin, ngày mà vũ trụ xôn xao, ngày mà tinh tú ngỡ ngàng hoang mang, vẫn chỉ mình Mẹ hiểu thôi. Bên đồi thánh giá, Mẹ thầm lặng, nhưng là cái thầm lặng uy hùng như kẻ đi giữa mặt trời, giang tay giữa đời đón cả nhân loại vào vòng tay: *“Này là con bà.”* Chiều tâm tư ấy, đau thương, nhưng trái tim Mẹ như bình minh rục rờ cao sang của người chỉ một mình hiểu rõ thế nào là ân điển.

Tuy nhiên, cho dù có là uy hùng, có là cao sang, chúng ta cũng vẫn phải để ý đến khía cạnh nổi bật của tấm hình Mẹ, dưới chân thánh giá, Mẹ vẫn luôn luôn

là: Rất lặng lẽ. Âm thầm.

* * *

Và từ giờ đó...

Thưa Mẹ, Ở tấm ảnh thứ ba này, nó lung linh kỳ diệu làm sao. Thánh Yoan nói rằng *“từ giờ đó môn đệ nhận lấy bà về nhà mình.”* Ở lúc trước, Mẹ là trung gian cho con và Chúa. Nhưng bây giờ, lúc Chúa chết trên thập tự. Lúc Ngài sắp xa con, Ngài kéo mọi sự lên cùng Ngài. Con là con Mẹ, Mẹ là Mẹ con và Chúa Kitô là Anh em con. Tất cả quán quýt trong hồn Mẹ bao la. Bởi thế, hôm nay, khi chúng con mừng lễ Mẹ Thiên Chúa, chúng con có thể sửa tên ngày lễ, thêm vào là Lễ Mẹ Thiên Chúa, cũng là lễ Mẹ của con.

Thưa Mẹ,

Vâng, con hiểu, từ giờ đó, giờ mà Chúa trối lại chúng con là con Mẹ, thì nơi nào con ra đi Mẹ cũng đi với con. Những chiều dài bóng đổ bên đời lữ hành. Những thao thức cho một quãng đời vô định. Những khổ đau của tháng ngày cháy nắng. Những tâm tư khắc khoải của mảnh đời ty nạn. Vâng, từ giờ đó, Mẹ ở bên con. Và con hiểu, Mẹ sẽ mãi mãi ở bên con.

* * *

Anh Chị em thân mến,

Trong thánh lễ này tôi chỉ trình bày những tấm ảnh Mẹ chụp qua diễn tiến theo thời gian, từ Truyền Tin đến Đồi Tử Nạn, để Anh Chị em thấy màu sắc đã từ từ, đậm nét như thế nào. Chân dung Mẹ trong tình mẫu tử săn sóc chúng ta đã đi từ xa xa như thủy triều nhẹ nhàng trong ngày Truyền Tin, đến dâng cao sóng đổ khi cuối đời tử nạn.

Chớ gì chúng ta hãy suy niệm tấm ảnh Mẹ chụp sau khi Chúa về trời, với Thánh Thần Chúa hiện xuống, Mẹ ở giữa các môn đệ tiên khởi để chúng ta thấy màu sắc ảnh Mẹ còn rục rờ như thế nào giữa lòng Giáo Hội, trong chương trình Mẹ đem ơn cứu độ cho chúng ta.

Niềm tin và lòng sốt mến của người Công Giáo đối với Mẹ Maria không phải là một lòng sốt mến dựa trên cảm xúc. Nhìn vào những tấm hình Mẹ chụp ở Nazareth, ở Cana, ở Golgotha, chúng ta thấy rõ niềm tin và lòng sốt mến này như một dòng suối thơm ngát hương Kinh Thánh. Bởi đến từ Kinh Thánh, vì thế lòng cậy trông đối với Mẹ và sự chở che của Mẹ đối với các con của Mẹ sẽ chảy dài trong Giáo Hội như một nền thần học căn bản, vĩnh cửu.

*Ngày đầu năm, Lễ Mẹ Thiên Chúa 1.1.1993,
Palawan, Philippines.*

KHÔNG PHẢI BÁNH VỤN



“Anh em hãy thu lấy những mẩu bánh thừa, đừng để hư phí” (Yn. 6:12).

Với năm ngàn người ăn, không kể đàn bà và con nít (Mt. 14:21). Vậy số người phải là đông lắm. Rừng người như thế thì phải cả ngàn ổ bánh chiên đó được phát ra. Bánh nhiều như vậy tại sao Chúa lại tiếc những mẩu bánh vụn còn dư? Từ những mẩu bánh thừa mà Chúa quý hóa muốn giữ lại. Từ thái độ Chúa tiếc những miếng bánh dư. Chúng ta hãy đi tìm ý nghĩa những mẩu bánh vụn để suy niệm về thứ bánh vụn thiêng liêng.

1. Nguyên nhân của những mẩu bánh vụn

“Chúa Yêsu gọi các môn đệ đến mà bảo rằng: Ta thương đoàn dân này, vì đã ba ngày họ luôn ở với ta và họ không có gì ăn, Ta không muốn để họ nhịn đói mà về, sợ rằng họ mệt là dọc đường” (Mt. 15:32). Phép lạ này kéo chú ý đặc biệt của cả bốn thánh sử vì được ghi lại trong cả bốn Phúc Âm (Mt. 14:13-21; Mc. 6:31-44; Lc. 9:10-17; Yn. 6:1-13). Mátthêu và Máccô còn kể thêm Chúa làm phép lạ bánh lần thứ hai nữa (Mt. 15:32-38; Mc. 8:1-10).

Vì *“Ta thương đoàn dân này”*, đó là nguyên nhân của câu chuyện bánh hóa ra nhiều. Tình thương của Chúa đã để đời mình rơi xuống, hạt lúa mạch rửa ra và lên bông, rồi cho thành thối bột. Vì *“Ta không muốn để họ đói”*, trái tim thương

xót của Chúa như một bó đuốc đốt lên trong đêm mù đặc đỏi khổ để ta thấy màu vàng thơm ngát của mùi bánh. Vì “*Ta sợ rằng họ là dọc đường*”, lòng trắc ẩn của Chúa là lò lửa rực than hồng đẩy những thỏi bột chết im nở thành sự sống, rải xuống để ta đi trọn đường trần.

2. Tập nhìn ra những mẫu bánh vụn

Gọi là bánh vụn vì nó nhỏ. Bánh vụn là những miếng bánh bị bẻ ra rồi nên người ta không muốn. Vì không muốn nên thân phận những miếng bánh vụn thường là hẩm hiu. Vì nhỏ, vì vụn, vì bị coi thường nên người ta không nhìn ra những miếng bánh đó trong cuộc đời.

Nếu không có những cây cành nhỏ thì chẳng thể có rừng già. Sa mạc chỉ là nhìn những hạt cát rời trong cái nhìn chung những hạt cát. Nhìn toàn thể thì dễ hơn nhìn những phần tử trong toàn thể. Đi tìm những cái vụn, những cái bé đòi một nghệ thuật trầm lắng sâu sắc, một suy tư không thể lười biếng dễ dãi. Người ta không thể thưởng lãm được vẻ đẹp của bức tranh khi chối từ ý nghĩa của những mảng màu lất phất một vài nét, nó nhỏ, có khi nhỏ lắm.

Bạn ước mơ một cuộc hành hương vượt núi qua đời, đó là chiếc bánh rực vàng thơm ngát bạn mong. Nhưng làm sao cuộc hành hương chín lên màu vàng nếu đôi chân bạn đang mang thương tích. Ấy thế mà, bạn chẳng mấy khi hài lòng trong cuộc đời vì bạn đang có đôi chân mạnh khỏe. Bạn coi đó chỉ là mẫu bánh vụn tầm thường.

Hạt sương se tròn trên nhánh lúa non. Cánh bướm dập dờn bình an. Tiếng ve sầu dật lưa trên những tàng me đang lưa thưa buông lá thả xuống trưa hè. Bạn coi đó là những mẫu bánh vụn không muốn nhặt. Một ngày nào đó trong bốn bức tường trắng toát của bệnh viện, rồi bạn thêm một sợi nắng của tháng hạ rơi qua những chùm hoa phượng, bạn nghĩ đến thơ thần dưới hàng dừa, bạn muốn thả chân bên cầu ao gỗ, bạn ước ao ném một nắm cơm cho bầy vịt tranh nhau ăn.

Khi mất rồi, bạn mới thấy những mẩu bánh bị coi thường rẻ rúng có hương thơm ngọt ngào. Vậy bao giờ bạn mới chấp nhận một sợi nắng, một bóng dừa, một cầu ao gỗ không phải là những mẩu bánh vụn vô ích. Từ sáng tới tối có biết bao hạnh phúc nhỏ chung quanh mà bạn không nhìn ra nên bạn coi thường. Và có khi vì coi thường nên không nhìn ra.

Có người lữ khách tò mò, muốn đến xem một vườn hoa rất lạ. Được tin ấy, người làm vườn nhà quê vội chặt hết vườn hoa. Khi tới, lữ khách ngỡ ngàng vì chẳng còn gì ngoài một cảnh hoa duy nhất. Người làm vườn trả lời cho người lữ khách ngàn dặm rằng nếu ông không chặt hết vườn hoa thì lữ khách chỉ thấy vườn hoa chứ chưa chắc đã thấy hoa.

Nhiều khi chúng ta ngang qua cánh đồng hoa mà chỉ thấy một cánh đồng màu sắc chứ không thấy hoa. Đi tìm cánh hoa sót lại, chúng ta sẽ biết hoa như thế nào.

3. Không phải là bánh vụn

Chúng ta thấy Chúa quý những mẩu bánh vụn vì nó là phép lạ của Chúa. Nói cách khác, nó là ơn sủng, là sự cứu độ đến từ lòng xót thương, là tình yêu của Chúa. Ơn sủng, lòng thương xót, tình yêu là lửa. Giá trị của nó hệ tại phẩm chất hơn là số lượng. Lửa giả không đốt cháy. Lửa thật thì chỉ một ngọn đuốc cũng có thể biến thành rừng lửa bùng bùng trên đầu núi. Những vụn lửa nhỏ là những vì sao trời lấp lánh. Nhiều khi ta cần những vụn sao nhỏ hơn là mặt trời gay gắt. Cũng có khi những vì sao nhỏ không phải là những vụn lửa nhỏ mà chỉ vì ta không thể tới gần. Nó nhỏ vì nó ở xa.

Chính các môn đệ cũng nói với Thầy: *“Chúng tôi chỉ có năm chiếc bánh và hai con cá thôi”* (Mt. 14:17). Nhưng trong số nhỏ bé khiêm tốn ấy đã ngầm chứa hàng ngàn ổ bánh khác. Họ không nhìn thấy chỉ vì họ còn ở quá xa lộ trình hiểu biết Thầy.

Có khi một lời trần trối mà cho nhau cả một lý tưởng. Có khi chỉ là dòng nước mắt tha thứ mà nâng nhau dậy khỏi vực sâu hun hút thất vọng. Nó là những mẩu vụn hôm nay, nhưng là sức sống mãnh liệt ngày mai. Khi những cành cây bị chặt ra, tròng xuống, nó là mẩu vụn bây giờ nhưng là cánh rừng của thời gian đang tới. Trong ơn sủng của Chúa, không có gì là những mẩu vụn bé nhỏ tầm thường. Tình yêu và ơn sủng là ngọn pháo bông. Khi nó tung vỡ thành trăm ngàn vụn nhỏ nó càng rực rỡ huy hoàng. Những ơn sủng hàng ngày, ở đây, ở kia, có thể là một ngày khoẻ mạnh, có thể là mâm cơm chiều có mặt cha mẹ con cái, đấy là những đốm lửa của ngọn pháo bông. Nó không bé nhỏ dư thừa. Vụn bánh không có nghĩa là bánh vụn, vì nó chứa một giá trị lớn lao trong dáng điệu nhỏ bé ấy.

Khi tấm bánh bị bẻ ra trên bàn thờ nó trở thành nhỏ bé mỏng manh, nhưng không có nghĩa tấm bánh mất đi quyền năng và ơn thánh. Nó nhỏ vì đức tin của tôi quá xa, lòng cảm nghiệm của tôi quá chật.

Khi hiến lễ đền tội cho nhân loại của Đức Kitô trên Núi Sọ tan ra, vóc dáng Người sụp xuống, tấm bánh hy tế ấy nhỏ lại trong dáng nhỏ nhưng như nắng vỡ, lan ra, chảy trùm kín vũ trụ.

4. Hạnh phúc

Có người tự chọn suốt đời là khắc khoải khổ đau vì đi tìm những hạnh phúc lớn. Có tâm hồn đau khổ không làm gì được họ vì họ cứ đi nhặt những hạnh phúc nhỏ. Họ đi nhặt những hạnh phúc nhỏ để trải xuống thành hạnh phúc không lớn nhưng thật dài, dài trọn cuộc đời, và đời họ là hạnh phúc.

CĂN CƯỚC



Phúc Âm thánh Yoan, phần phụ chương, chương 21:

Sau đó, Đức Yêsu lại tỏ mình ra lần nữa cho môn đệ ở ven biển Tibêria. Ngài tỏ mình ra như thế này: Tề tựu với nhau có Simon Phêrô và Tôma, nghĩa là sinh đôi, Nathanael người Cana xứ Galilê, các con ông Zêbêdê, và hai môn đệ khác nữa, Simon Phêrô nói với họ: “Tôi đi đánh cá đây”. Họ nói với ông: “Chúng tôi cũng đi với ông”. Họ ra đi, lên một chiếc thuyền; nhưng đêm ấy họ không bắt được gì cả (Jn. 21:2-3).

* * *

Cuộc đời Phêrô có nhiều sôi nổi. Gồm lại những sôi nổi, ta có thể chia đời của ông làm hai: Cuộc đời phần một, từ khi theo Thầy ở biển hồ Galilê đến lúc chối Thầy. Phần hai, từ khi theo Thầy ở biển hồ Tibêria cho đến cuối đời chết ở Roma.

Tôi chọn những lời Phúc Âm trên đây để vẽ căn cước cho ông vì trong cuộc đời phần một của ông, ông đi từ lỗi lầm này qua lỗi lầm khác. Cuối đời của Chúa, Chúa đã bị ông chối từ thê thảm (Mc. 14:66-72). Nhưng phần thứ hai trong đời ông là một thiên anh hùng ca. Thiên anh hùng ca được mở đầu bằng những lời chứng của Yoan trên đây. Lời chứng nói về một đêm đen mờ mịt của biển hồ Tibêria, rồi đưa đời ông từ đêm đen mờ mịt ấy về một cõi trời phiêu bạt mịt mù sương gió cho Nước Trời.

* * *

Trên biển hồ Tibêria, thẻ căn cước của ông được viết bằng một hàng chữ ngắn: Tôi đi đánh cá. Ông mở đầu cuộc đời anh hùng ca của ông bằng mấy chữ ấy. Với thẻ căn cước đó ông vẽ chân dung của ông bằng những mảng màu độc đáo. Đời ông ra sao về sau này, tùy thuộc ở tấm căn cước mà ông xác định trên biển hồ hôm nay: Tôi đi đánh cá. Vậy chúng ta hãy “xét” căn cước của ông để tìm một chút thành tố căn bản cho thiên anh hùng ca đời ông.

Chấp nhận cô đơn sương gió

Trên biển hồ hôm đó, ta thấy Yoan kể về một nhóm bạn hữu. Đếm ra ít nhất cũng bảy người, nếu tính cả Phêrô, biết đâu còn nhiều hơn. Thầy của họ vừa mới chết. Cái tang chế u buồn như còn chít vòng khăn xô trong tim họ. Mất Thầy rồi, giờ này biết đi đâu? tương lai chúng ta ra sao? Chắc chắn họ vọng về những ngày quá khứ đi đâu cũng có Thầy với nỗi sầu muộn u hoài. Chắc chắn họ nhìn về tương lai với nỗi lo băn khoăn. Bởi đó, họ cần nhau. Đi đâu họ cũng muốn có nhau. Cho nên cái thường tình, họ ngồi chụm với nhau một đám đông là thế.

Trời xuống đêm nặng nề. Ngoài kia biển cứ mênh mông vô tâm. Họ hỏi nhau. Chúng ta sẽ đi về đâu? Chúng ta phải làm gì? Những câu hỏi ngắn thôi mà câu trả lời sao mịt mờ quá. Trong cái bơ vơ mịt mõi để tìm một định hướng, Phêrô lên tiếng: Tôi đi đánh cá.

Ông đại dột quá, tại sao ông không nói: Chúng ta hãy đi đánh cá. Ông lờ lờ mất rồi. Ông chỉ nói: Tôi đi đánh cá. Nếu không ai đi với ông thì sao? Khi ông nói, Tôi đi đánh cá, mà không ai đi với ông thì ông phải đi một mình. Chúng ta hãy nhìn mảng màu mà ông tự vẽ cho ông. Ông đã nhìn thấy một đêm đen mờ mịt, ngoài kia gió lạnh buông theo sương. Mênh mông một mái chèo. Lặng lẽ trong khuya khoắt một nhịp sóng cô độc, lẻ loi. Nếu không ai đi, một mình một mái chèo, một mình một biển rộng hoang vu, một mình một bão tố thăm thẳm. Nếu không ai đi, gió đưa về từng con sóng bung vạt áo, một tay đỡ nhịp, một tay

chống. Chắc chắn ông đã nhìn thấy ra khơi trong đêm nay là thế. Nhưng tiếng lòng của ông là căn cước của riêng ông. Nếu không ai đi ông vẫn ra đi một mình.

Từ nay, bước đường căn cước ơn gọi làm Kitô hữu của tôi là thế. Là ngược gió mà đi, là ngược theo dòng đời mà tới. Tôi chọn hàng chữ Phêrô viết trên tấm căn cước của ông: Tôi đi đánh cá. Vì tôi thấy ông có một lựa chọn dứt khoát cho một ơn gọi. Không có ai đi, tôi vẫn đi. Trên cuộc đời, có người đi ngược, có kẻ về xuôi. Nhưng đâu là con đường của tôi. Phêrô, ông đã không để đời ông nhiễm lạnh vì cái ấm cúng của một đám đông. Ông không để đời ông sợ hãi vì không có kẻ đồng hành mà ngần ngại với ơn gọi. Tôi đang nhìn thấy một Phêrô khác cũng đang vẽ căn cước cho đời mình bằng thiên anh hùng ca của biển hồ Tiberia năm xưa, đó là Yoan-Phaolô II. Người ta chống đối Giáo Hội, vì Ngài dám nói thẳng về những tệ trạng thiếu luân lý, công bình của xã hội hôm nay.

Trong ơn gọi làm Kitô hữu của mình, tôi cần viết một hàng chữ cho căn cước của tôi.

Đặc tính của lửa

Khi Phêrô nói: Tôi đi đánh cá. Các ông khác cùng nói: Chúng tôi cũng đi với ông. Chúng ta giả sử đêm ấy Phêrô không ra khơi, chắc hẳn chẳng có ai muốn xuống thuyền. Nhưng giờ đây, ta hãy nhìn những mảng màu táo bạo Phêrô đổ xuống biển hồ. Trong cái đêm đen mênh mông ấy, khi mà thế giới say ngủ, nhóm chài lưới bắt người ra khơi. Họ tiến vào mù mịt gió sương, họ đập chèo vào mặt sóng không sợ hãi, họ dứt khoát đi thẳng vào mịt mù nước mênh mông. Đẹp làm sao trong cái u hoài sầu muộn, giờ đây bùng bùng lửa, đốt thành bảy ngọn hải đăng thiêng liêng. Mỗi con sóng đập là toé lên từng mảng màu dưng cảm long lanh. Mỗi ào ào gió tạt là vung tay gạt thách đổ. Tôi có thể nhìn thấy Phêrô đứng ở mũi thuyền, mỗi lần sóng trào lên, mắt ông ngời sáng nhìn về

phía trước. Tóc ông rối bay ẩm ướt gió sương. Không phải biển hồ đe dọa nuốt ông, mà là ông đe dọa sẽ nuốt cả biển hồ.

Lửa. Một lần Đức Kitô đã nói: *“Ta đã đem lửa xuống thế gian và ta muốn lửa ấy cháy lên”* (Lc. 12:49). Đặc tính của lửa là đốt cháy. Cái mệnh đề: *“Tôi đi đánh cá”* của Phêrô dẫn đến mệnh đề thứ hai: *“Chúng tôi cùng đi với ông”*. Họ đã bị Phêrô đốt cháy.

* * *

Lạy Chúa,

Cuộc đời con có nhiều khúc đường mà kẻ đi xuôi, người về ngược, kẻ bảo dừng, người phân vân. Trong cái hoang mang đó con rất dễ đánh mất căn cước ơn gọi của con. “Xét” căn cước của Phêrô, con thấy đời ông có một lý tưởng. Thiên anh hùng ca đời ông đã bắt đầu bằng thái độ dứt khoát đó. “Xét” căn cước của Phêrô, con thấy ông đã đốt cháy đời kẻ khác chung quanh ông. Dựa vào căn cước của ông con cần xét căn cước của mình:

- Trong cuộc sống, nếu con không dám trung thành với giáo huấn của Giáo Hội, nếu con tự nhủ lối sống dễ dãi của con chẳng có gì phân nân vì tất cả kẻ khác cũng sống như vậy. Đây là dấu chỉ con bỏ căn cước ơn gọi Kitô hữu của con, con đang cầm căn cước của người khác rồi.

- Lý tưởng của Phêrô đã làm thay đổi ngoại cảnh chung quanh ông. Chỉ có lửa giả mới không đốt cháy. Nếu trong bốn phận Chúa trao cho con, mà chung quanh con mọi thứ đều tà tà, chẳng có gì thay đổi, đây là dấu hiệu con phải “xét” kỹ lại căn cước thiêng liêng của mình.

LINH MỤC



Người ta có thể thiếu nhiều thứ, nhưng không nhà nào có thể thiếu thùng rác. Nó chẳng có gì đẹp, nhưng lại cần thiết biết bao!

Rác càng nhiều càng cần thùng rác. Rác càng dơ càng cần thùng rác tốt. Chỗ nào cũng có rác. Nơi nào thiếu thùng rác, nơi đó dơ. Một ngày không có thùng rác, nhà bếp của tôi sẽ ra sao. Rác gây mùi tanh tưởi, rác đem ruồi nhặng bu tới, rác sinh dòi bọ, rác đưa bệnh tật về. Rác làm dơ bản cuộc đời.

Lời nguyện linh mục

Có nhiều hình ảnh nói về thiên chức linh mục. Nhưng nếu gọi Chúa là Đấng gánh tội trần gian thì hình ảnh thùng rác cũng là một hình ảnh có thể diễn tả thiên chức linh mục của Chúa. Tội lỗi là rác rưởi. Mà linh mục, nơi tòa giải tội, con nhận biết bao nhiêu thứ rác.

Lạy Chúa, nhà ai cũng cần thùng rác, thế hệ nào cũng vậy, nhưng không có ai đặt thùng rác ở chỗ trang trọng. Người ta dấu kín nó. Nó phải lặng lẽ chiếm một vị trí khiêm tốn trong căn phòng. Cái ẩn dật của nó không làm nó mất giá trị, trái lại nó càng dễ giấu kín bao nhiêu thì nó lại càng là thùng rác có giá trị bấy nhiêu. Nếu ngày nào dựa vào sự cần thiết của mình để đòi hỏi một chỗ đứng trang trọng thì nó trở thành một thứ rác làm dơ căn phòng. Nó phải biết vị trí của mình.

* * *

Giá trị của thùng rác là có thể chứa được rác. Ngày nào thùng rác hư thì người ta sẽ sa thải nó như một thứ rác. Chúa đã căn dặn con: *“Nếu muối ra lạt thì lấy gì ướp nó mặn lại? Không còn ích gì, chỉ còn đổ ra ngoài cho người ta dẫm đạp mà thôi”* (Mc. 5: 13). Đôi khi nghĩ đến điều ấy mà con ngại ngùng.

* * *

Cái siêu bạo của thùng rác là chứa rác nhưng không để đời mình thành rác. Điều ấy khó lắm Chúa ạ. Ngày ngày người ta thấy biết bao nhiêu thứ rác vào, nó phải ôm chịu, nhưng không được phép để cho đời mình lây rác. Nơi tòa giải tội, hàng ngày, hàng chiều con nhận biết bao nhiêu thứ rác của cuộc sống. Có những hoàn cảnh đáng thương làm con cũng muốn oán than cuộc đời. Có những chiến đấu mệt mỏi làm con như cũng mệt mỏi lây. Chúa bảo con tiếp tục làm thùng rác nhưng lại nghiêm trị cảnh giác con không được để mình bén rác.

* * *

Con đã thấy những thùng rác bỏ ngang đời mình, có thể vì chính họ tự ý, hoặc có thể vì đã bị cuộc đời chối bỏ. Những thùng rác không còn chứa rác được nữa thì sẽ bị loại đi như những cành cây khô gãy. Làm sao sống với rác mà không để nhiễm lạnh của rác. Điều ấy, con phải cẩn thận biết bao nhiêu.

* * *

Lạy Chúa, vì tiếp cận với rác nên thùng rác cần được thanh tẩy. Nó chỉ là nơi nhận rác thôi chứ không thể giữ rác. Nếu nó không được thanh tẩy, dần dà rác sẽ biến nó thành rác. Có những thứ rác sẽ bám vào thùng rác, sẽ giữ con lại cũng như những liên hệ trong cuộc sống của con. Trong những rác rưởi ấy biết đâu chẳng có những đồng tiền han rỉ mà con ham thích, biết đâu chẳng có những liên hệ tình cảm mà con thầm mong. Thùng rác, nó cần người đổ rác biết bao. Con cần tâm sự với Chúa. Con phải đem trút đổ vào Chúa mỗi khi chiều về

hoàng hôn tắt nắng. Khi cửa nhà thờ khép lại, không gian chìm vào yên tĩnh cô mặc là lúc con phải tâm sự nhiều hơn với Chúa.

Người đổ rác thường đi vào những giờ còn vắng vẻ. Xin cho con biết yêu mến sự thinh lặng. Có khi tối trời còn ngái ngủ, có khi đêm về muộn không muốn thức là lúc người đổ rác trút bỏ rác nặng cả một ngày. Con cần những giây phút tĩnh mịch hồi tâm với Chúa. Ngoài sự thinh lặng con khó mà gặp được Chúa, nhất là trong xã hội hôm nay với bao nhiêu tiếng gọi ồn ào, những tiếng gọi như bao trùm nhiều vẻ đẹp, nào là văn hóa, nào là chính trị, nào là nghệ thuật, nào là cứu trợ, nào là hòa bình....

* * *

Người ta quý những thùng rác tốt vì người ta cần nó. Khi người ta khó chịu là dấu chỉ thùng rác đã không trút đổ hết rác. Những dấu chỉ ấy con phải tinh tế để nhận ra. Con cần tâm sự với Chúa biết bao, xin chỉ bảo con.

* * *

Con xin Chúa băng bó những vết thương của con như người hốt rác chữa lành những sứt mẻ của thùng rác. Những giờ chiều bên Minh Thánh Chúa, những lúc tối trời bên Nhà Tạm yên tịnh của Cha là lúc Cha muốn gặp con.

* * *

Thùng rác cần người đổ rác thì người đổ rác cũng cần thùng rác lắm chứ. Con cứ nghĩ nếu không có thùng rác thì người đổ rác vất vả lắm. Điều đó cũng có nghĩa là người đổ rác sẽ gìn giữ thùng rác lành lặn, săn sóc nó. Con tin rằng Chúa thương con, thương những cuộc đời linh mục, vì là kẻ đồng hành với Chúa mà. Chẳng thế sao Chúa đã gọi con: “Hãy theo Ta” (Mc. 1: 17). Mỗi sáng người đổ rác tới thăm, nhìn xem thùng rác còn lành lặn không, đấy là niềm an ủi của con.

Nếu có những rác độc làm con sây sứt, xin Chúa chữa lành con. Cứ nghĩ đến mảnh đời hiu quạnh khi thùng rác không còn dùng vào việc gì được nữa, khi rác

đã biến nó thành rác rồi người ta liệng đi, con thấy chua xót.

* * *

Thánh Phaolô đã có những bản khoản về yếu đuối của mình, con cũng muốn lấy lời cầu nguyện của Ngài làm của con: *“Đã ba lần tôi nài xin Chúa cất đi. Nhưng Chúa đã Phán bảo tôi: Ôn của Ta đủ cho người. Vì chúng quyền năng chỉ biểu hiện trong yếu đuối”* (2 Cor. 12: 8-9). Dựa vào lòng thương xót của Chúa mà con chấp nhận ơn gọi. Trong âu lo con phó thác đời con, vì con biết Cha thương con.

* * *

Những hình ảnh đẹp vẽ về một chân trời, những lời ca viết về một chuyện tình sử, những lời thơ dệt một mơ ước, con không thấy hình ảnh nào đẹp như thùng rác. Đẹp, vì ở nơi nó, tâm thường mà dũng cảm. An ủi làm sao khi người đổ rác cúi xuống nói với thùng rác: *“Ta không chọn những con đường đẹp, Ta sẽ làm đẹp tất cả nơi nào Ta đi tới.”* Chúa cũng muốn con đừng tìm kiếm để đi trên những quăng đời có cỏ hoa nhưng làm nở hoa bất cứ nơi nào con đi tới.

Con có một mơ ước, lạy Chúa, con xin gởi ước mơ là linh mục đời đời đó nơi Chúa, hãy dìu con. Amen.